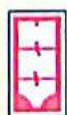


Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 2

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts. PHÙNG HỮU PHÚ (Chủ tịch)

Nhà thơ HỮU THỈNH (Phó Chủ tịch)

Hoạ sĩ VŨ GIÁNG HƯƠNG

Pgs.Ts. NGUYỄN VĂN THẠO

Gs. HÀ MINH ĐỨC

Pgs.Ts. PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Nhà văn TRUNG TRUNG ĐÌNH

Ts. NGUYỄN DANH NGÀ

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (Chủ biên)

Nhà văn TRUNG TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

Nhà văn PHẠM SÔNG HỒNG

*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.*

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và thực hiện Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị “Tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới”, Hội Nhà văn Việt Nam được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao cho Nhà xuất bản Hội Nhà văn xuất bản bộ sách “HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH”, nhằm quảng bá sâu rộng trong nhân dân, giúp cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết sâu sắc hơn tình cảm của Bác Hồ với văn nghệ sĩ, cũng như tình cảm chân thành, sâu sắc của giới văn nghệ sĩ đối với Bác Hồ.

Bộ sách là sự thể hiện sinh động, chân thực tình cảm cao đẹp và đạo đức trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân với nước, và đặc biệt là, đối với các văn nghệ sĩ cách mạng - những người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá tư tưởng của Đảng; đồng thời là vũ khí sắc bén và hiệu quả, nhằm đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bóp méo sự thật về nhân cách, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người.

Đây là bộ sách quý, mang tính khoa học, tính tư tưởng và nghệ thuật cao, tập hợp có hệ thống những tác phẩm, bài viết và bài nói chuyện của Bác về văn học nghệ thuật, hồi ký của các văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; những sáng tác văn học, nghệ thuật chọn lọc viết về Người.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, cán bộ, công nhân viên Nhà xuất bản Hội Nhà văn cùng các cộng tác viên nêu cao trách nhiệm, nghiêm túc và khẩn

trương sưu tầm, tuyển chọn với lòng biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh; coi đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực chào mừng kỷ niệm lần thứ 120 Ngày sinh của Người, 80 năm Ngày thành lập Đảng và đón mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Bộ sách cũng là một công trình tập thể của giới lao động văn học cả nước chào mừng Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, biên tập khó tránh khỏi có những sơ suất, chúng tôi chân thành kính mong nhận được sự đóng góp xây dựng quý báu của quý độc giả để những lần tái bản sau, bộ sách sẽ hoàn thiện hơn, đáp ứng niềm mong mỏi và tình cảm của nhân dân cả nước nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng đối với Bác Hồ kính yêu.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”
mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

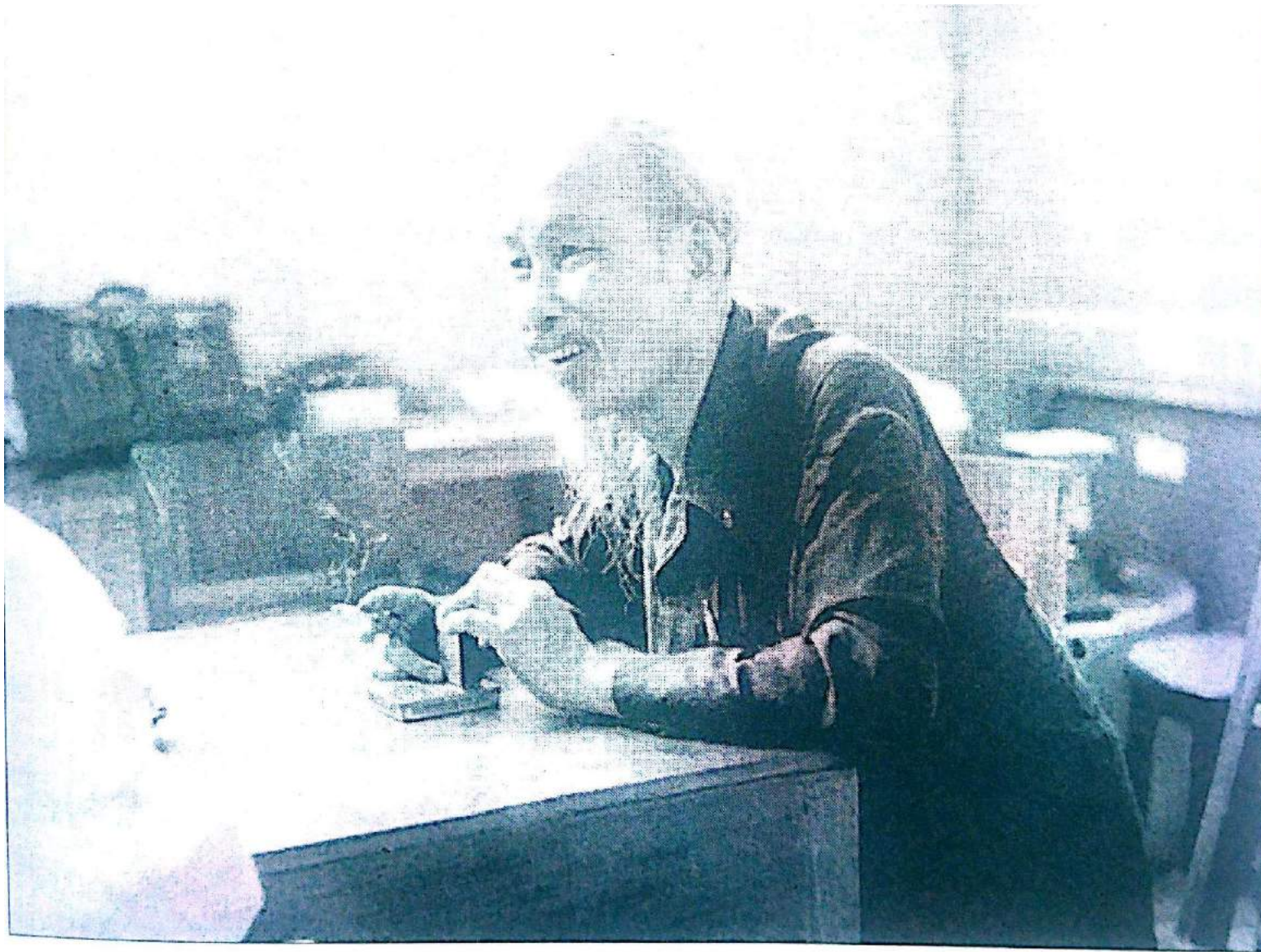
Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Chủ tịch Hồ Chí Minh (1958)

Ảnh: Đinh Đăng Định

VĂN HỒ CHỦ TỊCH VỚI NHÂN DÂN (Trích)

NGUYỄN ĐÌNH THI

Nói đến Hồ Chủ tịch, mỗi lần chúng ta lại nhận ra những nét mới.

Hoạ sĩ Nguyễn Đỗ Cung hồi 1946 vẽ Hồ Chủ tịch ở Bắc Bộ phủ có kể lại cái cảm giác bàng hoàng khi gặp Cụ lần đầu: giữa một phòng làm việc kiểu lai tây lai ta của bọn thực dân trước, giữa những tủ gương, bàn giấy, sập, giường tây, ghế nằm, bỗng thấy Cụ Hồ ngồi làm việc trong bộ áo ka ki bạc cũ như một ông già ở đâu hiện đến, và lúc nào cũng có thể tự nhiên lại ra khỏi cảnh ấy. Trong con mắt hoạ sĩ, hình ảnh ông già kỳ diệu không ăn khớp gì với những đồ đạc và gian phòng chung quanh, Hồ Chủ tịch hiện lên trong khung cảnh ấy một cách khác thường, hình như chỗ của Cụ là ở nơi khác kia.

Lần gặp gỡ đầu tiên giữa Hồ Chủ tịch và nhân dân thì khác hẳn: ngày mùng hai tháng chín lịch sử dưới nắng thu đỏ lửa, lúc người chiến sĩ cách mạng nét mặt như nhà hiền triết, lúc vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bỗng hỏi: "Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?" thì cả biển người đang còn ngấm ngấm đợi chờ bỗng dào lên mà trả lời. Từ lúc ấy người lính già của dân tộc đã thấy dân tộc Việt Nam nghiêm nhiên độc lập tự do, và nhân dân Việt Nam đã thấy mình có một vị Chủ tịch chiến sĩ.

Trong khi nhân dân nhận ra Cụ Hồ một cách nhanh chóng như vậy, thì giới văn hoá trí thức vẫn còn lúng túng và ngỡ ngàng. Chúng ta còn nhớ sau ngày khởi nghĩa, một số anh em trí thức xì xào bàn tán ca tụng vị Chủ tịch nói được nhiều thứ tiếng ngoại quốc! Một nhà giáo dục lúc đó thường hay đi khoe rằng Cụ biết

tiếng Anh giỏi hơn cả một vài người đã từng ở lâu năm và đậu bằng cấp cao bên Anh. Nhưng còn những điều Hồ Chủ tịch nói bằng tiếng Việt Nam và cách nói những điều ấy thì lại thực làm cho nhiều người ngạc nhiên. Những người trí thức kính trọng Hồ Chủ tịch như mọi công dân kính trọng lãnh tụ. Nhưng đọc những lá thư, những câu thơ của Hồ Chủ tịch, nghe Cụ nói về chính trị, văn hoá của dân ta, có người như muốn tự hỏi thầm: "Thế này thôi ư?". Nói đời sống mới, Hồ Chủ tịch bảo: Cần kiệm liêm chính. Nói đường lối đấu tranh, Hồ Chủ tịch bảo: Toàn dân đoàn kết. Viết thư cho chiến sĩ Nam Bộ, vị Chủ tịch làm thơ: "Tết này ta tạm xa nhau".

Nhà văn Nga Êrenbua có nhận xét rằng người thợ không hiểu một bài văn thơ, một bức tranh thì cho là lỗi tại mình và cố sức tìm hiểu, trái với kẻ tư bản không hiểu một tác phẩm thì khinh bỉ, cho là tại người đã tạo ra tác phẩm ấy. Một số người lúc đầu, đọc lời văn bình dị đơn giản của Hồ Chủ tịch không thấy những câu đẹp, bóng bẩy theo ý họ mong đợi, theo những sách vở họ quen đọc, có lẽ trong thâm tâm cũng như kẻ tư bản kia đổ lỗi cho người viết. Nhưng trước mắt họ, hình ảnh Hồ Chủ tịch vĩ đại, họ chỉ thức mắc thắm.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, Hồ Chủ tịch đứng trên diễn đàn Hội nghị Văn hoá toàn quốc nói với các nhà văn hoá trong khi bên ngoài phố vắng, những xe thiết giáp của Pháp chở đầy lính mũ đỏ hung hăng khiêu khích. Hồ Chủ tịch nói: "Thưa các ngài, đối với văn hoá, tôi là một người môn ngoại hán"^(*)! Có lẽ một số các nhà văn hoá "chuyên môn" bây giờ cũng nghĩ rằng ý kiến Hồ Chủ tịch không có tính chất "văn hoá chuyên môn". Nhưng trong khi ấy, những lời Hồ Chủ tịch nói ra làm rung động lòng nhân dân suốt từ phố hè Hà Nội đến những cánh rừng Việt Bắc, đồng cỏ Tây Nguyên hay ruộng lúa Đồng Tháp Mười.

Trải bao nhiêu năm bị che đậy, lừa dối trong cái "học" của tư bản, của thực dân, chúng ta đã bị lừa vì những bề ngoài của

^(*) Môn ngoại hán: Người không chuyên môn (NĐT).

văn hoá. Chúng ta đã không nhận thấy rõ rằng một người nông dân du kích ở Tây Ban Nha, ở Hy Lạp, là người văn hoá hơn một viên giáo sư đại học phát xít chẳng hạn. Cuộc kháng chiến ngày nay đã dạy ta: một anh binh nhì i tờ của chúng ta là người văn hoá hơn những tên quan năm, quan sáu lê dương Pháp xuất thân ở các trường đại học, mồm nói những Tôntôi (Tolstoi), tai nghe những Môda (Mozart). Và người đàn bà "nhà quê" đi họp phụ nữ xã là người văn hoá hơn những thứ quan lại, tiền sĩ làm tay sai của giặc để tàn sát đồng bào.

Hồ Chủ tịch đã đem sự thực ấy đến rọi vào văn hoá nước ta. Văn Người viết chính là lời nói, ý nghĩ của tất cả những con người "nhỏ bé", nhũn nhặn, cần cù dai dẳng, anh dũng, đang tạo ra đất nước mới của chúng ta ngày nay, đang đẩy cuộc kháng chiến vĩ đại của chúng ta tiến gấp đến ngày chiến thắng. Vì vậy nên nhân dân gặp thấy Hồ Chủ tịch là nhận ngay ra người dắt đường cho mình.

Một bạn nhà văn có kể lại câu chuyện đọc cuốn *Đời sống mới*. Những trang giản dị đến hết mực ấy đã khiến cho nhà văn đọc rất nhanh, và gấp cuốn sách mỏng lại, ông ta thầm nghĩ: "Cũng không có gì lạ". Đến buổi tối, người con gái bà cụ chủ nhà hỏi mượn và đem đọc cho cả nhà nghe. Cô ta đọc còn chưa thông, ngập ngừng từng câu. Cả gia đình nông dân ấy, bà cụ mắt lèm nhèm, người con dâu hay đánh chửi con cái, mất một con gà thì nguyên rửa hàng xóm hàng mấy ngày, cho đến một hai người đàn bà hàng xóm sang chơi, những con người bỏ làng từ lâu lắm lên cái thung lũng heo lánh này của Việt Bắc để làm ăn, tất cả đã ngồi ngây người nghe từng lời như bị thôi miên. Bấy giờ nhà văn mới thấy mình chưa đọc được gì lúc trước.

Ngày nay chúng ta đã nhìn lại được rõ hơn. Sự ngỡ ngàng lúc đầu của một số người trí thức trước Hồ Chủ tịch là sự ngỡ ngàng của họ trước nhân dân. Công việc làm văn hoá, công việc trí thức trong chế độ cũ, trong vòng trời buộc và phình phờ của chủ nghĩa thực dân đã bị cắt lìa với đời sống của nhân dân đông đảo.

Không hiểu hết nhân dân, không sống đời sống nhân dân, không nói tiếng nói của nhân dân, nhìn nét mặt một người "nhà quê", một người đàn bà lam lũ, một anh thợ nhỏ nhem, không hiểu những nét mặt ấy giấu những ý nghĩ tình cảm gì, nên người trí thức lúc đầu không hiểu văn Hồ Chủ tịch. Vì Hồ Chủ tịch nói tiếng nói của nhân dân. Khi Cụ Hồ nói, mỗi người dân hồi xưa tôi tâm cực khổ mà đồng thời cảm thấy mập mờ trong lòng mình bao nhiêu khát khao, bao nhiêu ý nghĩ không rõ ràng, người dân ấy bỗng thấy hình như chính mình nói lên. Khi Hồ Chủ tịch nói là nhà hiền triết và người thi sĩ là trong lòng mỗi người dân nói lên.

*

* *

Mấy năm gần đây, đã nhiều nhà văn tìm hiểu văn Hồ Chí Minh. Đồng chí Phạm Văn Đồng trong cuốn *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*, đã vạch rõ những bài học lớn trong đời sống, tư tưởng và tác phong của Hồ Chủ tịch.

Văn Hồ Chủ tịch giản dị như tâm hồn của nhân dân. Cái lớn lao của một nhà tư tưởng là tìm được đường lối giản dị, soi sáng cả muôn ngàn sự việc rắc rối, hỗn độn của đời sống hàng ngày. Cuộc chiến đấu gian nan và phức tạp của chúng ta đã được Hồ Chủ tịch soi sáng theo một đường lối minh bạch, ai cũng hiểu và tin. Phân tích chủ trương chính trị của Người, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Dân tộc Việt Nam bây giờ muốn gì? Muốn thống nhất, độc lập, muốn no ấm, muốn biết chữ, muốn đời sống bớt tối tăm. Cho nên Hồ Chủ tịch chủ trương: đoàn kết kháng chiến, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, đời sống mới". Tiền gần đến phản công, Hồ Chủ tịch dặn trước mọi người: "Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan". Ngày nay giặc đánh Khu Ba, tàu bay khủng bố, thóc cao gạo kém, các bà cụ nhà quê vẫn truyền nhau câu ấy mà hiểu được tình thế. Sự sáng rõ giản dị của Hồ Chủ tịch là do một tư tưởng khoa học đã thấm nhuần được vào cuộc sống bình thường làm lụng, chiến đấu hàng ngày.

Hồ Chủ tịch nói là để làm và để mọi người làm. Người nói một câu, viết một câu, bao giờ cũng chú ý làm sao người tâm thường nhất cũng hiểu và làm theo được...

Giản dị, thực tế, luôn luôn từ đời sống nhân dân nảy lên, nên văn Hồ Chủ tịch không khô khan lạnh lẽo. Lời nói của Người đầm ấm thấm nhuần tâm hồn. Hồ Chủ tịch không những là nhà tư tưởng, Người còn là nghệ sĩ của nhân dân. Trong mỗi lời của Người, ta nghe rõ nỗi cảm xúc của dân ta. Người khuyên răn cán bộ đừng "Đầy túi quần thông cáo, đầy túi áo chỉ thị". Ai quên được bức thư trung thu đầu tiên của Người gửi cho nhi đồng: "Trăng thu trong sáng như một bà mẹ hiền". Người đề lại câu: "Có việc lo, lo trước thiên hạ, có việc vui, vui sau thiên hạ". Hồ Chủ tịch bảo: "Một ngày đồng bào chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên". Nhắc nhở đồng bào phải cố gắng vượt bậc, Người nói: "Nước ta kinh tế lạc hậu, nhưng lòng yêu nước, chí quật cường chẳng kém ai"...

*

* *

Nhân dân là nhà hiền triết cũng là nhà thi sĩ đầu tiên.

Những nhà tư tưởng và những nghệ sĩ thiên tài chỉ nảy lên khi nào họ đứng vào hàng ngũ nhân dân, tìm tòi thu hút những sáng tạo của nhân dân, khi nào họ là kết tinh của nhân dân.

Ở nước ta, Cách mạng tháng Tám đã trả lại đầu óc và tâm hồn cho nhân dân. Sức mạnh khổng lồ của nhân dân được giải phóng đã thực hiện những công cuộc không thể tưởng tượng, trên đường kháng chiến, kiến quốc. Và nhân dân, vừa vùng dậy, còn hơi bối ngỡ, như người quáng mắt khi ra khỏi ngục tối, thì tự tìm ngay thấy mình trong cách nói của Hồ Chủ tịch.

Điều kiện đã có đủ. Như lời Hồ Chủ tịch: "Gạo nước cù đều sẵn sàng, chỉ cần nhen lửa thì có cơm ăn". Chúng ta cố gắng trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, xứng đáng là người nhen ngọn lửa nấu cơm cho nhân dân.

5-1950

CÂU CHUYỆN VỀ THƠ BÁC HỒ

(Trò chuyện với nhà thơ TÔ HỮU)

Một buổi sáng mùa xuân, sau những ngày mưa phùn ẩm ướt, trời hửng nắng và khô ráo. Hai hàng cây trên đường Phan Đình Phùng (Hà Nội) như xanh đậm hẳn lên, làm cho tiết trời thêm ấm áp. Trong căn phòng nhỏ và giản dị với những bức tranh nghệ thuật trên tường, nhà thơ Tô Hữu đã thân mật tiếp chuyện chúng tôi, những cán bộ giảng dạy và nghiên cứu văn học từ Việt Bắc về. Biết chúng tôi đang tiến hành đề tài về thơ ca Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Việt Bắc, tác giả *Sáng tháng năm* mở đầu câu chuyện:

- Vấn đề mà các đồng chí đang nghiên cứu thú vị lắm! Nền văn học hiện đại của chúng ta vẫn còn món nợ về việc phản ánh cuộc sống và chiến đấu ở chiến khu Việt Bắc năm xưa. Nếu đời mình chưa trả được thì con cháu chúng ta sau này sẽ vất vả trong việc đi tìm tư liệu.

- Là người đã từng sống và làm việc nhiều năm ở chiến khu Việt Bắc, xin nhà thơ cho biết vẻ đẹp gì của vùng đất này đã tạo nên cảm hứng cho thơ ca kháng chiến nói chung, thơ ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm tại Việt Bắc nói riêng?

- Vẻ đẹp chính là nhân hoà. Ở đây, cuộc sống chỉ có đùm bọc nhau, không ai nghĩ mình dành riêng cho mình cái gì hết. Ở đời có hai quan niệm sống: cho và nhận. Kháng chiến là cho, người nọ cho người kia. Việc nhường cơm sẻ áo, chia hầm, chia lửa là chuyện bình thường. Ở đây cũng không có tự đòi hỏi và giành giật. Giá trị lớn của cách mạng là cho. Chừng nào sống thì phải biết cống hiến, hy sinh, không chỉ có nhận, càng không nên

giành giật, thì đó là xã hội văn minh. Nếu chỉ giành giật làm mục đích thì xã hội không thể tồn tại được.

Ngừng một lát, Nhà thơ nói tiếp:

- Thời kháng chiến chống Pháp, đi bộ đội gọi là "xung phong" chứ không phải là bắt đi. Thời chống Mỹ, không chấp nhận B quay. Hỏi đồng chí đi đâu, đi B, vinh dự lắm!

Biết rõ chúng tôi muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc tìm hiểu thơ ca chiến khu của Bác Hồ, được sáng tác trong hai giai đoạn: Tiền khởi nghĩa (1941-1945) và kháng chiến chống Pháp (1947-1954), đồng chí Tổ Hữu tán thưởng, nhưng thoáng vẻ suy tư, như đang nhớ lại những ngày ở Việt Bắc và những kỷ niệm về Bác qua bao năm tháng đáng ghi nhớ ấy.

- Xin đồng chí cho biết đôi nét về những kỷ niệm của mình đối với Bác Hồ làm thơ hoặc nói chuyện thơ ca khi Người sống và làm việc ở chiến khu Việt Bắc? - Một đồng chí trong chúng tôi đề nghị.

- Thỉnh thoảng Bác gọi tôi đến làm việc, có khi cho xem những bài thơ Bác làm. Đạo ấy, tôi ở cơ quan tuyên huấn, không được gần Bác, Bác ở một nơi riêng, chỉ một số ít đồng chí biết, nhưng Bác Hồ làm thơ trong hoàn cảnh cụ thể nào thì thật khó nói với các đồng chí. Bác là một tâm hồn lớn của dân tộc và của thời đại. Ở cảnh ngộ nào cũng rất trong sáng, rất ung dung, hình như giữa thiên nhiên, Bác càng thoải mái. Nhà sàn của Bác ở Việt Bắc kín đáo dưới cây cao nhưng thoáng mát, thường gần bờ suối và trông ra trời xanh. Trong khung cảnh ấy, thơ Bác vừa sâu lắng vừa nhẹ nhàng, tưởng như bình thường mà vô cùng cao thượng.

- Thừa đồng chí, có sách viết rằng, khi Bác Hồ trở lại thăm hang Pác Bó, đồng chí có cùng đi với Bác (1961). Cảm xúc trước cảnh vật và tình người, Bác nói: Bác đã có thơ rồi, nhà thơ có thơ chưa? Và Bác đã đọc bài thơ của mình:

*Hai mươi năm trước trong hang này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây.*

*Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay.*

(Thăm lại hang Pác Bó, 1961)

Xin nhà thơ kể đôi điều kỷ niệm và chuyển đi đó?

- Tôi biết, sau chuyến đi, Bác mới có bài thơ ấy, chứ không phải Bác đọc ngay tại chỗ. Đúng, Bác hay hỏi người khác về thơ theo kiểu thù tạc cho vui. Khi họp Hội đồng Chính phủ, ông Phan Anh hay lấy *Kiều* hoặc đọc thơ rất vui. Nhưng Bác tế nhị, không bao giờ đặt người làm thơ vào hoàn cảnh khó xử. Bác không hề hỏi tôi "nhà thơ có thơ chưa". Tôi rất tiếc là, trong những ngày đi cùng với Bác, tôi không ghi lại ngay được bằng thơ. Sau này nhớ lại, tôi có viết một đoạn trong bài "*Theo chân Bác*" về hang Pác Bó... Tôi nghĩ rằng viết về Bác phải sao cho xứng, vì vậy việc ứng khẩu làm thơ, tôi không dám. Phong cách thơ Bác trong những trường hợp thù tạc ấy là để cho vui, tất nhiên cũng có ý nghĩa giáo dục. Song tính nghệ thuật của những bài thơ như thế, Bác không chú ý lắm, khác với loại thơ như *Trăng vào cửa sổ đòi thơ*. Trong cuộc sống cũng như trong thơ, Bác hết sức giản dị và cũng rất tế nhị, thâm trầm.

Nói xong, nhà thơ cười rất vui, đôi mắt cũng như cười. Nhà thơ Tố Hữu nhìn chúng tôi như thăm nói Ông Cự là thế!

Chúng tôi lại tiếp lời nhà thơ Tố Hữu bằng những thắc mắc của mình, nhưng thắc mắc thì nhiều lắm. Nào là người ta đã viết, đã giảng về bài *Cảnh khuya* (1947) chưa đúng lắm, khi phân tích chi tiết "người chưa ngủ", nào là có giáo sư "tán" câu thơ: *Du kích quy lai tẩu vị tàn* trong bài *Thu dạ* không hợp với hoàn cảnh sống và chiến đấu cũng như phong cách sinh hoạt của Bác ở chiến khu Việt Bắc, v.v..

Chúng tôi còn nêu lên những cách hiểu khác nhau của các nhà nghiên cứu về những chi tiết như tiếng "*Chuông lầu*" trong bài *Báo tiếp* (Tin thắng trận), chi tiết "*chim rìng vào cửa đậu*", "*Hoa núi chiếu nghiêng soi*" trong bài *Tặng Bùi Công*, và chi tiết

"*Xách buồng dắt trẻ ra vườn tưới rau*" trong bài *Vô đề*, v.v.. Một người trong chúng tôi hỏi:

- Là một nhà thơ, xin đồng chí gợi cho độc giả một vài suy nghĩ về cách hiểu thơ Bác?

Giọng nói của tác giả *Sáng tháng năm* lại vang lên trong căn phòng ấm cúng đang được nắng xuân chiếu vào. Da mặt nhà thơ hồng tươi hơn, nhà thơ Tố Hữu sôi nổi trả lời chúng tôi như một điều tâm đắc:

- Không nên hiểu thơ chỉ với những từ ngữ của nó. Thơ không phải như cuộc đời hoàn toàn thực. Tôi thấy người ta hay dựng lên các trường phái này, trường phái khác như các bức tường. Đành rằng chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ, đúng là có cái thực chất nào đó. Nhưng thơ, nó như cuộc đời ấy, nó phong phú và biến động. Tâm hồn con người phản ánh hiện thực cuộc sống theo cách riêng của nó, nhưng không phản ánh nguyên xi qua tri giác, cảm quan. Vì vậy mà nó có sự biến dạng, thậm chí có thể biến *thực* thành *hư* mà tác giả cũng không ngờ tới. Trong tư duy con người có yếu tố chủ quan và khách quan, tôi vừa nói đến *hư* và *thực*; cái thực vào trong đầu có phần *hư*, với nghệ sĩ thì phần *hư* thường có thể mạnh. Cũng có khi anh ta lấy *hư* làm *thực*, vì vậy Lý Bạch ôm trăng mà chết đuối! Để hiểu thơ Bác cũng như hiểu thơ mọi người, đừng nên câu nệ vào từ ngữ và suy diễn sự thực. Nhưng cũng không nên cho rằng, thơ không có cơ sở hiện thực nào! Không nên nghĩ nhất thiết cái còi là cái còi, tiếng chuông là tiếng chuông... nhưng cũng phải là tiếng gì đó.

Dừng một lát, như để suy nghĩ thêm điều gì, với giọng Huế nhẹ nhàng và ấm, Tố Hữu nói:

- Về thơ Bác, tôi chưa nghĩ được nhiều và sâu sắc, nhưng nói chung, các bài thơ Người viết, từ *Nhật ký trong tù*, đến những bài sau này, thì phải hiểu là Bác không vô cơ mà làm thơ đâu! Mỗi bài thơ là một tâm trạng nào đó, một ý định nào đó. Song Bác vẫn là Bác, trước hết là CON NGƯỜI LỚN. Giọng thơ của Bác không phải là giọng của lãnh tụ, mà là giọng của một

con người lớn. Con người ấy đã nói về những vấn đề có ý nghĩa, tuy không phải bao giờ cũng là "quốc gia đại sự". Bác luôn luôn nghĩ mình là người bình thường, cảm xúc và suy nghĩ cũng như mọi người. Ở Bác ta không thấy cái khẩu khí siêu nhân, đặt mình lên trên thiên hạ. Chính vì thế mà Bác lớn. Bác nói những điều mọi người muốn nói nhưng với tư tưởng, tình cảm của Bác. Do vậy, tính nhân đạo và tính nhân dân trong thơ Bác thật là sâu sắc. Chủ nghĩa cổ điển mới là ở đó!

Qua cửa sổ, những cành lá xanh bên mái hiên đang đưa nhẹ theo chiều gió, dưới ánh nắng xuân dịu dàng trong lành. Dường như nhà thơ không để ý đến thời gian đã trở về trưa. Chúng tôi vừa lắng nghe vừa xen vào những câu hỏi nhỏ hoặc những lời tán thưởng đối với những điều có thể hiểu như lý luận thơ ca được nói ra một cách tự nhiên từ kinh nghiệm thực tế của nhà thơ lớn.

Nhìn tờ báo trên bàn, nhà thơ chậm rãi tiếp:

- Chủ nghĩa cổ điển mới, ấy là cái đẹp trong sáng nhất và cũng là giản dị nhất, các đồng chí ạ! Một số anh chị em ham cái mới, nhưng phải thấy cái mới là ở nội dung và nghệ thuật, chứ không phải ở một vài thủ thuật. Đọc một số bài thơ trên báo bây giờ, thực tình tôi không hiểu lắm, và cả một số bức tranh nữa, tôi cũng không biết tác giả nói gì?

- Thừa đồng chí, người ta nói nhiều viết nhiều về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính dân tộc và tính quốc tế, giữa tính dân gian và tính bác học, giữa Đông và Tây trong con người Bác cũng như ở thơ văn Bác. Ý kiến của đồng chí về vấn đề này như thế nào?

- Vấn đề đó khá rộng! Tôi xin nói vắn tắt một vài ý. Văn bác học, Bác hiểu sâu, văn dân gian, Bác cũng hiểu sâu. Tư tưởng của Bác vừa là dân tộc, vừa là khoa học, hiện đại, nhưng về nghệ thuật, tôi thấy Bác chịu ảnh hưởng của thơ Đường khá nhiều. Không ít bài thơ của Bác có phong vị thơ Đường. Điều đó dễ hiểu, vì thơ Đường là một trong những đỉnh cao của thơ ca nhân loại. Thơ Bác thường có vị Đường thi và dân gian, không có mùi thơ Tây.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe nghệ sĩ Châu Loan ngâm thơ
tại cuộc bình thơ Tết Nhâm Dần tại Văn Miếu (5/2/1962)

Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

Trở lại vấn đề ngôn ngữ thơ ca, *cái hư*, *cái thực* và cả tính ước lệ trong thơ một chút - Nhà thơ Tố Hữu nói tiếp - Có lẽ không nên hiểu "*thu địch*" (cò thu) là có thật. Tôi cũng không tin là có thật. Cả "*son lâu*" (chuông lâu) nữa, cũng thế. Người ta có thể hiểu là tù và hay là tiếng kèn cũng được. Nhà thơ có thể cho phép mình nói cái *hư*. Khi nhà thơ nói tiếng "em" không nhất định có em nào đâu! Nhưng cũng không thể nói là không có cái thực nào đó. Có người nói vui: nghệ thuật là "bịa như thật".

Nhân bàn thêm về *cái hư* và *cái thực* trong thơ, tác giả *Theo chân Bác* muốn liên hệ đôi nét về thơ mình.

- Đối với tôi, nhà thơ thấp giọng, tôi lại thích nói thật (thực), nhưng có người lại bảo là tôi "bịa":

Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?

Phòng lặng, rèm buông tắt ánh đèn!

Là có thật đấy chứ. Và *Trái bưởi kia vàng ngọt với ai/ Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài?* là tôi thực sự xúc động mà viết ra như thế. Tôi gắng nói lên tình cảm của mình và của đồng bào với Bác, mặc dù Bác không hề nghĩ đến mình! Tôi không có khả năng bịa cái *hư* bao giờ. Thế là *cái thực* ấy lại được coi như là *hư*. Và người ta cũng chấp nhận. Tôi viết: *Bác sống như trời đất của ta/ Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa*, là tôi nói thật đấy, vì tình cảm của Bác là thế. Trở lại *cái hư* một chút - Nhà thơ vẫn say sưa, với vấn đề có thể nói là rất kỳ diệu của thơ ca. - *Cái hư* chỉ có ý nghĩa khi nó là cái đẹp, cái cao vọng, cái mong ước. Nghệ thuật là từ *cái thực* vươn lên cao hơn, đạt tới *cái hư* là từ cái cụ thể vươn lên cái trừu tượng; từ cái cá biệt vươn tới cái khái quát. Ví như Bác nói về cái gậy, tức là cái bình thường có thực trên đời. Nhưng cái gậy trong thơ Bác cũng là cái gì đấy, là bạn của người, nơi nương tựa của con người. Mấy chữ "*bồ công vẩn*" trong *Sáng tháng năm* là có thực, nhưng có lúc in lại đã bỏ mất. Nơi Bác sống ở chiến khu Việt Bắc có nuôi chim bồ câu để ăn thịt và cũng để cho vui. Trong kháng chiến gian khổ, bữa ăn của Bác thường chỉ có bí ngô và tôm khô. Thế mà trong thơ Bác lại hay dùng chữ "*đینگ*", đó là để nói cho vui.

Ngừng một lát, nhà thơ tiếp:

- Các đồng chí ạ, qua từ ngữ phải thấy tâm trạng. *Xách buồng tưới rau* là có thực, nhưng xách từ suối lên thì chắc không ai để Bác xách. Còn "*dắt trẻ*" thì cũng là một cách nói hình tượng. Ở chiến khu cũng có các cháu nhỏ, nhưng các cháu thường ở xa nơi Bác làm việc, thỉnh thoảng mới đến chơi gần Bác, mặc dù Bác rất yêu trẻ.

Càng trao đổi những suy nghĩ của mình về thơ ca, nhà thơ Tố Hữu càng hào hứng, sôi nổi. Quả là, muốn hiểu sâu sắc thơ văn phải có bề dày cuộc sống và cũng phải học hỏi để biết được nhiều tri thức. Đó là điều mà chúng tôi rất thấm thía.

Trong cuộc mạn đàm, dường như nhà thơ và chúng tôi không biết mệt, vì cứ bị cuốn vào những vấn đề thú vị của thơ ca, vào những lời truyền cảm của nhà thơ với bề dày kinh nghiệm của mình. Chúng tôi muốn hiểu thêm về con người Bác, về cuộc sống của Bác ở chiến khu Việt Bắc, cái nền hiện thực tạo nên cảm xúc thơ ca của Người.

Khi hồi tưởng về những năm tháng sống và làm việc ở Việt Bắc, khi nhớ lại những kỷ niệm trong nhiều năm được làm việc với Bác ở Thủ đô, sau những ngày *Mình về với Bác đường xuôi* ấy, nhà thơ Tố Hữu lại say sưa kể:

- Tôi đã đưa vài bài thơ của Bác vào trong trường ca *Theo chân Bác* của mình, như các đồng chí đã biết. Bởi vì những trích đoạn thơ Bác mà tôi lựa chọn, rất thích hợp với nội dung lịch sử của trường ca, kể cả nhịp điệu thơ. Chính Bác Hồ là người tạo ra các giai đoạn lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Trong suốt cuộc đời của mình - Nhà thơ thấp giọng - Bác Hồ là con người mà ai cũng yêu, cũng trọng. Hiểu đời thì ít ai bằng Bác, Bác đã đi khắp thiên hạ. Văn hoá của Bác rất rộng. Bác dân tộc trong máu thịt, Bác quốc tế trong máu thịt! Bác có cái nhìn xuyên suốt thời gian và không gian. Bác là người của nhiều chân trời, kẻ thù cũng phải kính phục về trí tuệ và nhân cách của Người.

Câu chuyện thơ với tác giả *Sáng tháng năm* đã dài mà vẫn còn nhiều điều chưa nói được hôm nay. Tưởng nhớ Bác, theo chân Bác, thực hiện tốt Di chúc của Người, nghiên cứu, học tập thơ ca của Người là điều tâm niệm của thế hệ chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau. Di sản văn hoá của Bác Hồ thật là vô giá! Rồi đây đất nước Việt Nam sẽ phồn vinh và tươi đẹp, cái đẹp được nhân lên từ "con người Việt Nam đẹp nhất": Hồ Chí Minh!

Kết thúc câu chuyện về thơ Bác Hồ, nhà thơ Tô Hữu đọc hai câu thơ trong bài *Mẹ Tom* để tỏ tấm lòng thành kính của mình đối với những con người đã khuất mà ánh hào quang trong linh hồn họ vẫn vằng vặc sáng trong:

*"Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời!"*

Nắm chặt tay chúng tôi, nhà thơ nói: "Câu chuyện tôi nói với các đồng chí hôm nay là tâm huyết".

VŨ CHÂU QUÁN - NGUYỄN HUY QUÁT ghi

CHÚNG TA NHỚ, NHỚ MÃI...

ĐẶNG THAI MAI

Hồ Chủ tịch... mất...

Tin loan ra, như một tiếng sét ngang tai. Cả nước ta đau đớn, choáng váng... Toàn thể thế giới tiến bộ ngậm ngùi, thương tiếc.

Cùng với toàn thể đồng bào, cùng với toàn thể quần chúng nhân dân cách mạng trong nước và trên thế giới, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta cần rằng, nuốt lệ và tự hỏi:

Sao lại có thể thế được?

Chúng ta muốn phủ định cả "việc đã rồi" vì nó là một sự thực quá đau lòng...

Không phải là trong mấy năm vừa qua, chúng ta không bao giờ sống những giờ phút hồi hộp, lo âu... Ngày qua, tháng tới, mỗi năm chúng ta mừng Bác vừa thêm một tuổi thọ thì, đồng thời chúng ta cũng ái ngại mỗi một lúc chúng ta nghĩ là... tuổi Bác ngày càng cao thì sức Bác rồi cũng sẽ yếu dần đi... Nên chỉ mỗi lúc chúng ta có dịp gặp Bác, thấy Bác, nghe Bác nói với đồng bào, hoặc đọc trên báo một mẫu tin về hoạt động của Bác, hay một tấm ảnh với nét mặt điềm đạm, hồng hào, hiền từ mà kiên quyết, minh mẫn mà sâu sắc, đăm chiêu mà lạc quan của Bác là chúng ta sung sướng... Bác khỏe... Bác vui!... Nếu như có một thời gian ngắn nào, chúng ta cảm thấy hơi "vắng" Bác... thì mọi người lo lắng, hỏi han, thăm nom. Và khi được biết là Bác vừa đi thăm một nhà máy, một đơn vị bộ đội, một hợp tác xã, vừa tiếp một đoàn khách, vừa vỗ về một đoàn thiếu nhi... vừa nói câu này, viết bài kia... thì lập tức mọi người lại yên tâm, vui vẻ làm công việc hằng ngày. Rõ ràng là khi nghĩ đến Người, đến

sức khoẻ của Người, chúng ta không bao giờ muốn liên tưởng tới một ý niệm buồn tẻ như là *ý niệm chết*. Chúng ta nghĩ, chúng ta tin rằng: Bác Hồ của chúng ta sẽ không bao giờ có thể mất... Cái chết trong "trường hợp" này là một điều phi lý, không thể quan niệm được, không ai dám nghĩ tới!...

*

* *

...

Cùng với toàn thể đồng bào Việt Nam, từ Bắc chí Nam, trong nước, ngoài nước, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta biết rõ công đức của Hồ Chủ tịch đối với dân tộc, đối với nhân dân.

Chúng ta biết rõ những đóng góp vĩ đại của Người vào sự nghiệp giải phóng con người trên đất nước chúng ta cũng như ở nhiều nơi, nhiều nước khác trên thế giới ngày nay.

Đối với chúng ta, Hồ Chủ tịch là một người không bao giờ chết.

Vì rằng: đối với mọi người có ý thức về lẽ sống, tên tuổi của Người sẽ luôn luôn sống mãi trong lịch sử sống còn và vinh quang của nước nhà, trong lịch sử tiến bộ của loài người.

Vì đời của Người là một sự *Sống* vĩ đại.

Vì sự nghiệp của Người là sự nghiệp của sự *Sống* - là sự nghiệp bảo vệ sự *Sống*, bồi dưỡng sự *Sống* và làm cho sự *Sống* có ý nghĩa hơn, đẹp hơn.

Rồi đây, nhiều tiếng nói đủ thẩm quyền sẽ nói lên những gì Người đã làm đối với nước nhà, đối với phong trào giải phóng dân tộc, đối với cách mạng vô sản trong giai đoạn lịch sử mới của thế giới ngày nay...

Đối với tất cả những người có ý thức, Hồ Chủ tịch trước hết là:

Người đã xây dựng lên Đảng cách mạng tiên phong của đất nước.

Người đã đoàn kết, tổ chức, hướng dẫn toàn dân nước ta trên đường đấu tranh vì quyền sống của nước nhà, vì hạnh phúc của nhân dân.

Người đã cải tử hoàn sinh cho Tổ quốc Việt Nam thân yêu của ba mươi một triệu đồng bào,

Người đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân ta đánh thắng chủ nghĩa thực dân Pháp trước đây, và hiện giờ đang đánh thắng giặc Mỹ xâm lược,

Người đã soi đường cho toàn dân chúng ta trong cái sự nghiệp gian lao và vĩ đại có một ý nghĩa lịch sử vô cùng cao cả: xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước,

Người đã áp dụng đến mức độ thiên tài học thuyết Mác - Lênin vào sự nghiệp cách mạng của một xứ thuộc địa đang quần quai dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phong kiến.

Người đã làm cho bè lũ hiếu chiến chủ nghĩa đế quốc Mỹ thấy rằng: thế giới này không phải là lĩnh địa của Ác-ma, của cái *Xấu*, của cái *Chết*, mà là của con Người, của cái *Tốt*, cái *Đẹp* và của sự *Sống*.

Người đã kết hợp một cách chí tình, chí lý, tinh thần yêu nước nồng nàn nhất, trong trắng nhất, với chủ nghĩa quốc tế chân tình nhất, tích cực nhất, trên cơ sở học thuyết giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Người đã chỉ cho mọi người thấy rằng: trong đời *Sống*, giá trị chân chính là giá trị tinh thần của cái *Tốt*, cái *Hay*, cái *Đẹp*. Và lực lượng vô địch là lực lượng của quần chúng lao động giác ngộ.

Người đã bồi dưỡng cho Đảng ta, cho nhân dân, cho dân tộc ta, những người "học trò" trung thành, dũng cảm, sáng suốt, và thấm nhuần đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản mà thân thể của Người là một biểu hiện đẹp đẽ nhất, lòng lầy nhất...

Người đã...

Nhưng... kể sao cho xiết được công ơn của Người?

Nói sao hết được đóng góp của Người đối với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam và của thế giới?

Khi mà trong đời sống của một con người, tình cảm, trí tuệ, tài năng, đạo đức của "Con Người" đã đạt tới mức độ thuần khiết và cao quý như đời sống của Hồ Chủ tịch, thì mọi sự biểu dương bằng lời nói, bằng ngòi bút, đều cảm thấy là bất lực...

*

* *

Anh chị em văn nghệ sĩ Việt Nam chúng ta biết ơn sâu sắc và ghi nhớ mãi mãi những gì Hồ Chủ tịch đã làm đối với văn nghệ nước nhà, đối với giới văn học nghệ thuật nước nhà.

Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc, vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Với tất cả tinh thần kiên quyết của nhà cách mạng dân tộc và nhà cách mạng vô sản chân chính, với tất cả khối óc sáng suốt của một nhà cách mạng khoa học, với tất cả tình yêu và bàn tay khéo léo của người nghệ sĩ, với tất cả phong thái của người hiền triết, với tất cả tinh thần bất khuất trước mọi gian nguy, và ngay trước cái chết luôn luôn đe dọa mình, Hồ Chủ tịch đã luôn luôn xuất hiện trước mắt mọi người như là một biểu tượng lộng lẫy vô cùng vĩ đại của sự *Sống*.

Người đã giành lại cho chúng ta một Tổ quốc để mà phụng sự... Tổ quốc ta, tất cả cái gì đẹp đẽ nhất trong mấy nghìn năm lịch sử... Tổ quốc ta, tất cả cái đẹp của chủ nghĩa anh hùng trong thời đại hiện nay...

Tổ quốc ta với tất cả cái hạnh phúc và cái huy hoàng vô tận trong những ngày đang tới.

Tổ quốc ta với địa vị xứng đáng của mình trong lịch sử nhân loại...

Đưa lại cho nhân dân Việt Nam một ý thức mới và tự hào dân tộc đồng thời với nền độc lập, tự do, hạnh phúc, Hồ Chủ tịch thực sự đã mở cho văn học nghệ thuật nước nhà một con đường sống và cả một đời sống mới.

Cách mạng tháng Tám thành công, cuộc kháng chiến chống thực dân và chủ nghĩa đế quốc thắng lợi đã khai phục lại giá trị

thần của văn hoá Việt Nam. Chỉ có trong một nước Việt Nam độc lập, tự do, thống nhất, thì thế giới - và rất nhiều người Việt Nam nữa - mới ghi nhớ và hiểu đúng những tinh túy và những cái đẹp chân chính của lịch sử nước nhà.

Hồ Chủ tịch đã làm sống lại những giá trị văn nghệ của dân tộc bị lu mờ khá nhiều trong những ngày đen tối cũ của đời sống dân tộc.

Trên cơ sở đó, Người đã xây dựng nền móng cho văn học nghệ thuật mới của dân tộc.

Người yêu quý nền văn hoá ngày xưa.

Người quan tâm hơn nữa tới hiện tại và tương lai của văn nghệ dân tộc. Người thích đọc những tác phẩm mới. Người yêu mến những văn sĩ, nghệ sĩ của thời đại mới...

Và bản thân Người cũng chính là một nhà văn nghệ của thời đại. Những đóng góp của Người vào văn học nước nhà, vào kho tàng di sản văn học thế giới sẽ là một niềm tự hào rất chính đáng của chúng ta. Điều mà rất nhiều bạn đọc trên thế giới ngày nay hết sức kinh ngạc và kính phục là trong cuộc đời hoạt động chính trị bận rộn, gian khổ, lắm lúc nguy hiểm, với trăm nghìn công việc to lớn, chồng chất như vậy, mà Người vẫn sắp xếp được thì giờ để viết văn, làm thơ, và để lại cho chúng ta những hạt ngọc vô giá, những tác phẩm bất hủ!

Trong những ngày đau thương hiện nay, cái ý nghĩ cảm cảnh hơn hết của chúng ta là sự ân cần của Bác đối với những người làm công tác văn học nghệ thuật trong Nam, ngoài Bắc.

Hai mươi bốn năm qua, Người không bao giờ lãng quên sự chú ý ân cần của Người đối với sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ trong giai đoạn lịch sử mới của đất nước.

Chúng ta cảm động và sung sướng mỗi lúc được đọc những bài Bác viết, hay được nghe những lời Bác phát biểu về văn học nghệ thuật, trong một buổi họp mặt thân mật, hoặc một cuộc triển lãm nghệ thuật, một buổi biểu diễn văn nghệ, một buổi

chiếu phim... Từ những ngày Cách mạng tháng Tám mới thành công, và chế độ dân chủ cộng hoà vừa thành lập khi tình hình chính trị đang sôi sục ở Hà Nội vào khoảng 1945-1946, Hồ Chủ tịch vẫn đi xem triển lãm, xem biểu diễn và tới thăm Hội nghị văn hoá toàn quốc đầu tiên tổ chức ở Thủ đô. Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, từ ngày thành lập tới nay, đã hai lần được vinh dự đón Người tại Đại hội toàn quốc thứ II và III. Và mỗi một lần Người tới thăm là toàn thể anh chị em chúng ta sung sướng, say sưa như vừa được tắm gội trong nguồn ánh sáng của Cảm hứng. Tin Người tới làm cho toàn thể Hội nghị nôn nức đón chờ từng giờ từng phút... Và rồi Bác tới... Bác bước chân vào hội trường. Tiếng hoan hô nổi dậy như tràng pháo nổ trong một ngày lễ vui. Phòng họp rạng rỡ hẳn lên. Mọi người cảm động nhìn lên vùng trán cao rộng, dưới bộ tóc bạc, cặp mắt sáng ngời, đôi gò má hồng hào, và chòm râu thân thiện, và nụ cười hiền từ, tinh anh của Người. Mọi người có cái cảm giác rằng trước mắt mình đang xuất hiện... như một hiện thân của *tình yêu vĩ đại*, của *chân lý*, của cái đẹp, cái đẹp chân thật, giản dị, mà sự Sống và Nghệ thuật có thể ước mong... Bác tới trước dãy bàn của Đoàn chủ tịch, tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô càng vang to hơn nữa. Nhưng Bác vào và đưa hai bàn tay từ từ hạ xuống để chấm dứt tất cả những biểu hiện đang làm chấn động cả hội trường... Và rồi Bác nói... Ngắn thôi! Có lúc chỉ một vài câu... Nhưng đầm thắm, sâu sắc, vui vẻ, và phong phú biết bao! Bác đã nói gì với chúng ta? Bác nói với chúng ta về nhiệm vụ của người làm công tác văn nghệ, về quan hệ của người nghệ sĩ với xã hội, của nghệ thuật với cuộc sống, với cuộc đấu tranh của dân tộc, của nhân loại, về sự cần thiết phải tu dưỡng đạo đức cho người làm công tác nghệ thuật... Cũng có những buổi gặp gỡ thân mật hơn, với một số người nghe ít ỏi hơn. Người vui vẻ "góp ý" về những vấn đề cơ bản trong công trình sáng tác nghệ thuật. Nhưng Người đã nêu vấn đề dưới một hình thức giản dị: "Vì ai mà mình viết?", "Viết để làm gì?", "Viết cái gì?", "Viết thế nào?"... Bác góp ý về một tác phẩm, một bài báo vừa được in ra. Đôi khi vui miệng, Bác nhắc

lại một số kinh nghiệm viết của Bác. Có lúc Bác nhắc tới một nhà văn, một nghệ sĩ nước ngoài, ngày xưa, ngày nay: Shakespeare, Lev Tolstoi, Lỗ Tấn, Picasso... Cũng có lúc Bác đọc lại một câu thơ cổ Trung Quốc, một câu danh ngôn nước ngoài. Nhưng hình như Bác cảm thấy hứng thú nhiều hơn mỗi một khi giữa câu nói, Người nhớ lại một câu tục ngữ, một câu ca dao của nhân dân ta, hay một vài vần lục bát, một vài câu thơ cổ của các nhà văn nhà thơ Việt Nam... Mọi người lắng nghe, thú vị, say sưa, rồi ra về, suy nghĩ... Và rồi hàng chục năm sau, vẫn nhớ Bác đã dự buổi họp... hôm ấy, Bác đã nói chuyện với chúng ta... Bác đã tới... Bác đã nói... Có những vấn đề... lý luận thật đầy chứ! Đúng! Nhưng qua lời nói của Bác, lý luận đã trút hết cái áo cao đạo của nó để cho mọi người có thể tới gần; lý luận không nói những lời uyên bác, để mọi người có thể hiểu. Với Bác, mỗi một cuộc hội nghị đều có một tinh thần sinh động. Mọi nghi thức "lễ tân" (Bác không bao giờ thích cái danh từ này) trở thành thân tình. Mọi công thức cứng nhắc, đều được uốn nắn. Lý luận không bao giờ dài dòng, trừu tượng, xám xịt! Lý luận luôn luôn cô đọng, cụ thể, tươi đẹp. Và đây là cái đẹp giản dị, tự nhiên, trong trẻo như ánh sáng, sâu sắc, phong phú như sự *sống*...

Bác Hồ mất rồi!

Nhưng tinh thần của Bác sẽ còn, sẽ sống mãi trong tâm hồn của nhân dân chúng ta, của giới văn học nghệ thuật chúng ta. Chúng ta sẽ nhớ, nhớ mãi...

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, Người tới xem các triển lãm hội họa chống Mỹ, cứu nước của các nghệ sĩ miền Bắc, miền Nam, của văn nghệ Quân đội chúng ta...

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, sau lúc nghe báo cáo về hoạt động của Đoàn văn công ta biểu diễn ở Pháp, ở Ý, ở Angiêri, Liên Xô và Trung Quốc về, Người liền nói với đồng chí phụ trách: thế là tốt, Bác rất vui lòng. Và giờ đây, trước hết hăng sắp xếp cho các cháu diễn viên nghỉ ngơi để bồi dưỡng sức khỏe đã!

Vừa mới hôm qua, hôm kia đây thôi, Người đang vui vẻ góp ý với các nhà văn chúng ta về vấn đề viết "Người thật, việc thật", viết "Người tốt, việc tốt", viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Quên làm sao được tất cả nỗi niềm ân cần tha thiết của Người đối với văn nghệ nước nhà, đối với văn nghệ sĩ hai miền Nam Bắc chúng ta?...

Không! Chúng ta sẽ không bao giờ quên! Chúng ta sẽ nhớ mãi công ơn của Người.

Và cũng là nói rằng: Người sẽ sống mãi mãi trong tâm hồn của mọi người chúng ta.

*

* *

Mấy hôm nay, cùng với toàn thể đồng bào, anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta thương tiếc nhiều, đau đớn vô hạn. Trên tầng không của Thủ đô, mấy ngày liền, những là mưa gió sục sùi, mây mù u ám... Mắt mọi người chúng ta mờ đi vì nước mắt. Lời nói của chúng ta nghẹn lại trong cổ họng... Ý nghĩ trong tâm hồn chúng ta đang choáng váng...

Viết gì về Bác... Viết gì để... nếu như Bác còn sống thì Bác sẽ vui lòng? Viết gì để góp một phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa, vào sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, vào sự nghiệp cách mạng thế giới - những điều "mong muốn cuối cùng", những điều mong muốn tha thiết nhất của Bác?

Chúng ta thương tiếc, suy nghĩ.

Chúng ta nhớ, nhớ mãi công ơn như trời như biển của Bác đối với giới văn học nghệ thuật chúng ta.

Suy nghĩ về cái chết của những bậc vĩ nhân, thực ra là suy nghĩ về sự sống.

Bởi vì những con người vĩ đại luôn luôn suy nghĩ về sự sống, phấn đấu cho sự sống.

Bởi vì những con người vĩ đại dù có chết cũng không bao giờ bị cái chết đánh bại!

Bởi vì đời sống của những con người ấy là đời sống đầy đủ, trong trẻo, xán lạn, không bao giờ chết được.

Hồ Chủ tịch muôn kính ngàn yêu của chúng ta là thuộc vào hàng ngũ không nhiều lắm của những Người vĩ đại ấy.

Trong những ngày đau thương này, trước ngưỡng cửa ngăn cách *cõi chết* và *cõi sống*, ngăn cách cái *không* với cái *có*, cái *một thời* và cái *vô cùng*, cái *có hạn* và cái *không có hạn*, chúng ta đã suy nghĩ nhiều...

Chúng ta hằng đề cả ý nghĩ, tâm tư của chúng ta vào việc học tập gương sống của Hồ Chủ tịch, suy nghĩ về đời sống của Người, về sự nghiệp của Người, về đạo đức, tư tưởng và tác phong của Người.

Chúng ta hằng đọc lại những tác phẩm của Người, ôn lại những lời nói của Người.

Chúng ta hằng đọc lại bài Di chúc vô cùng sâu sắc, phong phú và cảm động - tác phẩm cuối cùng kết thúc sự nghiệp văn chương của Người - như một ánh hào quang bất diệt.

Trong dịp đau thương này, chúng ta đã được nghìn muôn lời thương xót từ đáy lòng của toàn thể nhân dân ta trong nước, ngoài nước, đàn ông, đàn bà, tất cả các giới, các giai cấp, tôn giáo, các lứa tuổi.

Đảng ta, Chính phủ ta đã nhận được hàng nghìn bức điện chia buồn của những vị lãnh đạo các Đảng anh em và các nước bạn, với những lời tiếc thương, xúc động, những lời biểu dương nồng nàn và chân thành đối với thân thể của Người.

Và hàng trăm bài báo, bài hồi ký của nhiều người trí thức tiến bộ trên toàn thế giới.

Chúng ta đã được nghe Lời kêu gọi lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Bản hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam

Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Hội đồng Chính phủ.

Đặc biệt chúng ta đã nghe bài *Điều vẫn* chứa chan tình thương tiếc Người đồng thời với quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn Đảng, toàn dân ta nhất định hoàn thành sự nghiệp của Người.

Chúng ta hăng cố gắng để làm tốt hơn nữa công tác văn nghệ của chúng ta. Cố gắng luyện thêm cái chất Thép mà Hồ Chủ tịch đã đưa vào trong thơ ca nước nhà.

Có như thế mới xứng đáng với công ơn của Người.

Có như thế mới đóng góp được vào sự nghiệp cách mạng mà Người đã đề xướng, lãnh đạo và Trung ương Đảng ta, cùng với toàn Đảng, toàn dân đang tiếp tục, đang hoàn thành.

Sống là sáng tạo, Hồ Chủ tịch là gương mẫu của nghệ thuật sáng tạo cái mới, cái tốt, cái hay, cái đẹp.

MIỀN NAM TRONG LÒNG HỒ CHỦ TỊCH

HUỲNH VĂN TIỀNG

“Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu Thành đồng Tổ quốc. Miền Nam xứng đáng được tặng thưởng Huân chương cao quý nhất”.

Đó là lời phát biểu của vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc trong kỳ họp Quốc hội vừa qua. Lời nói trang nghiêm ấy đã vang lên giữa hội trường vừa như một sự đánh giá thành tích 20 năm đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam, vừa như một lời tiên tri báo hiệu những cơn phong ba sấm sét đang giáng xuống đầu Mỹ - Diệm. Trong lịch sử cổ kim Đông Tây đã có không ít những người hy sinh tuần tiết cho một lý tưởng, nhưng quả là rất hiếm có những tấm gương hy sinh anh dũng tuyệt vời như ở miền Nam chúng ta.

*
* *

Chúng ta trở lại kỳ họp Quốc hội lần thứ 6. Ngày 7-5-1963, bên cạnh các phiên họp chính thức của Quốc hội, một thứ hoạt động mới mẻ là lạ chớm nở trong các đoàn đại biểu miền Nam rồi nhanh chóng truyền sang các đoàn khác. Suốt ngày là cả một sự rộn rịp lên xuống như con thoi giữa chủ tịch đoàn và các đoàn đại biểu, và đến chiều, song song với việc thông qua các nghị quyết về kế hoạch 5 năm và kế hoạch ngân sách Nhà nước năm 1963, một vấn đề quan trọng đã được các đoàn đại biểu nhất trí biểu quyết ở hậu trường là Quốc hội tặng Huân chương Sao vàng cho Hồ Chủ tịch.

Quốc hội đã nhất trí, nhưng còn làm thế nào cho Bác chấp nhận? Trưa ngày 8-5 là cao điểm của cuộc vận động bất thường này. Chủ tịch đoàn họp phiên đặc biệt cử một phái đoàn gồm ba đồng chí gần gũi với Bác với sứ mạng cực kỳ khó khăn là thuyết phục cho được đức tính khiêm tốn vĩ đại của Bác. Phái đoàn đi rồi về. Kết quả còn chưa rõ. Bác hẹn hai giờ sẽ trả lời.

Mới một giờ rưỡi toàn thể Chủ tịch đoàn đã có mặt, hội họp đợi chờ. Đúng hai giờ Bác đến. Mọi người xôn xao, nhưng Bác chỉ nói vắn tắt cảm ơn Chủ tịch đoàn và xin ra trả lời chung trước Quốc hội. Rồi hình như đoán được nỗi lo âu của mọi người, Bác vừa đứng lên vừa nói thêm:

"Tôi không nhận mà cũng không từ chối".

Bác cùng các vị trong Chủ tịch đoàn bước ra hội trường.

Bác sẽ nói sao đây?

"Bác ơi, Bác hãy nhận đi cho toàn dân vui mừng". Câu này ghi trong bản kiến nghị của một vị nữ đại biểu, giờ đây trở thành điều mong ước của mọi người. Nó vang lên không phải bằng lời mà bằng sự rung động của hàng ngàn quả tim.

Bác vẫn bước đều đặn, tiến ra phía đài của Chủ tịch đoàn, mỗi bước đi hoà nhịp với hơi thở của toàn thể đại biểu và đồng bào, hoà nhịp với bản điệp khúc réo rắt khẩn thiết:

"Bác ơi, Bác hãy nhận đi cho toàn dân vui mừng".

Bác đã đứng giữa hội trường - Bác bắt đầu nói. Cả thời gian như lắng lại.

Lời Bác nói xuất phát từ một việc cụ thể là vấn đề Quốc hội tặng Huân chương Sao vàng cho Bác, nhưng phút chốc đã sớm vượt lên, bao quát phong trào cách mạng của cả nước và có ý nghĩa kết tinh nội dung tư tưởng của toàn bộ kỳ họp quan trọng này.

Dân tộc ta là một. Tổ quốc ta là một. Nhiệm vụ cách mạng ở hai miền vì thế mà quyện lấy nhau như hình với bóng, khăng khít nhau như môi với răng. Giữa không khí tung bừng của cuộc thảo luận và biểu quyết về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của sự

ngiệp to lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, lời của Bác vang lên:

"Trong khi miền Bắc ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội để ủng hộ miền Nam thì đồng bào miền Nam anh dũng chiến đấu để bảo vệ công cuộc xây dựng hoà bình ở miền Bắc. Cho nên nhân dân miền Bắc từng giờ từng phút nhớ đến đồng bào miền Nam".

Đặc biệt mấy chữ "Bảo vệ... miền Bắc" đã đi sâu vào tâm can của mỗi người có mặt hôm ấy. Còn lời nào xác đáng hơn đã xác định vị trí và chức năng của cách mạng miền Nam đối với miền Bắc, rõ ràng là vị trí của một tiền tuyến đối với hậu phương.

Lời của Bác như thúc giục chúng ta hỏi lại lòng mình:

Ta đã làm gì cho xứng đáng với tiền tuyến miền Nam, xứng đáng với Tiểu đội anh hùng Lê Quang Vịnh, với ngọn đuốc sống Thích Quảng Đức?

Liên hệ lại vấn đề "Huân chương" Bác nói:

"Tôi tự xét chưa có công huân xứng đáng với sự tặng thưởng cao quý của Quốc hội... Gần hai mươi năm hết đấu tranh chống thực dân Pháp lại đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu Thành đồng của Tổ quốc và xứng đáng được tặng Huân chương cao quý nhất".

Nhưng lịch sử khách quan đã chứng minh rằng Bác có một vai trò cực kỳ to lớn trong mọi thắng lợi của Đảng ta và nhân dân ta từ Nam chí Bắc. Bác là hiện thân của cái gì đẹp nhất, quý nhất của dân tộc. Hai mươi năm qua, chính hình ảnh của Bác, lời nói của Bác, tư tưởng của Bác đã vượt qua ngàn trùng sông núi đến với đồng bào miền Nam, sưởi ấm, soi sáng và động viên đồng bào từng bước tiến lên. Do đó làm thế nào tách được công huân của miền Nam ra khỏi công huân của Người đã hiến cái tên vẻ vang của mình cho thành phố Sài Gòn anh hùng?

Dường như thông cảm với lòng mong mỏi chân thành của Quốc hội, để thanh toán những nỗi chờ đợi bàng hoàng của đại biểu và đồng bào, Bác thốt lên những lời nói bất hủ:

"Chờ đến ngày Tổ quốc hoà bình, thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng vui mừng".

Thật là bất ngờ mà cũng là rất tự nhiên. Thật là kỳ diệu mà cũng thật là giản dị. Giản dị và tự nhiên như con người của Bác. Kỳ diệu và vĩ đại như sự nghiệp cách mạng của Bác.

Cả hội trường run lên trong niềm cảm xúc nghẹn ngào. Trên các hàng ghế, nhiều cái đầu gục xuống nức nở.

Thế là bằng một lời nói giản dị, ba vấn đề phức tạp khó khăn đồng thời được nêu ra và giải quyết gọn ghẽ hợp lý hợp tình:

- Bác nhận Huân chương theo ý muốn của Quốc hội.
- Nhưng với điều kiện là do đồng bào miền Nam trao lại, tức là bằng một cách gián tiếp Bác đề cao lên tột độ công lao của nhân dân miền Nam anh hùng.
- Và điều kiện trên chỉ có thể đảm bảo trong hoàn cảnh nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Việc này nhất định sẽ thực hiện vì đó là ý chí sắt đá của 30 triệu đồng bào từ Mực Nam Quan đến Mũi Cà Mau.

Để củng cố thêm lòng tin tưởng của mọi người và chứng tỏ rằng Bác sẽ luôn luôn mạnh khoẻ để lãnh đạo toàn dân tiến bước vững chắc đến ngày trao tặng Huân chương lịch sử kia, Bác đã phóng tác mấy câu thơ:

*Bảy mươi ba tuổi hã còn xuân,
Sức lực còn nhiều phục vụ dân.*

Thế là Quốc hội chịu phép. Lời Bác chí tình chí lý quá, không còn kèn cựa thêm bớt gì được; cả thái độ và lời phát biểu của Bác hôm ấy có ý nghĩa của một bản hoà tấu thần kỳ, trong

đó hai dòng nhạc hùng vĩ là con người Hồ Chí Minh và phong trào cách mạng miền Nam song song cuộn dậy để sau cùng hoà hợp nhau trong một cao trào tuyệt mỹ. Từ đây, trong tình cảm cách mạng của nhân dân ta xuất hiện thêm một mục tiêu phấn đấu cụ thể:

Ngày đồng bào miền Nam trao tặng Huân chương cho Bác Hồ.

Chúng ta ai lại không mong đợi cái ngày vui sướng đó. Nhưng mong ước không chưa đủ, còn phải nỗ lực phấn đấu cho ngày đó chóng đến.

Đồng bào miền Nam thân yêu của chúng ta đang vượt lên ghi công đầu!

Đồng bào miền Bắc đang rầm rộ tiến bước, biểu hiện những thành tích tốt đẹp trong dịp kỷ niệm ngày 20 tháng 7 năm nay.

Bác Hồ đang mỉm cười nhìn chúng ta.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm nghệ thuật toàn quốc tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam Yết Kiêu - Hà Nội (4/12/1955) cùng họa sĩ Trần Văn Cẩn, nhà thơ Tố Hữu...

Ảnh: Nguyễn Kim Côn - BTHCM

BÁC VÀ THƠ BÁC TRONG LÒNG ĐỒNG BÀO MIỀN NAM

HOÀI THANH

Năm 1954-1955, trong thời gian tập kết chuyển quân, Chính phủ và Mặt trận có cử cán bộ vào thăm hỏi đồng bào miền Nam. Tôi có được tham gia đoàn cán bộ ấy. Ở Khu V, chúng tôi đã đi từ Quy Nhơn đến Quán Lác trên bờ Nam sông Vệ. Ở Khu IX, chúng tôi đã đi từ Phụng Hiệp đến Chắc Băng rồi lại từ Chắc Băng đi Cà Mau, đi ra cửa sông Ông Đốc. Tuy là những vùng ở xa Thủ đô nhưng chúng tôi đã thấy khắp nơi đều có Bác. Chúng tôi đã được chứng kiến bao nhiêu biểu hiện cảm động của mỗi tình đối với Bác và Trung ương.

Một hôm, chúng tôi đến thăm một xã vùng Cà Mau. Ca nô chúng tôi đi giữa kênh. Đồng bào đứng trên hai bờ kênh hoan hô. Từng đoàn thiếu nhi nhảy múa, tung khăn đỏ lên chào. Có tiếng gọi với: "Bác có khoẻ không?". Chúng tôi đứng cả lên đầu mũi ca nô giơ mũ vẫy chào. Và cứ đứng vẫy chào như thế trên hàng chục cây số. Có cụ già thấy hoan hô chưa đủ, vừa nhảy lên vừa vỗ tay, chòm râu bạc phất phơ. Từng đoàn trẻ em chạy theo chúng tôi hai bờ kênh. Trẻ em chạy rồi người lớn cũng chạy. Có người mang cả trống chạy theo. Gặp rạch nước, không có cầu, cứ thế cả đoàn người lội phăng xuống, ướt đến bụng. Luôn luôn dẫn đầu là một em bé khoảng mười một, mười hai tuổi, mặc quần cộc đen, tay cầm hoa râm bụt đỏ.

Càng đến gần địa điểm, tiếng hoan hô và tiếng trống càng dồn dập. Chuông nhà thờ cũng rung lên sang sảng. Trên bờ kênh, gió thổi. Những hàng dừa, hàng chuối lung lay.

Chúng tôi đến nơi, các em thiếu nhi trong xóm ca múa tặng hoa. Các chị thanh nữ người Hoa múa ương ca chào đón. Chúng tôi đứng trên một chỗ cao. Anh Trần Huy Liệu, Trường đoàn, báo cáo sức khỏe của Bác. Cả biển người rạo lên. Tiếng vỗ tay kéo dài không biết đến mấy phút. Tôi nhìn chung quanh, em bé cầm hoa râm bụt đỏ đã ngồi gọn dưới chân chúng tôi.

Lại một hôm trên một cái bãi trống ở Phù Mỹ, chúng tôi đang nói thì trời mưa. Nhưng chúng tôi vẫn nói và đồng bào vẫn nghe. Tôi đề ý có một ông già mù suốt thời gian chúng tôi nói mắt vẫn không ngớt hướng về chúng tôi.

Lúc này là lúc ở những vùng đôi phương đã tiếp quản, bọn Diêm đang ra sức khủng bố, chém giết. Nghĩ đến cảnh nay mai phải sống dưới ách của địch, làm sao cho khỏi băn khoăn lo lắng. Nhưng lo mà vẫn tin. Mỗi lần tiễn đưa, trong lòng chúng tôi cũng như trong lòng đồng bào thật là xôn xao, khó nói. Nhớ thương có, quyến luyến có, phấn khởi có, quyết tâm có, không biết nói với nhau thế nào cho hết. Những lúc đó chỉ còn có một cách là cùng nhau hô Hồ Chủ tịch muôn năm! Chỉ những tiếng hô ấy mới nói hết được những điều chúng tôi muốn nói.

*

* *

Vừa rồi, sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, tôi lại được vào Nam. Bao nhiêu đồn thù đều đã bị quét sạch. Chúng tôi đi như trong một giấc mơ. Mấy câu thơ Nguyễn Tư Giản quê ở miền Bắc tặng Nguyễn Thông quê ở miền Nam ngót trăm năm trước ngân nga trong trí chúng tôi:

*Bao giờ Bến Nghé lại trong
Cho dòng sông Nhị vang lừng hát ca
Cười thuyền lên tận Ngân Hà
Mênh mông biển lặng trắng ngà ngắm chơi.*

(Lời dịch của Bảo Định Giang)

Nhưng trên đường đi thỉnh thoảng tôi không khỏi băn khoăn: không biết ông già mù ở Phù Mỹ cùng em bé cầm hoa

râm bụi ở Cà Mau và bao nhiêu người thân yêu khác nữa giờ đây ra sao? Ai còn? Ai mất? Nhất là chúng tôi cứ nghĩ: giá chúng ta toàn thắng sớm hơn một tí, trước ngày Bác đi xa! Nghĩ thế bỗng thương tiếc ngẩn ngơ.

Tết cuối cùng, trước lúc đi xa, Bác có nói:

Tiến lên chiến sĩ, đồng bào

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!

Đúng là không vui nào bằng vui Bắc Nam sum họp. Nhưng trong niềm vui lớn ấy không phải không có lúc len vào những tâm tư này nọ. Bởi trong một thời gian dài đằng đặc, bao nhiêu chuyện đã xảy ra nhất là dưới sức o ép của quân thù. Một anh bạn miền Nam tập kết ra Bắc nay trở về làng gặp bà con xóm giềng. Anh thấy vui thì rất vui nhưng không phải không có phần ngõ ngàng... Một chị làm nghệ thuật ở Sài Gòn tâm sự cùng với anh chị em cùng nghề: thực không sao nói hết được những khó khăn, những tủi cực phải vượt qua để hôm nay có thể nhìn nhau mà không đến nỗi ngượng.

Nhưng vô luận ở đâu, cứ nói đến Bác, đến quê Bác, đến những ngôi nhà của Bác, cứ nhắc lại một vài câu nói, cứ kể lại một vài câu chuyện về Bác là liền tạo nên một sự chan hoà, một sự cảm thông sâu sắc. Riêng tôi lần này lại có cái may mắn lớn là được cùng cô Lê Quyên, người ngâm thơ và chị Lê Minh người đệm đàn đi nói thơ Bác với đồng bào, đồng chí miền Nam.

Chúng tôi đã đi nhiều nơi từ Đông Hà, đến Huế, đến Sài Gòn, đến Cà Mau. Thật không ngờ chúng tôi lại có thể đưa thơ Bác đến sớm như vậy, đang hoàng như vậy ở những nơi như Mang Cá, như các sân bay, như căn cứ Sóng Thần, căn cứ Đồng Tâm, những nơi chỉ mấy tuần trước thôi còn là sào huyệt của địch.

Tôi có bình luận, có phân tích chút ít nhưng chủ yếu là làm cái việc đọc thơ Bác để bà con cùng nghe. Chỉ cần nghe đọc và, tiếp đó, nghe ngâm là qua lời thơ của Bác mọi người như được trông thấy Bác hiền hoà và linh hoạt, rất giản dị mà đẹp tuyệt vời.

Mọi người như được nghe giọng nói âu yếm của Bác hứa với các em từ thời Pác Bó:

*Bao giờ đuổi hết Nhật Tây
Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng;*

được nghe tiếng cười vui của Bác đùa với cảnh sống cay cực ở trong tù qua bài thơ về ghê:

*Đây mình đỏ tím như hoa gắm
Sốt soạt luôn tay tựa gảy đàn
Mặc gắm bạn tù đều khách quý
Gảy đàn trong ngục thấy tri âm;*

được chứng kiến một cảnh ít có, là cảnh Bác trò chuyện với trăng trong rừng Việt Bắc:

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.*

Đi đến đâu chúng tôi cũng thấy có một sự thiết tha lớn muốn được nghe thơ Bác. Có thể lúc đầu bà con ta muốn nghe thơ Bác chủ yếu là vì Bác, chưa phải vì thơ. Nhưng càng nghe càng thấy thơ Bác quả thật rất hay và hay nhất là ở chỗ rất nhẹ nhàng, rất tự nhiên, thơ đưa ta vào một thế giới quen thuộc, gần gũi mà trong sáng, cao đẹp, đậm ấm vô cùng.

Không phải chỉ có một số người thấy như thế, mà gần như mọi người nghe thơ đều thấy như thế. Từ anh cán bộ, anh chiến sĩ quân đội nhân dân vừa xông pha lửa đạn giải phóng quê hương, anh cán bộ Đảng ở Củ Chi đã bao nhiêu năm quần nhau với giặc, anh công nhân Ba Son đến các em học sinh phổ thông và đại học, các anh chị em trí thức, các anh chị em giáo viên trong đó có không ít những nhà tu hành đạo Gia tô và đạo Phật làm nghề dạy học, tất cả đều thấy mình có thể dễ dàng đi theo lời thơ mà bước vào thế giới riêng của Bác. Nhưng người nghe thơ và cả người nói thơ lại cũng đều thấy thế giới này có đi mãi vẫn không cùng. Vì thơ Bác hết sức dễ hiểu mà lại rất sâu.

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình.*

*Hương hoa bay thâu vào trong ngực,
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

Nỗi niềm của một bông hoa quý bị bỏ quên! Bao nhiêu bông hoa quý bị bỏ quên trong trời đất! Nhất là khi trời đất chưa phải là trời đất của các loài hoa và hương hoa còn phải bay vào trong tù để tìm bạn. Làm sao thấy hết được chiều sâu của một bài thơ như vậy? Chiều sâu của một cái nhìn, một tấm lòng tinh tế, chi ly mà bao la như trời biển.

Có người nói: Phải là người cách mạng mới thấy được cái hay của văn thơ cách mạng. Nhưng người ta cũng có thể nghĩ văn thơ cách mạng thường có sức nhen ngọn lửa thiêng ngay trong lòng những người chưa phải là người cách mạng. Có hôm nhìn những em học sinh sau khi nghe thơ Bác trên đường về tíu tít trò chuyện với nhau, tôi bỗng nghĩ biết đâu trong đó không có những trái tim đang bùng lên nằng hạ. Y như trong trái tim em học sinh Tố Hữu ba mươi mấy năm xưa. Cho nên chúng tôi càng tiếc chưa đi được nhiều hơn và sâu hơn nữa.

Có thể nói trong muôn một chúng tôi đã góp phần đưa thơ Bác đến với một số đồng bào đồng chí ở miền Nam. Nhưng đồng thời chúng tôi cũng thấy mình được bồi dưỡng rất nhiều. Mỗi lần trông thấy những nét mặt rạng rỡ tươi vui, những nét mặt bồi hồi xúc động, những ánh mắt long lanh trong khi nghe thơ Bác, chúng tôi phấn khởi vô cùng. Thì ra cái phần đúng, cái phần trong, cái phần đẹp, cũng có thể nói là cái phần của Bác trong tâm hồn anh chị em ta, kể cả những anh chị em từ những góc trời xa vừa mới trở về đoàn tụ, cái phần ấy vẫn rất lớn.

Chẳng những thế, anh chị em còn giúp cho chúng tôi càng thêm hiểu Bác. Ví như khi nói đến bài thơ:

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh
Lũng lảng chân treo tựa giáo hình
Làng xóm ven sông đông đúc thế
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh*

thường tôi chỉ nhấn cái ý này: cái tư thế bình tĩnh ung dung của Bác trong bài thơ có thể nói đã đạt đến mức phi thường, mà bài thơ lại chỉ kể lại câu chuyện một cách bình thường và bình dị. Nhưng nhiều anh chị em lại nghe bài thơ này và nhiều bài thơ khác viết trong tù một cách khác. Anh chị em vẫn biết cuộc đời của Bác nhiều gian khổ, nhưng thường thì chưa hình dung được cụ thể gian khổ như thế nào. Anh chị em không ngờ Bác Hồ muôn kính ngàn yêu của chúng ta lại bị đày đoạ đến mức ấy. Nhiều anh chị em vừa nghe thơ vừa rung rung nước mắt. Chính do sự xúc động của anh chị em mà thơ Bác chúng tôi hiểu thêm sâu, hình ảnh Bác chúng tôi thấy thêm sinh động, và tấm lòng của Bác, bàn tay dịu dặt của Bác càng thêm gần gũi, thêm ấm áp với chúng ta trong khi chúng ta đang ra sức làm theo lời Bác.

BÀI HỌC HỒ CHÍ MINH

THIỆU SƠN

Cách đây tới 10 năm, tôi có viết trên báo *Thần chung* ở Sài Gòn một loạt bài về một số nhân vật mà tôi đã theo dõi từ thời Pháp thuộc qua Cách mạng tháng Tám và suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tôi đề cao những ai đã hưởng ứng cách mạng, tham gia kháng chiến và giữ tròn tiết tháo nếu phải sống trong vùng kiểm soát của thực dân và phê bình nghiêm khắc những kẻ không làm được như thế. Tôi nhớ là tôi viết mấy chục bài về nhiều nhân vật trong đó có những bài về Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung, Lưu Văn Lang, v.v.. Trong khi ấy, tôi nhận được một bức thư của một độc giả vô danh viết tới toà soạn hỏi tôi đại khái như sau: "*Ông Thiệu Sơn đã cho chúng tôi rất nhiều bài học nhưng tôi ao ước được thấy **Bài học Hồ Chí Minh***".

Nhưng *Bài học Hồ Chí Minh* thật quả không thể nào viết được ở Sài Gòn, có viết thì báo cũng không dám đăng. Nếu đăng ra thì chẳng những tác giả lại vào tù phen nữa và anh bạn Nam Đình của tôi cũng không tránh khỏi vạ lây.

Hơn nữa, đề tài lớn quá, vì Cụ là kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc và thời đại, tôi không đủ tài trí thấu triệt trong một bài báo.

Nhưng nghĩ cho kỹ thì tất cả các bài học tôi đã viết đều có hình bóng vị Cha già dân tộc. Những nhân vật tôi đề cao đều có liên quan tới cách mạng, tới kháng chiến và tất nhiên đều dưới quyền lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp của Cụ Hồ. Cụ đã mở mắt, mở lòng cho những người đã làm việc cho Tây, đã vô dân Pháp

mà cũng biết trở về với dân tộc, hy sinh danh lợi, hy sinh xương máu để không hổ thẹn với non sông.

Cách mạng tháng Tám là do Cụ tạo nên. Kháng chiến chống Pháp là do Cụ tổ chức. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một trong những chiến thắng oanh liệt nhất trong lịch sử Việt Nam, vật ngã một cường quốc như Pháp là một kỳ công. Đương đầu với một siêu cường quốc như Mỹ thật là kỳ diệu.

Đồng bào ở khu giải phóng công khai tôn thờ Cụ. Nhưng đồng bào ở vùng tạm chiếm cũng âm thầm nuốt lệ khi nghe tin Cụ qua đời. Lúc đó ở Sài Gòn cũng có một vài nhà báo dám công khai thương tiếc một người đã làm vinh dự cho dân tộc. Riêng phần tôi không dám ho he một tiếng nào, biết rằng người ta nói được mà mình nói ra là mang vạ vào thân.

Cố nhiên tôi không dám treo ảnh Cụ Hồ ở nhà tôi tại Sài Gòn, nhưng trong tủ sách tôi có số tạp chí *Regards* ở ngoài bìa có in hình Cụ đẹp lắm. Tạp chí đó đã có lần bán công khai ở Sài Gòn. Nhưng ngày 29-2-1972, cảnh sát đem giấy biện lý tới xét nhà tôi, đã tịch thu sách này mà họ cho là bất hợp pháp. Tôi cãi với họ không được. Họ cứ điệu tôi ra xe và đưa về tổng nha rồi giữ tôi hơn 2 năm tù cho tới ngày trao trả. Nói cho công bằng, không phải chỉ vì tấm ảnh Bác Hồ mà họ kết tội tôi. Họ còn kết tội đủ thứ tội và nặng nhất là tội phản nghịch.

Tới sân bay Lộc Ninh, giữa một số đông đồng bào tiếp đón tôi, tôi thấy rất nhiều hình của Cụ, lại nhớ tới số tạp chí *Regards* bị tịch thu với tấm hình vị Cha già của dân tộc mà tôi đã cất giữ cả mấy năm trời.

Huy Cận đã viết:

Bác Hồ ơi!

Chẳng có bao giờ vắng Bác

Bác là mặt trời mỗi sáng mọc lên

Bác là mặt trăng mỗi đêm dịu mát

*Bác là biển sông muôn trùng dào dạt
Ôm quê hương trong chan chứa tình thương*

Huy Cận còn viết:

*Việt Nam - Hồ Chí Minh
Tiếng gọi Bác chuyển rên lưng trái đất
Từ Á, Âu, Phi đến Mỹ La tinh...*

Hồ Chí Minh là nghĩa lớn, là ngọn cờ, là hiệu lệnh điểm những giờ chiến đấu...

Huy Cận nói đúng. *Bài học Hồ Chí Minh* không phải là bài học riêng cho dân tộc Việt Nam mà là chung cho nhân dân thế giới, nhất là nhân dân bị áp bức. Chính nhờ bài học đó mà nhiều dân tộc đã thoát khỏi ách nô lệ của thực dân. Nhưng Huy Cận chưa nói hết. Bài học Hồ Chí Minh còn ảnh hưởng ngay tới những đầu óc thực dân hạng bự. Điển hình là tướng De Gaulle. Khi ông tuyên bố ở Brazaville về Đông Dương thì ông có khác gì mấy chú thực dân khác. Nhưng sau Điện Biên Phủ, sau Hiệp định Geneve, ông đã thay đổi một cách rõ rệt. Ông đã chấm dứt cuộc chiến tranh thuộc địa An-giê-ri và đã công khai tuyên bố giải thực một cách thành khẩn rõ ràng. Ông còn rút ra khỏi minh ước Bắc Đại Tây Dương, liên phòng Đông Nam Á và chỉ trích cuộc chiến tranh nơu bản của Mỹ ở Đông Dương. Ông làm cho Mỹ chới với, mới đầu còn giận dữ, sau phải làm hoà và rút cuộc phải năn nỉ ông giúp kế hoạch để thoát khỏi vũng lầy ở Đông Dương.

Tôi thích đọc tiểu sử của những bậc vĩ nhân và tôi lấy làm hãnh diện là dân tộc nhỏ bé như dân tộc mình lại sản sinh ra một nhân vật vĩ đại như thế. Hồi tôi kháng chiến ở Nam Bộ, tôi có gặp được một cụ tú già trên 80 tuổi. Cụ đã làm cho tôi một câu đối mà nay tôi chỉ còn nhớ được một vế:

Chí thành, chí thành, chí Minh, thiên hạ anh hùng vô đối thủ.

Cố nhiên ta phải nhìn nhận rằng trong thế giới còn có lắm vị anh hùng được sánh ngang hàng với Hồ Chủ tịch. Nhưng chưa

có một dân tộc nhỏ bé nào như dân tộc Việt Nam mà sản sinh được một người anh hùng như Cụ.

Có những bậc tiền bối đã làm quốc sự nhưng không thành công. Đơn cử hai cụ Phan ở thời cận đại. Cụ Phan Tây Hồ đã kích một cách hăng say cái triều đình thối nát ở Huế nhưng cụ lại viết thư cho toàn quyền Beau muốn dựa vào Pháp để thủ tiêu cái triều đình đó. Giả thiết như Pháp nghe theo lời cụ thì rồi Pháp có chịu rút khỏi Việt Nam mà trả lại độc lập cho ta hay không?

Cụ Phan Sào Nam bốn ba hải ngoại muốn nhờ quân lực ngoại quốc giải phóng cho ta nhưng cụ lại y lại vào những nước tư bản. Kết quả là tư bản cấu kết với tư bản làm cho phong trào Đông Du tan rã và rồi cụ phải thất bại một cách đau thương.

Lòng yêu nước của các bậc tiền bối đó cố nhiên đã tài bồi cho người đi sau. Nhưng Cụ Hồ đã rút kinh nghiệm của những người đi trước mà tránh khỏi được những lầm lạc của các bậc nói trên. Cụ lấy căn bản là nhân dân trong nước, không đồng minh với những chánh phủ tư bản mà đồng minh với nhân dân bị áp bức trên thế giới. Cụ xây dựng một số cán bộ trung kiên ở trong nước và liên kết với một số đồng chí đáng tin cậy ở ngoài nước. Nhờ đó mà Cụ thành công. Cụ ít sai lầm vì có làm việc tập thể và tin tưởng vào nhân dân, nhứt là nhân dân lao động, công nhân và nông dân. Cụ thấy xa, biết rộng từ bỏ những cơ hội may mắn nhứt thời và chấp nhận mọi khó khăn đã đạt tới mục đích.

Degaulle là một anh hùng cứu quốc của Pháp nhưng chính nhờ *Bài học Hồ Chí Minh* mà ông mới có những ý kiến tốt đẹp lúc về già. Ông chết năm 79 tuổi, cũng được thế giới coi là một bậc vĩ nhân. Nhưng so sánh với Hồ Chí Minh, xuất thân từ một cậu bé nhà quê ở một nước nô lệ làm đủ nghề để độ nhật và để xuất ngoại, suốt đời lo cho nước cho dân, chịu nhiều hy sinh gian khổ để đạt thành hoài bão - thì tướng Degaulle còn thua xa Cụ Hồ của chúng ta.

Cụ Hồ cũng qua đời năm 79 tuổi. Định mạng muốn rằng tuổi 79 là tuổi thọ của vĩ nhân. Nhưng trong số vĩ nhân trên thế giới, tôi nghĩ rằng Hồ Chủ tịch phải là người được nhân dân thế giới khâm phục và kính thương hơn hết. Những kẻ bị áp bức nhờ Cụ mà thấy rõ cảnh cá chấu chim lồng và phải tranh đấu để được tự do độc lập. Những kẻ đi áp bức người ta cũng thấy ghê tởm về hành động của mình mà biết tôn trọng công lý và lẽ phải.

Bài học Hồ Chí Minh không phải chỉ bổ ích cho mỗi người trong chúng ta. Bài học đó còn bổ ích cho toàn dân thiên hạ.

NHỚ BÁC HỒ (Trích)

PHẠM HUY THÔNG

"Là lãnh tụ, là thầy, là cha". Đó là tình cảm của tôi, của thế hệ chúng ta ngày nay đối với Bác Hồ. Như thế hệ Bác Hồ đã nói lên như vậy tình cảm của mình đối với Lê-nin thân thiết và vĩ đại.

May mắn hơn Bác đối với Lê-nin, tôi đã được gần Bác. Lần đầu tiên được gặp, đã được gần ngay. Trước ngày Bác trở lại Pa-ri, lần này với tư cách một nguyên thủ quốc gia, tôi được Thủ tướng Phạm Văn Đồng, bấy giờ đứng đầu phái đoàn nước ta dự Hội nghị Việt Pháp Phong-ten-nơ-blô, giao cho nhiệm vụ làm thư ký riêng cho Bác.

Tôi được gần Bác không lâu. Nhưng đó là những ngày chẳng bao giờ phai kỷ niệm. Bác giao cho tôi tiếp khách, chuẩn bị văn kiện.

Khách tôi tiếp đầu tiên là nữ ký giả Phrăng-xoa-dơ Co-re-dơ, báo *Nhân đạo*. Đó là ngay trước buổi họp báo chí đầu tiên của Bác, ở khách sạn Roay-an Mông-xô. Với lý do thông báo mục đích hội nghị sắp họp, Bác muốn đặt trước lương tri nhân dân Pháp và thế giới niềm gắn bó thiết tha của Nam Bộ với Tổ quốc Việt Nam, tình cảm thắm thiết của toàn dân ta với Nam Bộ ruột thịt. Chính trong buổi họp báo này, Người đã ngừng đọc bài phát biểu đã chuẩn bị sẵn, thốt lên thống thiết: "Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam". Chị Co-re-dơ xin được gặp Bác trước khi họp, và tôi đã mời chị đến dùng điểm tâm với Bác và tôi. Nhà báo cảm tạ Bác đã ân cần soi sáng nhiều vấn đề, và hỏi Bác cho phép được nói những gì và thế nào.

- Cô hãy tự lượng mình là người của báo *Nhân đạo* - Bác nói - mà viết bài. Chỉ có điều là cô hiểu thế nào thì viết rằng mình hiểu thế, chứ không viết là mình nghe thấy thế.

Cuộc họp báo khi vắng, nhân trên bàn có mấy bông hồng, Bác đứng dậy tặng chị một bông vì là nhà báo nữ. Tuần báo *Con mắt nhìn* (*Regard*) đã đăng tấm hình với lời chú thích hóm hỉnh: Bốn mươi năm đấu tranh cách mạng mà vẫn lịch thiệp như thường!

Hơn hai mươi năm sau, tôi xúc động được tin khi Bác mất, nhà thơ Phrăng-xoa-dơ Co-re-dơ đã ôm một bó hoa hồng đến trước ảnh Bác ở Đại sứ quán ta tại Pa-ri mà khóc.

Một điều tôi rất tự hào, là trong những năm trước khi được gặp Bác, viết trang nói về lịch sử phong trào yêu nước, tôi không tin cái tin phao đồn rằng sau khi thoát khỏi Hương Cảng, Bác đã mắc bệnh lao mà mất. Tôi trình bày: Thực dân Pháp nói thế, nhưng người Việt Nam "không nổi tin". Không nổi, vì thương Bác; không nổi, cũng vì thương dân tộc... Tò mò và chưa có ý thức chính trị nhiều, tôi đã nghe anh chị em xui, và, một buổi nọ, hỏi Bác về Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc. Bác mỉm cười: "Các chú hỏi ông Nguyễn Ái Quốc, chứ tôi biết đâu mà nói!". Mọi người đều cười, và không ai dám hỏi thêm nữa. Thật ra nghe cách Bác nói chuyện với chiến sĩ lão thành Pháp, thấy ít lâu sau Bác đi bộ một sáng sớm đến thăm hẻm Công-poăng, chúng tôi không nghi ngờ gì mấy nữa về điều mình nghĩ!

Được Bác bình luận và sửa chữa những văn bản chuẩn bị, tôi học được thêm nhiều điều. Ngay sau khi xem văn bản đầu tiên tôi chuẩn bị, Bác chê: "Chú viết văn Pháp, xem ra bóng bẩy, tề nhị đấy. Thế nhưng đây là một bài nói. Chú có định cho người ta kịp nghe, kịp hiểu không, mà viết câu dài hàng ki-lô-mét thế này?".

Có lần tôi nói về mấy khẩu hiệu quốc gia Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái. Bác bình luận: "Nêu vậy là vừa đúng, vừa hợp đối tượng. Cách mạng 1789 của Pháp đối với lúc bấy giờ là lớn lắm. Nhưng đó là đối với lúc bấy giờ".

Một anh em đứng bên so sánh nội dung đạo lý khẩu hiệu ta, khẩu hiệu Pháp. Tôi thắm thía mãi lời Bác: "Ta đâu chọn khẩu hiệu dễ cũng có như người, hoặc dễ hay hơn người! Khẩu hiệu của ta hợp với ta lúc này là: Độc lập, tự do, hạnh phúc".

Từ ấy càng rõ trong tôi đó là những điều ham muốn thiết tha của Người đối với nhân dân.

Một lần khác, tôi nói về tính dân chủ trong xã hội ta xưa: ruộng công tương trợ, chú bé chăn trâu thi đỗ làm quan. Bác lưu ý tôi: "Nhân dân ta có những truyền thống tốt đẹp, nhưng cuộc sống phong kiến không thơ mộng thế. Hãy nhớ Phạm Quỳnh tán dương quốc hồn quốc túy, nhớ toàn quyền Pa-xki-ê ca ngợi An Nam xưa. Để làm gì? Trong khi cách mạng đòi hỏi cuộc sống phải hoàn toàn đổi mới thì chúng lại bảo cuộc sống cổ truyền ở Huế, ở thôn xóm, êm đềm thế, cần đi đâu tìm cái mới nào?".

Từ viết văn đến nhận thức, tôi đã học được nhiều. Tuy cần nói rõ, như mọi trí thức học dưới mái trường Pháp, tôi đâu dễ nghe ai khuyên nhủ! Nhưng với tình cảm sẵn có với Bác, với phần khởi được sống bên Bác một thời gian, với cách nói năng ôn tồn và thâm sâu của Bác, tôi đã từng bước, từng bước sang một thế giới mới... Đã chói lói tim tôi một "mặt trời chân lý"!

5-1977

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN VỀ BÁC (Trích)

HOÀNG VĂN BỒN

CHỤP ẢNH BÁC

Trận bóng đá quốc tế tại sân Hàng Đẫy năm ấy rất đông. Cầm vé trong tay cũng không sao len vào được. Tôi cố vào mấy lần, đều bị bật ra, ngã dúi vào một anh bộ đội có tuổi mồ hôi đầy người, làm chiếc máy ảnh của anh bị bật văng xuống đất, tôi vội vàng cúi xuống lượm lên.

- Ủa, mày đó hả. Chú mày giỏi, tao khen – Anh Hưng, nhiếp ảnh báo *Quân đội* lau mồ hôi đón chiếc máy ảnh lấm đất, rồi nhờ tôi mở đường tiến vào cổng.

Tôi thì mở đường cái khi mốc, nhưng nhờ cái giọng Nam Bộ của hai chúng tôi, người xem cũng nể tình chút ít.

Vào được đến trong sân, anh Hưng già khệ nệ ngấm nghĩa qua máy ảnh, không buồn lau mồ hôi khắp người. Còn tôi, tôi phải lúi tìm tổ quay phim Quân đội của tôi. Trận ấy, tổ làm phim chúng tôi có nhiệm vụ làm một bộ phim nhỏ để tuyên truyền. Tôi len mãi mới gặp được cậu trung úy quay phim đang loay hoay trước khán đài.

Ngước nhìn lên tôi thấy Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi cạnh một ông già đội mũ cối, mảnh khăn che gần kín mặt.

Tôi và cậu quay phim chen lấn vào gần Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhưng hai, ba người mặc thường phục kiên quyết xô chúng tôi bật ra.

May quá, ông nhiếp ảnh già Hưng của chúng tôi xuất hiện. Tôi bảo cậu quay phim yên tâm, thế nào ông Hưng cũng mở được đường tiếp cận Thủ tướng Phạm Văn Đồng và các cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước để mình quay phim.

Anh Hưng già sửa lại đôi quần hàm trung úy, thở ề ề mồ hôi như tắm, khệnh khạng, ngấm ngấm, nghĩa nghĩa hướng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và cụ già ngồi cạnh, bò xồm vào, tư thế như con ếch khổng lồ. Sau anh, chúng tôi cũng tư thế ấy, bò theo anh...

Đang bò lồm ngồm, bỗng anh đưa tay phải đập mạnh sau lưng, phát âm đúng giọng “Anh Hai Nam Kỳ”:

- Làm gì kỳ cục vậy? Có đề yê cho người ta làm nhiệm vụ không tía? - Thế rồi vẫn lồm ngồm bò xồm vào, che khuất mọi người.

Lại có cánh tay túm áo anh lôi lại... Anh lại đưa tay gạt phát phía sau lưng, gạt toáng lên:

- Giỡn hoài, cha nội, người ta đang làm nhiệm vụ quan trọng... Lần này, hai cánh tay túm áo anh rất chặt, lôi tuột ra sau. Anh quay phát lại, vung tay, quát lớn:

- Bảo vệ hả? Với thằng Hưng già này mà cũng... Muốn chơi nhau hả? Được. Để tao chụp Bác Hồ của tao hai kiểu, rồi ra ngoài kia, cởi áo chơi nhau, chết ai nấy chịu...

Cậu quay phim hướng ngay máy quay về phía ông cụ già cuộn khăn gần kín mặt ngồi cạnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Máy quay phim có gắn tê lê. Còn máy ảnh của ông Hưng làm gì có bộ phận ấy. Ông điên tiết, quay lại cả khía chúng tôi:

- Dạt ra, đừng ỷ máy móc tân kỳ, ăn cướp cảnh này của tao. Ở sông Cấm, tao chịu thua hai lần rồi...

Nhiều người xung quanh cười khoái trá vì lời nói, hành động ngồ ngộ của ông trung úy già nhiếp ảnh Nam Kỳ. Mặc, ai cười cứ cười, các đồng chí bảo vệ vẫn nắm chặt lưng áo ông trung úy già mồ hôi đầy mình, mặt nhăn như bị, bò lồm ngồm tìm

cách xông vào. Nhưng, cụ già ngồi cạnh Thủ tướng Phạm Văn Đồng biến đâu mất. Trung úy nhiếp ảnh già nổi khùng, không thèm lau mồ hôi dính chùm dưới da cổ đỏ như gà chọi, cúi gắt um lên:

- Nhiệm vụ số một của tao bữa nay do Toà soạn báo *Quân đội* giao, coi như phèo.

Lại có ai đó nắm áo ông, giật giật. Đang ức, ông trung úy già quờ tay phẩy ra sau quát lớn:

- Bỏ ra, cha nội, làm khổ người ta hoài, làm tiêu nhiệm vụ số một của người ta, còn giật giật hoài...

Và, ông trung úy già quay phắt lại theo linh tính nào đó, bỗng ông la lớn:

- Bác, Bác Hồ muôn năm !...

Chúng tôi cũng reo theo, vừa reo vừa quay nhanh cảnh Bác tươi cười, ngồi ung dung giữa các cụ già, trẻ em quanh đấy. Ông trung úy già nhảy cẫng một lúc, chợt nhớ ra, vội đưa cao chiếc máy ảnh bấm lia lịa.

Bác tươi cười hỏi:

- Hoàn thành nhiệm vụ số một của Toà soạn chưa, chú Hưng? Ông trung úy già xúc động quá, lúng túng:

- Dạ thưa Bác, chụp chưa đã lắm... Bác cho cháu chụp một kiểu đặc biệt gửi về Nam.

Bác Hồ không cười, sửa lại cổ áo ka ki, kéo mảnh khăn che mặt để bộ râu bạc bay theo gió, kéo nhẹ một cháu bé gần đấy vào lòng cho ông trung úy già hoàn thành “nhiệm vụ số một” của ông.

Tất nhiên máy quay phim của chúng tôi đã quay gọn cảnh xúc động ấy. Ngậm điều thuốc lá thơm từ tay Bác, ông trung úy già nhảy cẫng như trẻ thơ mồ hôi rơi lộp độp xuống sàn gỗ khán đài.

Bác đã biến vào đám đông từ lúc nào, ông trung úy già mới la lên:

- Trời đất, tôi quên cảm ơn Bác rồi... Tui quên...

CÁC CHÁU ĐỪNG LÀM THẾ

Đi làm phim chiến trường hai tháng, về dựng tại xưởng gần tháng, vẫn cay đắng vì một cảnh quan trọng về một chiến sĩ bắn tỉa nổi tiếng ở mặt trận Cồn Tiên. Đã quay được nhiều cảnh lính Mỹ bị trúng đạn, cũng xa xa thôi, nhưng chiếu lên, vẫn không thấy rõ. Vẫn muốn cho người xem nhìn rõ một tên lính Mỹ bị anh chiến sĩ bắn tỉa hạ ngon lành tại trận.

Bàn bạc mãi, đành bấm bụng bí mật dẫn nhau lên Sơn Tây. Cậu Dũng xung phong làm tên lính Mỹ bị bắn ngã lộn nhào... Suốt một buổi sáng, quần quật như trâu lặn, cậu Dũng nhào lộn đến rách cả đít quần...

Được lệnh vào chiếu duyệt tại Phủ Chủ tịch, chúng tôi hí hửng và lo sợ. Quả thật là chúng tôi không muốn chiếu cho Bác xem cảnh ấy. Tâm tư rất lạ: Nói dối Bác là có tội, là điều không nên... Tranh luận mãi, cuối cùng, có đồng chí tắc lưỡi: Đành liêu.

Buổi chiếu duyệt ấy, rất đông cán bộ lãnh đạo cấp cao dự.

Chúng tôi lăm lét liếc chừng Bác theo từng thước phim ráp chạy xè xè, theo từng hình ảnh loang loáng trên màn ảnh. Mồ hôi ướt đầm mặt mũi chúng tôi.

Cái cảnh khốn khổ ấy chạy qua màn bạc lúc nào, chúng tôi không hay biết. Bỗng có một bàn tay khều nhẹ vào vai tôi: Bác.

Giọng Bác âm áp, nhỏ nhỏ:

- Lần sau, các cháu đừng làm thế nữa...

Chúng tôi đã hiểu tất cả. Nhưng vì quá bàng hoàng xúc động nên cứ ngơ ngơ ngác ngác. Bác lại ôn tồn:

- Các cháu lau mồ hôi đi. Quay được những thước phim thế này, tốt lắm, dũng cảm lắm. Đừng để những thước phim “bắn tỉa” như thế làm mất lòng tin của đồng bào khi được xem các cảnh anh hùng của chiến sĩ, đồng bào ta mà các cháu đã quay thật.

Bác mỉm cười:

- Không thể nào cùng một cảnh, một khung hình mà các cháu quay rõ được người bắn tia và kẻ bị bắn tia, tất cả đều rõ như thế...

Tất nhiên, cảnh ấy đã được chúng tôi tháo ra khi về xưởng. Sức mạnh của phim tài liệu nghệ thuật là ở tính chân thật. Gần mấy trăm bộ phim về sau của chúng tôi, chúng tôi không sao quên được lời dặn của Bác.

TIẾNG BÁC TRÊN TRẬN ĐỊA

Cứ khoảng 15 phút lại một lần báo động. Chỉ kịp nghe tiếng các pháo thủ cao xạ phòng không hai đầu cầu Hàm Rồng thét "tiêu", tiếng nòng pháo quay vo vo và tiếng chiến sĩ quan trắc 3 ĐH đồng đặc đếm "Năm nghìn, hai nghìn rưỡi, hai nghìn..." là cả mặt đất chúng tôi đang đứng rung chuyển dữ dội như động đất. Những ngày ấy nhiệm vụ của chúng tôi là làm nhanh một bộ phim về người Hàm Rồng đánh Mỹ bảo vệ cầu, bảo vệ cuộc sống quanh vùng chân cầu. Ngoài ra, các đội quay của Xưởng phim Quân đội phải quay kỹ được nhiều cảnh máy bay Mỹ bốc cháy trên trời, phi công Mỹ bị bắt sống.

Hôm qua, chúng tôi nhin đói suốt buổi mang xách máy quay, thùng đựng ca-sét phim nhựa chạy bộ lên tận gần cầu Lèn để quay chiếc A6A bị ta bắn rơi. Một buổi tối tổ làm phim chúng tôi đang nghỉ trong một cái hang, bỗng dưng, có tiếng la lớn bên kia bờ sông Mã:

- Bác Hồ, Bác Hồ muôn năm!..

Rồi tiếng kêu ấy lan truyền rất nhanh trong đêm từ trận địa núi Ngọc đến trận địa Đông Sơn, Đồi Thông, Nhà máy điện.

- Bác Hồ... Bác Hồ... các bạn ơi !...

Đại úy Lê Bằng chụp nhanh chiếc đài Xiongmao trong tay Lê Lâm, lần tìm làn sóng trong màn đêm. Bỗng nghe tiếng Bác cất lên rất âm, rất vang cả hang Mất Rồng chúng tôi đang trụ.

Rồi bên kia sông Mã, các pháo thủ cũng vắn to đài cho cả vùng Hàm Rồng có thể nghe Lời kêu gọi của Bác. Chúng tôi nín thở, bầu chặt vào vai nhau, nghiêng tai đón hứng từng Lời kêu gọi cứu nước của Bác lẫn trong tiếng ì ầm của đạn pháo cao xạ phòng không khắp khu cầu Hàm Rồng. Trong tiếng bom của giặc Mỹ chúng tôi vẫn nghe rõ lời Bác: “Hà Nội, Hải Phòng có thể bị tàn phá... Song...”.

Dứt trận bom toạ độ B57 sát chân cầu, chúng tôi mới nghe tiếp được những lời kêu gọi của Người.

Và sau đó chỉ còn lại khúc nhạc vang dội trong đài như một khúc quân hành.

Chúng tôi lặng người, nghe từng nhịp thở của nhau trong hang Mất Rồng. Nghe cả tiếng các pháo thủ, dân quân hai bờ sông Mã gọi nhau í ới lẫn trong tiếng cười sảng khoái, ghen ngạo:

- Có nghe được không ? “Này Giôn-xon...”

- Nghe được chứ.

Có trận địa nào đó bắn một tràng tiểu liên lên trời để mừng như mừng chiến thắng.

Chúng tôi bàng hoàng, rồi giật mình hỏi nhau mang máy quay, ắc quy, thùng casét, máy ghi âm lao ra cửa hang, bò qua cầu Hàm Rồng, men theo đê Yên Vực đến trận địa cao xạ của anh Nguyễn Gia Nhuệ. Anh Nguyễn Gia Nhuệ đang gào trong điện thoại gì đó:

- Nghe được chứ? “Này Giôn-xon” nhé. Sướng chưa?- Hình như đại đội trưởng Nguyễn Gia Nhuệ đang nói chuyện cùng chính trị viên Yết ở trận địa Yên Vực, cùng anh Công, đại đội trưởng cao xạ. Đồi Thông và trận địa Đông Sơn - một trong những nơi phát tích loài người miền châu Á.

Các pháo thủ, thương binh của Nguyễn Gia Nhuệ đang quây quần bên mâm pháo, tranh nhau nhắc lại lời nói của Bác như chính Bác chỉ nói với họ thôi:

- Giọng Bác vẫn ấm, vang lẫm nhé, “Này Giôn-xơn”.

- Tiếc quá. Đoạn đầu, mình chưa kịp tháo tai nghe máy phoni. Tại cái thằng A3J khốn kiếp, lại mò đi đêm vào lúc quan trọng ấy... Thú quá, nhẩy?

Chúng tôi dùng đèn pin, đèn ắc quy tập trung ánh sáng quay tạm cảnh trận địa Hàm Rồng xúc động nghe Lời kêu gọi cứu nước của Bác năm ấy. Tiếc một điều, những năm ấy, chúng tôi còn nghèo quá, không đủ đèn ắc quy cho các đội quay phim mặt trận, cũng không đủ máy ghi âm dã chiến... Giờ đây, tôi có thể giờ tuyên tập Hồ Chí Minh để ghi lại đầy đủ Lời kêu gọi lịch sử của Bác vào năm ấy. Nhưng tôi không muốn làm như thế. Tôi muốn được gìn giữ nguyên chất anh hùng, yêu nước cao cả của Bác đã truyền cho chúng tôi trong giây phút lịch sử ấy, giữa những giờ phút vô cùng ác liệt, nguy hiểm với đời chiến đấu của chúng tôi.

BÁC HỒ VỚI NHỮNG NGƯỜI LÀM PHIM

Tổ làm phim có ba người: Suduki biên tập, Têramôtô quay phim (hai đồng chí này là đảng viên Đảng Cộng sản Nhật), còn tôi là người của Xưởng phim Quân đội biệt phái đi giúp bạn. Nhiệm vụ của chúng tôi là làm phim cho Đảng Cộng sản Nhật, hay nói cho đúng hơn là làm phim để nhờ Đảng Cộng sản Nhật đưa vào hãng truyền hình của Đảng Cộng sản Nhật NDN làm cái cầu truyền hình ảnh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta vào màn ảnh nhỏ của 52 nước tư bản trên thế giới.

Cuối năm 1965, chúng tôi được phép quay hình ảnh Bác Hồ. Tin vui đó đến với tổ làm phim. Chúng tôi ai ai cũng náo nức mong đợi giờ phút được gặp Bác.

Để đảm bảo chất lượng hình ảnh và âm thanh trong nhiệm vụ mà chúng tôi cho là rất trọng đại này, từ Nhật Bản, hãng NDN đã điều thêm sang đồng chí Phudi và một máy quay phim có ghi âm đồng bộ.

Chúng tôi đến phòng khách Phủ Chủ tịch chuẩn bị đón chờ Bác. Bác đi vào, vẫn với bộ quần áo ka ki quen thuộc. Chúng tôi kính cẩn chào Bác. Bác giơ tay đáp lại và cho phép làm việc. Trong khi Bác trả lời những câu phỏng vấn của hãng truyền hình NDN thì trong máy quay phát ra những tiếng không êm khiến tôi rất lo ngại, nếu không may có gì trục trặc về kỹ thuật thì thật là thiếu sót lớn. Đồng chí Phudi, một phóng viên quay phim đứng tuổi đã từng đi nhiều nước, có nhiều tuổi nghề, nhưng hôm nay cũng có vẻ hồi hộp, thao tác có phần lúng túng.

Bác đã trả lời xong những câu phỏng vấn. Cuối cùng, Bác dùng tiếng Nhật gửi lời chào và chúc nhân dân Nhật hạnh phúc.

Có lẽ quá lo lắng nên tôi nói với đồng chí Phudi: “Tiếng máy không êm, liệu có trục trặc kỹ thuật gì không?”. Phudi vội kiểm tra lại máy móc. Không ngờ Bác đã nghe thấy những điều chúng tôi trao đổi nhau. Đột nhiên, Bác bảo: “Các chú cứ làm cho tốt. Nếu cần Bác đọc lại cho mà quay”. Tất cả chúng tôi đều sững sờ, xúc động trước câu nói chứa đựng sự thấu hiểu và ân tình của Bác đối với nhóm làm phim. Nước mắt Phudi bỗng trào ra; anh nói: “Thưa Bác, tốt rồi ạ”.

Bác bảo:

- Nếu tốt rồi thì sang phòng bên, Bác cháu ta uống nước.

Phudi tâm sự với tôi: Hơn hai mươi năm làm phim, anh đi nhiều nước, đã quay nhiều vị nguyên thủ quốc gia. Nhưng nhiều nơi anh chỉ làm việc như cái máy. Các vị nguyên thủ cứ diễn thuyết, mình cứ quay, việc của ai người ấy làm, không có sự giao lưu nào khác. Lần này được gặp Hồ Chủ tịch, ngay từ phút đầu anh đã xúc động, hồi hộp quá nên có lúng túng trong thao tác. Tất cả tâm trí anh bị chi phối bởi được gặp Bác Hồ, vị lãnh tụ nổi tiếng của một dân tộc anh hùng. Đến khi được nghe Bác Hồ nói sẵn sàng tạo điều kiện cho nhóm làm phim hoàn thành tốt nhiệm vụ, anh càng thêm xúc động.

Trong phòng trà có cà phê, bánh, kẹo, trái cây. Bác ngồi cùng với những người làm phim, thân mật như người cha ngồi cùng các con. Bác hỏi:

- Các chú sang Việt Nam công tác lâu chưa ?

Suduki đáp:

- Thưa Bác, con sang Việt Nam hơn một năm rồi ạ.

Bác bảo:

- Thế thì các chú khuyết điểm, sang Việt Nam hơn một năm mà vẫn phải nhờ chú này (Bác chỉ đồng chí phiên dịch). Hồi còn trẻ, Bác ra nước ngoài, chỉ sau sáu tháng là nghe và nói được tiếng nước đó, không cần phiên dịch. Từ nay, các chú nên học tiếng Việt, nhờ chú này (Bác lại chỉ đồng chí phiên dịch) giúp đỡ.

Giờ phút gần Bác, ai cũng muốn kéo dài. Chúng tôi muốn được ở bên Bác lâu hơn, nhưng Bác còn bận nhiều việc. Bác tạm biệt ra về.

Các đồng chí Nhật cứ đi theo Bác, tay cầm máy quay phim, máy ảnh mà như quên mất công việc, nét mặt ai cũng thần thờ, luyến tiếc.

Ổng kính máy quay trong tay tôi không lúc nào rời Bác. Từng cử chỉ, từng bước đi, từng giọng nói, tiếng cười của Bác đối với tôi đều vô cùng quý giá.

Bác đã bước xuống bậc thềm sau phòng khách, các đồng chí Nhật vẫn bước theo sau. Bác chợt ngừng lại ngắt một bông hồng tặng Suduk rồi đi về phía nhà sàn. Như đoán được mọi người vẫn dõi theo, Bác quay lại mỉm cười đôn hậu và giơ tay chào tạm biệt. Ổng kính của tôi vẫn theo Bác cho đến khi bóng Người đã khuất sau những hàng cây bên nếp nhà sàn.

Từ đó đến nay đã hơn 25 năm, mỗi khi nhìn tấm ảnh Bác Hồ vai khoác áo kaki, một tay cầm quyển sổ, một tay giơ cao chào tạm biệt những người làm phim, tôi lại nhớ đến kỷ niệm sâu sắc nhất trong cuộc đời của một phóng viên quay phim quân đội.

1991

TRÊN QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH SÁNG NAY...

PHẠM HỒ

Tất cả những sự chuẩn bị lặng lẽ trong đêm khuya bây giờ đã hiện rõ dần ra trong ánh sáng ban ngày. Và tất cả hợp lại đã thành một bức tranh lịch sử lớn, khiến ai nấy, khi nhận ra, đều cũng bồi hồi xúc động: Trước quảng trường và xung quanh lễ trường Ba Đình, nơi đặt linh cữu của Hồ Chủ tịch, hơn mười vạn người, băng tang đeo trước ngực, đã hàng ngũ chỉnh tề, đợi đến giờ làm lễ truy điệu trọng thể vị Cha già, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của Đảng.

Mười vạn người. Và ở đây có đủ mặt đồng bào của khắp các nơi trên đất nước: Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Bộ, Khu Bốn cũ, vùng mỏ, hải đảo... Đủ cả công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ, bộ đội... Đủ cả các lứa tuổi, già và trẻ, gái và trai...

Và cùng với mười vạn người ở đây, hàng triệu người Hà Nội trong các nhà máy, cơ quan, hợp tác xã, nhà riêng... cũng đang tham dự tang lễ.

Phần lớn những người ở đây, có nhiều điểm khá giống nhau. Ai cũng đã khóc Bác nhiều, từ cái buổi sáng phải nghe những tiếng làm cho ai nấy quặn lòng: "Hồ Chủ tịch... đã từ trần".

Bác không còn nữa. Tổn thất lớn lao ấy, nỗi đau thương vô hạn ấy càng chia ra cho cả ba mươi một triệu đồng bào thì đồng thời cũng nhân lên, dồn lại, đau hơn. Càng nghĩ càng đau. Có lúc tưởng như không chịu được nổi. Nhưng một ngày, hai ngày, ai cũng thấy rằng, cần rằng lại, mọi người sẽ chịu đựng được... Ai cũng tự hào về lòng kính yêu Bác của mình và càng tự hào về lòng kính yêu Bác của những người khác. Nghe các em bé nào

đó ở Hà Tây, kéo nhau đi bộ hơn mười một cây số, mang một vòng hoa các em tự Tết lấy, ra xin viếng Bác, ai cũng ứa nước mắt. Nghe chuyện bà Yên ở Cao Bằng trước kia đã nấu cơm nuôi Bác, nay về viếng Bác, được túc trực ở cạnh linh cữu Bác, ai cũng như muốn được chia niềm vinh dự ấy với bà Yên. Được biết chị Phan Thị Quyên, vợ anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đến khóc trước linh cữu của Bác, mọi người lại nhớ đến ước vọng của anh Trỗi được ra thăm Bác, nhớ lại ba lần anh ấy gọi Bác trước lúc hy sinh, và ai cũng thấy hãnh diện về những người con ưu tú của dân tộc mình...

Một số người ở đây, hôm qua, hôm kia, đã xúc động được đi viếng Bác lần cuối cùng trong lễ trường Ba Đình. Mặc mưa mặc nắng, mặc trời khuya, tất cả đều im lặng đứng chờ... Miễn là được gặp Bác... Họ đã được gặp Bác. Ai cũng còn giữ nguyên vẹn những cảm giác ấy, khi chân bước nhẹ vào lễ trường: Bác như nằm giữa một rừng hoa. Bác nằm như ngủ. Bác nằm như một ông tiên...

Đêm nay, hầu như không ai ngủ. Ai cũng đã làm theo đúng ý thích của Bác, chọn một bộ quần áo giản dị nhất nhưng cũng đẹp nhất để mặc đi dự tang lễ.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc đã đến. Mọi người dào lên một niềm xúc động mới. Ai cũng muốn nói với lên một câu gì đó, hứa một điều gì rất giản dị mà cũng rất thiêng liêng...

Các đoàn đại biểu các nước anh em và bạn bè bốn phương mang lòng kính yêu vô hạn đối với Bác cũng lần lượt đủ mặt. Mỗi đoàn góp thêm một niềm tự hào vào buổi lễ. Càng có đông đủ anh em bầu bạn, càng có sự gần lại bên nhau, lòng Bác càng vui.

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và luật sư Trịnh Đình Thảo kia rồi! Ôi miền Nam trong giờ phút này...! Ai cũng biết là miền Nam cũng đang tổ chức lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch ở trong kia... Càng hơn bao giờ hết, tình cảm Nam Bắc sôi lên trong lòng từng người, xe kết chặt hơn, bền hơn...

*

* *

Tiếng nói của đồng chí Lê Duẩn cất lên làm ai nấy đều nghẹn ngào.

Bài điều trần vừa nhắc lại cả cuộc đời và những mục tiêu phấn đấu vĩ đại của Bác, vừa bày tỏ được hết tấm lòng biết ơn của mọi người đối với công đức cao dày của Bác... Cả biển người im lặng lắng nghe. Bài điều trần không kể lại những sự việc cụ thể nhưng nghe mỗi câu, mỗi đoạn, mọi người lại nhớ ngay đến những lời Bác dặn, mà câu nào cũng thành thơ, thành chân lý; đến những việc Bác làm, mà việc nào cũng thành đạo đức, mẫu mực; đến những vui buồn của Bác từ mấy mươi năm nay, mà họ muốn san sẻ suốt đời. Năm lần, cùng với đồng chí Lê Duẩn những tiếng sấm "Xin thề" lại vang lên, vọng lại, như vừa muốn bay thật xa, rất xa, vào miền Nam, qua tận nước Mỹ, vừa như muốn trở về với mỗi tấm lòng trên miền Bắc... Năm lần những tiếng sấm "Xin thề" như dồn sức cho nhau, kết lại thành một khối ý chí, một lòng quyết tâm sắt đá, thề *quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước; thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, đoàn kết nhất trí trong Đảng... trong phe xã hội chủ nghĩa; học tập đạo đức tác phong của Người...*

Đến lúc này thì cả mười vạn con người đều như nín thở để lắng nghe những lời di chúc của Người. Nhưng sự lặng im đó không kéo dài được quá một phút. Chỉ nghe Bác dự định *"đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam, Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta..."* thì nhiều tiếng khóc vụt bật lên, nhưng liền đó lại ghìm lại được. Mọi người lại ứa nước mắt khi nghe Bác nói đến đoạn *"sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin;"*... Cho đến khi giọng đồng chí Lê Duẩn rung lên và nghẹn ngào: *"Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân..."*, rồi tiếp liền đó: *"Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình*

thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng" thì không còn ai có thể nén được nữa. Tất cả mọi người đều nức lên, nước mắt giàn giụa.

Nhạc vĩnh biệt bắt đầu... Từng phát đại bác nổ rền đưa tiễn.

Từ nay vắng Bác thật rồi!

Lần này Bác đi xa, khác với ba lần Bác đã đi xa!... Nhưng cũng như bao lần, Bác ơi, Bác vẫn ở bên cạnh chúng con: trong quả tim và khối óc của chúng con, mãi mãi...

Một âm thanh rất lạ, bỗng nổi lên, to dần. Rồi liền đó như những ngọn sóng trào, những tiếng khóc của các cháu thiếu nhi cùng oà lên một lúc: "Bác ơi! Bác ơi!".

Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu, từ trên lễ đài vội vàng xuống với các cháu, ôm lấy đầu các cháu, khuyên dỗ...

Các đoàn đại biểu trên lễ đài đều lặng im xúc động.

Bây giờ thì cả cái biên mười vạn người cũng đều đang lau nước mắt.

Bác ơi! Xin Bác đừng lo! Cho chúng con được khóc Bác và sau đó chúng con sẽ trở về, người nào ở vị trí này, với tinh thần xung trận và quyết đánh thắng kẻ thù! Chúng con cũng đã từng được thấy Bác lấy khăn ra lau nước mắt khi nhắc đến miền Nam. Những giọt nước mắt ấy chỉ làm kẻ thù khiếp sợ.

Phát đại bác thứ hai mươi một vừa dứt thì tiếng đoàn phản lực bỗng vút qua, nghiêng cánh chào vĩnh biệt Người Cha suốt đời quên mình lo cho dân cho nước, lo cho tất cả mọi người lương thiện trên trái đất này. Các anh nào đang bay trên kia nhỉ? Dưới này tất cả chúng tôi ai cũng tin rằng, các anh cũng đang vừa nắm chặt cần lái, vừa khóc như chúng tôi... Cảm ơn các anh đã chọn một hướng bay tuyệt đẹp: Phương Nam!

9-9-1969

CÙNG NHÂN DÂN ĐI BÊN BẮC SÁNG NAY

NGUYỄN MINH CHÂU

Bác Hồ kính yêu của chúng ta mất rồi!

Cái tin hay tiếng đau thương bao trùm lên đất nước và sông núi ta! Cái điều mà tất cả chúng ta không ai nghĩ đến! Cái vết thương giữa trái tim từng người hôm nay!

Cái tin đau cắt lòng đó, tôi đã nghĩ tới như một thứ linh cảm đau buồn khi tôi lần theo bước chân một đại đội pháo anh hùng mà tôi vừa mới đến sống với họ, chúng tôi vừa nhận được lệnh triệu tập về tiểu đoàn gấp. Tôi cùng những người pháo thủ bước lặng lẽ về tiểu đoàn với một tấm lòng nặng trĩu.

Cả tiểu đoàn, những người lính pháo kỳ cựu đã từng trải qua hàng trăm trận đánh thắng giặc Mỹ, tất cả mọi người, giữa hôm đó đã ngất lặng đi khi nghe đồng chí chính trị viên nghẹn ngào thốt lên: "Các đồng chí, Bác Hồ của chúng ta mất rồi!".

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ những ngôi sao trên triền đồi của miền Tây Nam khu Bốn ấy, những ngôi sao sáng rực và buồn bã như những cặp mắt tinh tường viên nước mắt của các chiến sĩ. Những người chiến sĩ trinh sát đứng im lặng bên máy thám không, những người pháo thủ đứng im lặng quanh pháo. Giờ kiểm tra buổi sáng, các chiến sĩ vẫn thao tác hết sức khẩn trương và thành thạo, nhưng quanh vành mắt từng người có những giọt nước mắt đang cố kìm lại, từng người đang cắn chặt hàm răng. Trận địa im lặng như sắp đến giờ chiến đấu. Mọi người đang cố kìm tiếng nức. Từ đồng chí chiến sĩ mới bổ sung đến người chính



Hồ Chủ tịch thăm triển lãm tranh của miền Nam gửi ra
tại CLB Thống Nhất (1968) - Ảnh: TTXVN

trị viên tiểu đoàn, tất cả mọi người chúng tôi đứng trên trận địa này đều chỉ muốn bật lên một tiếng kêu thật lớn: Bác ơi!

*

* *

Bác ơi! Chỉ cách đây chừng nửa tháng, cháu đến với những người đánh cá ở phía ngoài động cát dưới biển, cháu còn nói với họ rằng Bác khoẻ, rất khoẻ và hồng hào. Còn gì sung sướng hơn khi những người ở cách xa Hà Nội được nghe kể chuyện Bác và nghe nói Bác khoẻ và hồng hào!

Sáng hôm nay cháu đem về đây tấm lòng tôn kính và thương nhớ Bác của những đồng chí bộ đội đang cầm chặt súng ngoài trận địa, của những người dân đánh cá, của người làm ra hạt muối trên vùng tuyến lửa cũ, của những đồng chí công nhân kéo phà, của các cháu thiếu nhi và các cụ già biển cả đang sụt sùi khóc Bác trong các khoang thuyền.

Sáng hôm nay, sau chuyến đi công tác, cháu vội vã trở về đứng bên Bác giữa quảng trường Ba Đình rộng bát ngát. Cháu đến đây từ đêm và đứng đây mà chờ cho nắng hừng lên. Vẫn là cái ánh nắng quen thuộc đầu tháng chín của mùa thu nước ta vàng như mật ngọt chiếu sáng dần trên nền vôi của lễ đài Ba Đình. Mùa này nắng đẹp, đêm, trời cũng đẹp, lá cờ đỏ của ta càng long lẫy. Dịp này, bộ đội và nhân dân ở xa thường chờ nghe tiếng nói ấm áp của Bác phát ra những lời dạy bảo cho cả nước, từ trên lễ đài này. Cũng vào mùa này, Bác đi chia kẹo cho các cháu nhi đồng.

Sáng hôm nay, sau ngày lễ tang Bác, từng đoàn người giữa cuộc đời tấp nập, xe đạp có, ô tô có, đi bộ có, mọi người đi làm việc như thường lệ, nhưng tất cả mọi người khi qua đây đều dừng lại mấy phút để được ngắm Bác, ngắm chòm râu và đôi mắt Bác vẫn cười, để ngắm hai gốc cây tùng xanh ròn mới trồng dưới chân Bác, người ta qua đây để còn ngắm cái ánh nắng vàng như vàng thép lên cuộc đời! Bác mất rồi mà cháu thấy đôi mắt Bác vẫn đầm thắm và vẫn vui, đôi mắt già lấp

lánh dưới nắng sớm; và vầng trán Bác vẫn mênh mông, dường như Bác vẫn còn đang tiếp tục suy nghĩ, đang tính toán những công việc lớn lao của đất nước và thế giới này, cũng như những công việc bình thường dưới từng mái nhà, trong từng chiến hào của chúng cháu. Sáng hôm nay, đứng bên Bác giữa Ba Đình cháu nhớ như in từng lời trong di chúc của Bác in trong một số báo Đảng mà cháu mới được đọc dưới ánh sáng ngọn đèn dầu lắc lư trong toa xe hoả chạy từ miền Trung ra đêm qua. Trong cái đoạn nói về cái chết của mình, Bác vẫn nói với lời lẽ đầy lạc quan, đề sau cùng, cuối lời di chúc, Bác gửi muôn vàn lời thân yêu tới Nhân dân ở lại.

Nhân dân đọc những lời đó, có ai cầm được nước mắt!

Nhân dân đang ở lại đây, đang đeo băng tang trên ngực, đang đoàn kết thành một khối, đang cầm súng và cầm búa, cầm cày, đang làm theo những điều Bác dặn dò là quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Những ngày này, Nhân dân đang hướng về Ba Đình để tưởng nhớ hình dáng Bác hơn hai mươi năm về trước. Cũng vào một cái năm nước sông Hồng dâng to mấp mé ngoài mặt đê và giặc xâm lăng ngấp ngó ngoài cửa ngõ nước nhà, ngày năm đó chòm râu và mái tóc Bác vẫn còn xanh nguyên, ngày năm đó Bác mới từ chiến khu về đứng giữa Ba Đình này để hỏi vọng xuống: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?".

Từ bấy đến nay, gần một phần tư thế kỷ, Bác cùng Nhân dân là một, Nhân dân với lưỡi cày lưỡi búa và khẩu súng Bác trao tay, đã làm nên khuôn mặt của mình. Nhân dân có bàn tay Bác dẫn dắt qua vô vàn gian khổ và hiểm trở, có tấm lòng Bác đùm bọc mỗi khi ấm lạnh. Từ bấy đến nay, Bác như một người thợ nề kiên nhẫn, đem muôn triệu viên gạch gắn lại thành một sức mạnh vô địch: đó là sức mạnh đoàn kết của Nhân dân Việt Nam ta.

*

* *

Những buổi sáng nay, ta soi mình trong giọt nước mắt, ta thấy cuộc đời Bác và tấm lòng Bác, ta thấy cả cuộc đời ta và tấm lòng ta.

Không cần phải có những người thợ chuyên môn dựng tượng để dựng tượng Bác, bởi vì mỗi người chúng ta là một người thợ rồi. Mỗi người Việt Nam chúng ta là một bức chân dung của Bác chưa hoàn chỉnh và đang cố gắng tu sửa để hoàn chỉnh. Vì thế, chẳng bao giờ Bác xa cuộc đời này, Nhân dân này. Bác không vĩnh biệt chúng ta. Bác đang hoà vào trong mỗi người Việt Nam chúng ta. Trong những ngày này, mỗi người chúng ta khi nghĩ đến Bác đã chẳng thấy lòng mình trong sáng và cao cả thêm, cánh tay và đôi chân cứng cáp thêm đó sao?

Bác sống thanh bạch cả một đời, nhưng cái gia tài Bác để lại cho chúng ta thật là vô giá: đó là khuôn mẫu mực thước nhất của một người cộng sản Việt Nam ngày nay và mai sau.

Bác mãi mãi là người thợ chuốt ngọc, là người nhóm lửa và giữ lửa, là thợ rèn kiếm và đóng thuyền vượt biển, là người cày vỡ đất và gieo hạt cho mùa sau.

12-9-1969

MỘT GIAI THOẠI QUÝ

VŨ NGỌC PHAN

Trong cuộc đời văn học của Hằng Phương, giai thoại quý nhất là việc Hằng Phương có bài thơ dâng tặng Bác cam và được Bác đáp lại một bài lục bát: *“Cảm ơn người tặng cam”*.

Năm 1970, Hằng Phương đã ghi đoạn mua cam ở Thanh Hoá và đem cam lên Bắc Bộ phủ; còn về ngày lên chúc Tết Bác, cô vẫn chưa ghi lại.

Tiếp theo những trang ghi chép của Hằng Phương, tôi xin thuật lại những điều cô đã kể tở mỷ cho tôi nghe về ngày cô được gặp Bác lần đầu.

*

* *

Từ đầu năm 1945, muốn cho gia đình đỡ thiếu thốn, Hằng Phương mua văn phòng phẩm ở Hà Nội đem vào bán ở Thanh Hoá, nhờ có những chuyến xe buýt của người quen chạy đường này.

Hằng Phương có ghi những dòng sau đây trong những tập bản thảo cô để lại:

Hôm đó là ngày mùng một Tết dương lịch năm 1946. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập mới được hơn bốn tháng. Tôi ngồi ở chợ Thanh Hoá đợi một người bạn mua vài thứ, rồi cũng về Hà Nội. Tôi đi Thanh Hoá chuyến này bằng ô-tô hàng, vì xe lửa không chạy được^(*).

(*) Do máy bay Mỹ ném bom xuống Đông Dương, nhiều đường giao thông bị cắt đứt, vì quân Nhật đang chiếm đóng Đông Dương lúc bấy giờ (1939 - 1945).

Những bức tường lớn quanh chợ đều kẻ khẩu hiệu chữ to đập vào mắt tôi: Hồ Chí Minh muôn năm! Làm cho tôi rất cảm động, nhớ đến một việc xảy ra trước đó vài ngày. Tình hình Thủ đô ta lúc bấy giờ thật hỗn độn. Chính quyền cách mạng còn trứng nước, bọn phản động dựa vào quân đội nước ngoài để quấy rối. Hôm đó, tôi đang đi ở phố Hàng Thiếc thì gặp một bọn chừng hơn mười đứa vừa đi vừa hô khẩu hiệu: “Đòi cơm áo cho dân”. Bầy người lộn xộn và hung hăng ấy đi đến giữa phố thì một em trai, chừng mười hai tuổi, chạy ra đứng giữa đường, giang tay chắn ngang và hô lớn: “Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!”.

Lũ phản động túm lấy em, định hành hung, thì đồng bào đi đường và ở các nhà đổ ra ôm lấy chú bé gạt chúng ra:

- Các người yêu cầu tự do, các người muốn nói gì cũng không ai cấm. Thằng em nó nói lên lòng kính yêu Cụ Hồ của nó, các người cấm sao được!

Bọn kia đuối lý, đành bỏ đi. Bà con nói với nhau:

- Nghe đâu bọn này được thuê, mỗi đứa ba đồng đấy.

Nhớ lại hình ảnh dũng cảm của em bé mà tôi mến phục. Tôi nhớ đến những mẩu chuyện về Cụ Hồ mà tôi được biết qua anh Hoàng Hữu Nam, anh em cô cậu với tôi. Anh hàng ngày được làm việc với Bác ở Bắc Bộ phủ. Lúc đó đề phòng địch đánh úp Hà Nội, cán bộ ta cứ tối đến là đem tài liệu ra ngủ ở nhà quen, xa trung tâm thành phố. Các anh gọi là “ngủ du kích”. Anh Nam thường đến ngủ nhờ gia đình chúng tôi ở Thái Hà. Anh kể cho chúng tôi nghe: Bác làm việc rất khuya. Trời rét căm căm, nghe tiếng một em bé rao bánh mỳ vào nửa đêm, Bác mở cửa nhìn theo, ứa nước mắt. Bác thường ăn cơm cùng anh em làm việc ở Bắc Bộ phủ, Bác ước mong sau này, nhân dân ta, mỗi gia đình hàng tuần cho vào nồi được một con gà...

Những mẩu chuyện ấy cứ trở lại trong đầu tôi khi ngồi ở chợ tỉnh Thanh. Tôi đã được biết Hồ Chủ tịch là Cụ Nguyễn Ái Quốc, nhà cách mạng vĩ đại đã từng bôn ba nhiều nước, đã từng

chịu đựng gian lao để tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đối với Cụ Hồ, đồng bào vô cùng kính mến và tin tưởng. Cụ là người cầm đầu cuộc cách mạng, đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho Tổ quốc.

Tôi nhớ hình ảnh Hồ Chủ tịch khi Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình và khi Người đến khai mạc triển lãm văn hoá ở trụ sở Hội Văn hoá cứu quốc. Người làm việc nhiều, lo nghĩ nhiều lại mới ở chiến khu về, nên vóc gầy và xanh xao. Tôi nghĩ thế và nhìn thấy những thúng cam vàng tươi đầy chợ. Có thứ cam làng Giàng, quả nhỏ bằng miệng chén trà, vỏ mỏng, ngọt lịm. Tôi thường nghe nói bà con nông dân có củ khoai tẻ, quả bí lớn, cũng đem biếu Hồ Chủ tịch. Tôi nảy ra ý định là mua thứ cam quý hiếm này đem về biếu Người. Giống cam Giàng cũng hiếm, tôi chọn mua được mười quả đẹp nhất, cành lá xanh tươi. Một chục quả cam có lẽ ít quá, tôi nghĩ như vậy, nhưng rồi tôi lại tự nhủ: ít mới quý, Hồ Chủ tịch có cần bao nhiêu đâu. Trên xe ô tô về Hà Nội, tôi nâng niu gói cam trên tay, sợ xe xóc, cam bị giập vỡ.

Xe chạy qua Đồng Giao, hai bên đường lau sậy cao vút. Lúc này bọn cướp có súng, thường ngóng ra chặn đường cướp của, đôi khi giết người. Lần trước đi qua, thoáng thấy bóng người trong đám lau sậy, tôi đã giật mình. Nhưng chuyến đi này, gói cam đã thu hút mọi cảm nghĩ của tôi. Một chục quả cam nhỏ mọn này làm sao nói lên được tấm lòng nhân dân quý mến Người? Tôi chợt nhớ Hồ Chủ tịch hay làm thơ, chắc Người cũng thích thơ ca. Hay ta làm mấy câu thơ kèm theo gói cam kính dâng Người? Ý nghĩ ấy làm cho tôi sung sướng quá, muốn reo lên, xe chạy qua Đồng Giao lúc nào tôi không biết...

Thế là từ đó cho tới khi về đến nhà, tôi nghĩ mãi miết về mấy câu thơ. Đến trưa hôm sau tôi mới làm xong. Khoảng ba giờ chiều hôm ấy (2-1-1946) tôi lên Bắc Bộ phủ.

Vào những ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng tiếp gặp nhân dân, nếu ai muốn yết kiến lãnh

tự của mình. Ở cổng vào Bắc Bộ phủ, có anh Vệ quốc trẻ đứng gác. Tôi xin phép vào, anh hiền lành gật đầu, không đòi hỏi giấy tờ gì cả. Vào đến phòng khách, tôi đưa gói cam nhỏ và chiếc phong bì trong đó có bài thơ, và nói với đồng chí tiếp khách:

- Thưa ông, tôi đi xa về, có gói cam kính biếu Hồ Chủ tịch cùng với bài thơ. Chiều nay sau bữa cơm, nhờ ông đưa giúp lên để Cụ^(*) tráng miệng.

Đồng chí tiếp khách liền nói:

- Ấy, Cụ đang ở phòng bên. Cụ sắp sang đây bây giờ. Bà chờ một tý.

Được gặp Hồ Chủ tịch là một điều tôi vô cùng mong ước, nhưng lúc bấy giờ không hiểu sao tôi lại sợ, nếu gặp Người thì biết nói năng ra sao, vì đã có bài thơ thay lời rồi. Tôi lúng túng vội trả lời:

- Thưa ông, thì giờ quý báu của Cụ còn để lo việc nước, tôi đâu dám làm mất thì giờ của Cụ.

Nói xong tôi chào đồng chí đó, rồi tất tả bước xuống thêm ra thẳng cổng, chào anh Vệ quốc, rồi đi mau ra đường. Hết hồi hộp, trên đường về nhà, tôi lại lo, mình làm như thế có điều gì bất kính đối với Hồ Chủ tịch không? Hay những chuyện nhỏ mọn ấy lại làm mất thì giờ của Người? Tôi lo lắng, không yên tâm, nhưng không dám thổ lộ với ai.

Đến tối ngày 8-1-1946 như thường lệ, anh Hoàng Hữu Nam lại về nhà tôi, vừa thấy tôi, anh nói ngay:

- Tôi thấy Cụ có bài thơ "*Cảm ơn người tặng cam*" ở báo đấy.

Tôi mừng quá, hỏi anh có đem tờ báo về không? Anh nói anh bận quá, nên đã quên, không đem tờ báo về.

Sáng hôm sau, tôi lên Hà Nội đến phố Hàng Bò và mua được tờ *Tiếng gọi phụ nữ*^(**) cơ quan tuyên truyền của Phụ nữ cứu quốc, số 11 ra ngày 8-1-1946, thấy một mục có những dòng thơ sau:

(*) Nhân dân lúc đó gọi Bác Hồ là Cụ Hồ.

(**) Chủ nhiệm báo *Tiếng gọi phụ nữ* lúc bấy giờ là chị Nguyễn Dương Thanh. Sau đó, báo *Dân chủ*, cơ quan Việt Minh miền biển đăng lại bài thơ trên (số báo 1856 ngày 13-1-1946) ở Hải Phòng.

Thơ của Hồ Chủ tịch trả lời bà Hằng Phương:

Bà Hằng Phương gửi biểu tôi một gói cam, kèm theo một bài thơ. Vì bà không viết chỗ ở, tôi không biết gửi thơ cảm ơn đến đâu. Nên tôi nhờ báo *Tiếng gọi phụ nữ* đăng mấy lời cảm tạ của tôi như sau:

Thơ bà Hằng Phương kính gửi Hồ Chủ tịch:

*Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu.
Đắng cay Cù nếm đã nhiều
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây.
Cùng quốc dân hưởng những ngày
Tự do, hạnh phúc tràn đầy trời Nam.
Anh hùng mở mặt giang san
Lưu danh thiên cổ, vẻ vang giống nòi.*

Tháng Giêng Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
Năm thứ hai (2-1-1946)
Hằng Phương kính bút

Trả lời:

*Cảm ơn bà biểu gói cam
Nhận thì không đáng^(*) từ làm sao đây!*

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận, đến ngày cam lai^(**)*

Hồ Chí Minh

Tôi cầm tờ báo, xúc động nước mắt trào ra... Cách sau đó vài hôm anh Hoàng Hữu Nam bảo tôi: “Cụ Hồ có hỏi tôi về người biểu cam. Tôi nói nó là em cháu. Như vậy, cô nên lên gặp Cụ”.

Tôi định đến Tết ta thì lên Bắc Bộ phủ chúc Tết Người.

Tháng 3-1970
Hằng Phương

(*) Trong tập *Thơ Hồ Chủ tịch*, Bác sửa là “không đúng”.

(**) Tập thơ của Người, do Nhà xuất bản Văn học in năm 1967.

*

* *

Ngày Tết theo tục cổ truyền của dân tộc ta, ai có áo đẹp nhất, mới nhất, đều đem ra mặc.

Cũng như mọi người, mong một Tết Bính Tuất Hằng Phương vẫn tóc trần như mọi ngày, mặc áo lụa tím dài thêu kim tuyến, quần xa tanh trắng, đi giày nhung đỏ do cô thêu lấy trên mũi giày con phượng bằng kim tuyến, khoác áo măng tô đen, cổ áo bằng lông thú, như tấm ảnh của cô trong *Thi nhân Việt Nam*. Cô cầm một bông cúc trắng to và một cành tùng, mua từ hôm trước, và lên Bắc Bộ phủ. Dem tùng cúc lên chúc Tết Cụ Hồ, Hằng Phương có ý dựa vào điều: “Cúc tùng vẫn tiết”, ví người anh hùng có khí tiết, chịu đựng gió sương mà vẫn cứng cáp xanh tươi như cây tùng cây cúc.

Trở về nhà, Hằng Phương kể cho tôi nghe như sau:

Đến cửa phòng khách (ở Bắc Bộ phủ) thì Hồ Chủ tịch đang ở phòng bên đi ra. Đồng chí tiếp khách nói với Người: “Người biểu cam...”. Đồng chí ấy nói nhỏ, nhưng ở nơi yên tĩnh, tôi cũng nghe thấy.

Người đi vào phòng khách, giơ tay ra hiệu cho tôi vào. Người đi trước, tôi và đồng chí tiếp khách theo sau.

Thấy tôi đứng, Chủ tịch giơ hai tay vẫy bảo tôi ngồi xuống ghế. Tôi bỏ cái ví xuống ghế, hai tay cầm bông cúc và cành tùng tiến đến dâng Người và nói:

- Cháu là Hằng Phương, năm mới cháu lên chúc Cụ mạnh khỏe sống lâu với non sông đất nước, lãnh đạo cách mạng thắng lợi.

Cụ vui vẻ cầm bông cúc và cành tùng cắm vào cái bình ở bàn, và lại giơ tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống ghế. Nghe tôi nói giọng miền Nam, Cụ hỏi - tiếng sang sảng như tiếng chuông:

- Chị ở miền Nam mới ra à?

- Thưa Cụ, quê cháu ở Quảng Nam, chồng cháu là người ngoài này.

Cụ nói:

- Đạo trước, chị gửi cho tôi bài thơ và gói cam, nhưng chị không vào gặp, lại không ghi địa chỉ, nên tôi mới phải đăng báo.

Tôi thưa:

- Cháu đã được đọc bài thơ Cụ trả lời. Thật vinh dự cho cháu vô cùng, một vinh dự lớn nhất đời cháu.

Cụ “hừ” một tiếng, như ông bác đối với cháu, và nói:

- Phong kiến thế! Đưa thơ thì phải vào gặp.

Tôi thưa:

- Cháu sợ mất thì giờ của Cụ.

Cụ gọi lấy nước uống. Đồng chí tiếp khách rót nước đã nguội, Cụ liền bảo:

- Lấy nước khác! Lấy nước khác!

Tôi vội cầm chén nước uống hết và nói:

- Thưa Cụ cháu đã uống rồi!

Ý nghĩ của tôi là được uống nước của Hồ Chủ tịch ban cho, dù nước nguội cũng quý. Tôi đứng dậy nói:

- Hôm nay cháu lên chúc Tết Cụ, được thấy cụ hồng hào hơn ngày Cụ đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở quảng trường Ba Đình và ngày Cụ đến khai mạc Triển lãm văn hoá, cháu rất lấy làm mừng.

Người nói một cách bình dị:

- Ấy vì tôi ở miền rừng núi lâu ngày, nên bị ngã nước.

Thấy tôi đứng dậy. Cụ giơ tay ra hiệu bảo tôi ngồi xuống. Tôi phải vâng lời Người. Người hỏi:

- Thế hôm nay lên chúc Tết tôi, chị có thơ không?

Tôi thưa:

- Cháu chưa nghĩ được câu nào.

Người bảo:

- Từ rày, hễ có thơ thì phải gửi tôi xem.

Tôi kính đáp:

- Cháu xin vâng lời Cụ dặn.

Người lại hỏi:

- Thế chị làm gì mà có cam Thanh cho tôi?

Tôi thưa:

- Cháu vào bán hàng ở Thanh Hoá.

Cụ nhìn xuống đôi giày ở chân tôi và hỏi:

- Đi buôn à?

Tôi thưa:

- Cháu đem ít văn phòng phẩm vào bán, để giúp thêm cho gia đình.

Cụ lại hỏi:

- Thế anh ấy làm gì?

Tôi nói:

- Thưa Cụ, chồng cháu viết văn. Đạo này, đường sá khó đi, sách bán không chạy, nên nhà xuất bản không lấy sách nữa. Ngay những khi họ lấy sách, người viết cũng chẳng được là bao. Rồi sách mình bày đẹp đẽ trong cửa hàng của họ, người viết sách qua đường, nhìn tác phẩm của mình, cũng hững hờ chàng Tiêu vậy.

Nghe tôi nói thế, Người cười và bảo:

- Chị về nói cho anh chị em nhà văn biết: từ rày có cách mạng người viết văn sẽ không bị bóc lột nữa. Rồi sẽ có chế độ nhuận bút giải quyết thích đáng cho quyền lợi của văn nghệ sĩ.

Tôi thâm nghĩ ngày Tết, chắc còn nhiều khách muốn vào yết kiến Người, nên tôi nhấp nhâm, định đứng dậy. Người biết ý, vẫy tay bảo hãy ngồi xuống và Người hỏi tôi:

- Thế chị có mấy cháu?

- Thưa Cụ, cháu đã có sáu cháu, chúng còn nhỏ cả.

Người cười và bảo:

- Rồi chị sẽ có một chục.

Người gọi lấy kẹo. Người tiếp khách đem ra một hộp kẹo rất đẹp đặt trên bàn. Người cầm hộp kẹo đưa tôi và dặn.

- Chị đem về chia cho các cháu, nói là quà Tết của Cụ Hồ.

Tôi đứng dậy, hai tay đón lấy hộp kẹo Người cho, cảm tạ Người và cúi chào, xin phép Người ra về.

Người giơ tay bắt tay và dặn lại:

- Từ rày có thơ thì gửi cho tôi xem.

Tôi kính đáp:

- Cháu xin nhớ lời Cụ.

*

* *

Mấy tháng sau, Hằng Phương có đan bốn chiếc áo sợi cộc tay. Ở cổ mỗi chiếc áo, phía trong, Hằng Phương có đính bốn câu thơ ngũ ngôn và gửi áo đến Bộ Quốc phòng, yêu cầu gửi cho chiến sĩ ngoài mặt trận. Hằng Phương có chép bốn bài thơ gửi lên Hồ Chủ tịch để Người xem, như lời Người dặn. Người đã bảo đưa bốn bài thơ báo đăng. Tôi không nhớ thơ và cũng không nhớ báo nào. Tất cả bản thảo và sổ tay của chúng tôi đều bỏ lại nhà, khoá trái cửa lại và ra đi kháng chiến (19-12-1946). Nhà của chúng tôi đã bị giặc Pháp đốt phá trong thời Hà Nội bị tạm chiếm.

Bao nhiêu sách của chúng tôi - tất cả 2000 cuốn không kể các tài liệu viết tay - các cổ đạo Dòng chúa cứu thế ở Nam Đồng lấy đi mất cả. Năm 1955, tôi có nhờ ông Ngô Từ Hạ giới thiệu tôi gặp ông cố Đại phụ trách tu viện. Tìm khắp các phòng còn được 13 quyển (trong này có 3 quyển *Kinh dịch* do anh Ngô Tất Tố tặng tôi, sách của tôi đều có đóng dấu và chữ ký). Họ nói các trường đạo đã đưa sách vào Nam mất.

Hằng Phương đã có mấy câu thơ về nơi chúng tôi ở cũ khi chúng tôi mới ở Việt Bắc về:

*Từ núi rừng chiến thắng
Về thăm lại vườn xưa
Giặc đốt nhà cháy trụi
Trơ nền cũ nắng mưa^(*)...*

Sau khi gửi bốn chiếc áo sọt đến Bộ Quốc phòng đề nhờ Bộ chuyển cho chiến sĩ, Hằng Phương đã nhận được thư sáu đây của Bộ:

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 1946
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Kính gửi: Bà Hằng Phương - Thái Hà áp

Thưa bà.

Ủy ban vận động mùa đông giúp binh sĩ đã nhận được bốn chiếc áo len^(**) khâu bốn bài thơ của bà gửi tặng các chiến sĩ ngoài mặt trận.

Thay mặt các anh em binh sĩ, bộ đội và dân quân, chúng tôi đã cho gửi bốn chiếc áo quý ấy ra cho anh em chiến sĩ ở mặt trận Nam và Bắc. Vậy xin báo cho bà rõ.

Kính thư
Thứ trưởng
Tạ Quang Bửu

Trong suốt đời làm thơ của mình, có bài thơ nào Hằng Phương cho là được, cô đều chép gửi lên Hồ Chủ tịch xem. Những ngày Người đã yếu, Người còn chú ý đến bài bút ký: “Trong cao trào ba đảm đang - Hướng ra tiền tuyến” của Hằng Phương đăng trên báo *Nhân dân* (số 5383 ra ngày 8-1-1969) viết về Đại đội Thanh niên xung phong 333 ở cầu Cẩm (Thư Bác Hồ gửi thanh niên xung phong số 333 - Báo *Nhân dân*, số Chủ nhật 9-2-1969).

^(*) *Hương đất nước* - Tập thơ của Hằng Phương, bài “Vui ngày kỷ niệm” (trang 66), Nxb. Văn học, 1976.

^(**) Thực ra là áo sọt.

Bốn bức tứ bình gồm 12 bức hoạ về anh hùng lao động Nguyễn Thị Song, do con gái chúng tôi là Vũ Giáng Hương vẽ và có mười hai bài thơ minh hoạ của Hằng Phương, hai mẹ con cũng được vinh dự gửi lên Bác xem. Sự chú ý của người đến công việc sáng tác của anh chị em văn nghệ đã làm cho giới văn nghệ phấn khởi vô cùng.

Trong bài nhà văn Liên Xô Puph Bec-sat-xki phỏng vấn Người^(*), người hỏi nhà văn Liên Xô:

- Các bạn có gặp các nhà văn của chúng tôi không?
- Có ạ. Với Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, nữ thi sĩ Hằng Phương. Đáng tiếc là nhiều người khác lúc này không có mặt ở Hà Nội.

Đồng chí Hồ luôn luôn đưa tay ra hiệu ngắt lời người phiên dịch, ý nói, cứ vậy Người cũng hiểu cả rồi. Đây, Người cũng nhẹ nhàng ra hiệu cho người phiên dịch không phải dịch, quay sang nói với tôi bằng tiếng Nga:

- Sao lại đáng tiếc? Ngược lại, họ đi khắp đất nước là rất tốt. - Và đến đây hoá ra là Chủ tịch biết gần như tất cả mọi chi tiết công việc mỗi nhà văn đang làm - Như tôi biết - Người nói - chính Tô Hoài mà các bạn đã gặp, hằng năm đều đi đến các vùng dân tộc ít người ở miền núi, nơi anh ấy đã chiến đấu, cái đó cũng rất tốt! Hằng Phương mà các bạn cũng đã làm quen với nữ thi sĩ ấy, trong thời gian cải cách ruộng đất, đã về nông thôn và ở đó, cùng lao động với nông dân. Do đó, thơ của cô ta, như các bạn hiểu đây, chỉ hay hơn mà thôi. Và Nguyễn Đình Thi bao giờ cũng sát bên nhân dân. Cả nhà thơ xuất sắc Tố Hữu của chúng tôi cũng vậy. Và như vậy là đúng, phải như vậy, chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó, nhân dân cũng sẽ quên anh ta...

(*) Một lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (*Văn nghệ*, số 20, 17-5-1980). Trích ở cuốn *Cách đường xích đạo hai bước* do Thuý Toàn dịch.

HỒ CHỦ TỊCH NĂM NAY*

NGUYỄN HUY TƯỜNG

Một con đường sạch sẽ và dài dẫn tôi vào. Tôi có cảm tưởng đi giữa một công viên Hà Nội với rất nhiều péc-gô-la. Sự thực, hai bên tôi toàn là vườn rau dền, dền xanh, dền tía, dền đỏ; giàn toàn thị là giàn mướp, giàn bầu. Một vài giàn mướp đã trở hoa vàng bướm lượn tíu tí. Mây bay không làm vẩn trước sau dịp lễ chúc thọ. Chiều hôm nay bình tĩnh lắm. Sau một trận mưa, trời bắt đầu hừng nắng. Ánh hồng trên các thân cây.

Tôi lâng lâng vui, đồng thời cũng ngại ngại, cái ngại dĩ nhiên của một người sắp đến trước một vĩ nhân. Tôi đã được gặp Cụ ở Bắc Bộ phủ, ở các cuộc mít tinh, ở mấy cuộc hội nghị, những buổi dạ hội tại Nhà hát lớn Thủ đô. Nhưng từ ngày kháng chiến, tôi không được gặp Cụ và bị kích thích mạnh mỗi khi nghe các bạn kể lại những chuyện về Cụ: Cụ đánh vô lê, Cụ tặng gia, Cụ đi kinh lý mặt trận, Cụ đem cái vui và niềm tin đến cho bao nhiêu hội nghị. Cụ tiễn chân các cán bộ tới thăm Cụ, một buổi chiều lặn lội cây cối và mưa gió của chiến khu, v.v.. Cho nên lần này đi chúc thọ Cụ, tôi vẫn có cái náo nức của những buổi đầu tiên gặp Cụ.

*

* *

Tôi biết trước rằng Hồ Chủ tịch sẽ giản dị lắm. Đối với Cụ, cái ngày trọng đại này^(**) sẽ cũng giản dị như mọi ngày thường.

(*) Năm 1950.

(**) Ngày 19-5.

Ngay bây giờ, ta có thể hình dung được Hồ Chủ tịch trong ngày chiến thắng nay mai: nghĩa là giản dị vô cùng.

Tôi biết trước như vậy. Chẳng có gì đâu. Nhưng sao mà rất khác. Vườn dền dẫn đến một khu rất đông người, nhiều cây và nhiều khoảng nắng. Chỗ nào cũng có thiếu nhi. Chúng nhảy tung tăng. Chỉ nhìn theo chiều mắt lóng lánh của chúng cũng biết Cụ ở chỗ nào. Và tôi gặp Cụ. Một câu nói vui của Cụ. Một cái bắt tay. Chụp ảnh. Những nụ cười chung quanh. Tôi trở về với gia đình. Trán Cụ chiều nay không có nét răn, nước da hồng sáng. Bộ áo ka ki cũ và mềm, phơn phớt trắng hồng càng tôn nước da, và làm cho cử chỉ thoải mái, thanh niên. Có một cái gì quyến rũ trong đôi mắt thăm sâu, phản ánh những khóc cười của dân tộc. Cái ngại ngại trong tôi không còn nữa. Tôi nghe trong tôi những lời của Chủ tịch. Giữa Chủ tịch và tôi không có sự cách biệt nào.

Tiếng "chú" Cụ dùng để gọi mọi người, tiếng "Bác" mọi người dùng để gọi Cụ trao đi đổi lại, tự nhiên, tíu tít, sum vầy, trong phòng khách. Bao vây Hồ Chủ tịch đây là cả Việt Nam thu gọn do những đại biểu muôn vẻ muôn màu. Ông Hoàng Quốc Việt nhanh nhẹn và niềm nở. Cụ Phan Tấn Tuân râu tóc bạc phơ giữ vẻ cung kính của một nhà nho. Linh mục Phạm Bá Trục xuề xoà. Cụ Tôn Đức Thắng người công nhân lão đại. Ông Trường Chinh nhỏ nhắn nói chuyện vui vẻ cùng mọi người. Chị Hồ Thị Minh ở Hội nghị phụ nữ Bắc Kinh mới về, nói lên ở đây tiếng nói yêu thương của Nam Bộ. Ông Phan Anh thấp, vụng đang nghĩ một bài tập Kiều mừng Cụ. Phó Thủ tướng^(*) gân guốc như một bức tượng đồng. Đại biểu thanh, công, nông, phụ. Và lại thiếu nhi. Thiếu sinh quân, Thiếu nhi nghệ thuật, Thiếu nhi địa phương. Cháu nhìn Bác không chớp mắt. Cháu bên vai Bác nũng nịu. Cháu ngồi dưới chân Bác, nghênh cổ lại há mồm. Cháu biểu Bác một bài hát. Cháu dâng Bác một cây sáo mộc. Bác hỏi cháu cách thổi, và chiều cháu, thổi lên một tiếng dài hơi khiến các cháu nhảy nhót, vỗ tay thích chí. Anh hùng lao động, Anh hùng tăng gia ngồi bên những bộ trưởng và các tướng tá

(*) Phạm Văn Đồng, bây giờ là Phó Thủ tướng Chính phủ.

của quân đội nhân dân. Dân quân có rất nhiều đại biểu, tượng trưng cho sự trưởng thành mau chóng của địa phương quân. Những anh hùng của những vùng tạm bị giặc chiếm đang giằng co từng tấc đất, từng con người với giặc. Bình Trị Thiên, xã Phùng Thượng Sơn Tây, đường số 5, Hà Nội.. Lá cờ đỏ thêu chữ vàng: *Vạn thọ vô cương*, tặng phẩm của Hoa kiều mười tỉnh Việt Bắc, chói lọi gian phòng; đại biểu, ông Văn Trang, còn giữ nguyên phong thái của một sinh viên du học châu Âu. Tôi ngồi gần một chiến sĩ cụt tay trong Đại đoàn 308, đồng chí Lê Chi, da mặt sạm đen và nghe anh thủ thi:

- Tôi thật chỉ thích làm đội viên. Tôi đã đánh trận Á Lữ, Nghĩa, Lai Tê. Ở tổ giết mìn vui lắm. Tôi không ngờ lại gặp Bác. Chỉ tiếc rằng nhiều anh em không được may như tôi. Nhưng thôi, tôi gặp thì cũng như là các anh em gặp.

Chợt Đại tướng Võ Nguyên Giáp giới thiệu anh với Cụ: Một quân nhân gương mẫu và kỷ luật, mười một lần bị thương, bị cụt tay trong trận xung phong diệt đồn Yên Phụ. Một tiếng: Có! Rất gọn, anh bước ra, ngượng nghịu, tay áo phải lủng lảng, nét mặt võ vàng. Mọi người im, chăm chú nhìn anh. Cụ rẽ các cháu bước ra, bắt tay anh, kéo anh về ngồi bên cạnh. Tôi không nghe rõ câu chuyện giữa Cụ và người chiến sĩ, chỉ thấy sau lưng Cụ, cửa sổ tròn, để lọt một mảnh trời sao lấp lánh. Mãi đến khi ông Trần Văn Giàu đọc những điện văn của các chính phủ, đoàn thể các nước bạn chúc mừng ngày lục tuần đại khánh của Cụ, phòng họp mới trở lại cái tíu tít ban nãy. Những tên Sta-lin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh quỳ nhau trong một tinh thần quốc tế mà cảnh sum vầy ở góc trời này, hôm nay, càng làm bật rõ ý nghĩa thâm trọng. Sau những lời hô khẩu hiệu đáp lại tình hữu nghị, bài hát *Hồ Chí Minh muôn năm* cất lên vang lừng. Anh Lê Chi đứng bên Cụ hát, vụng về nhưng với tất cả cái say sưa của một người quyết tử.

Cụ bước lại bắt tay cha Trục và nói:

- Tôi bắt tay Quốc hội^(*), tức là bắt tay toàn dân, và xin cảm ơn Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể nhân dân đã tới đây chúc

(*) Linh mục Phạm Bá Trục là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội (khoá I).

thọ tôi. Cự rung tiếng: Nhờ Quốc hội và Chính phủ lãnh đạo, nhờ các đoàn thể và các báo chí động viên dân chúng nên cuộc kháng chiến mới đạt tới kết quả vẻ vang ngày nay. Hiện giờ lệnh tổng động viên đã được ban ra, mọi người lại càng phải cố gắng hơn nữa, chuẩn bị mau chóng đầy đủ để chuyển sang Tổng phản công.

Gò má Cự đỏ bóng trong cuộc xướng hoạ thơ.

Kết thúc cuộc xướng hoạ, cha Trục hát một đoạn thánh kinh mừng Cự:

O Remus

Pro Domino nostio Ho Chi Minh

Dominus conservet eum, et

Vivificet eum et Beatam

Facial eum in terra, et

Non tiadat eum in animam

Inimi corum ejus!

Hỡi các giáo hữu ta hãy nguyện chúc cho vị Chủ tịch quý mến của chúng ta, Hồ Chí Minh, xin Thiên Chúa hằng gìn giữ cho Người, xin Thiên Chúa hãy ban cho Người hưởng trường thọ và được hạnh phúc thật trên cõi đời. Xin Thiên Chúa hằng hộ vực và che chở Người cho khỏi mọi mưu chước của kẻ thù của Người (cũng là kẻ thù chung của nhân loại).,

Tiếng hát âm vang, trang nghiêm. Phòng thốt nhiên im lặng, phảng phất một cái gì cao rộng, bao trùm. Cự nắm tay cha Trục rất lâu.

Trong buổi dạ hội nhạc kịch do các Thiếu sinh quân và Thiếu nhi nghệ thuật trình bày, Bác lại ngồi giữa các cháu. Lúc buông màn, tôi nghe Bác nói với các huynh trưởng của hai đoàn: Đừng để cho các cháu nó đói. Phải lo cho các cháu nó được học, được tiến bộ. Tôi không rõ được Bác nói gì với các cháu, vì tôi đứng xa, và Bác nói sẽ, nhưng chợt thấy các em đồng thanh thưa: Có ạ, có ạ, âm hưởng trong hơn tiếng hát; những bàn tay nhỏ xiu vỗ chung quanh Bác, đẹp như những cánh hoa. Cả cái thế giới thiếu nhi ấy lại tranh nhau gần Bác, cầm tay Bác, vúi vai

Bác. Cô áo xộc xệch, một vai lún xuống. Bác trở về phòng, tường không gỡ khỏi những ngón tay và những tiếng giòn giã reo hò của các cháu.

Hôm sau, các đại biểu ra về. Chúng tôi còn ở lại. Sớm tinh sương, chúng tôi gặp Cụ đi nhanh trên một con đường nhỏ trong phủ, áo may ô nâu hở ngực, choàng ngoài chiếc áo ka ki mềm gió thổi phồng hai tà, vườn dền, giàn mướp, lá cây làm nổi bật nước da hồng và tóc bạc. Bác chia kẹo cho các cháu, trước khi đi họp Hội đồng Chính phủ. Bác đứng trên thềm vẫy tay tiễn các cháu và các đại biểu lên đường. Tịch mịch lại trở về đây. Giờ họp điểm. Cụ rảo bước chân kịp các bộ trưởng đi trước, hồ sơ cặp nách, một tay bá vai ông Nghiêm Xuân Yêm vừa đi vừa nói chuyện, trông xa như một cặp học sinh. Buổi chiều, tôi đang ăn cơm. Cụ đến sau lưng, đặt tay lên vai hỏi: Chú ăn được mấy bát. Chúng tôi hỏi lại Cụ, Cụ nói:

- Tôi ăn được hai bát.

Tôi se se trong lòng. Cụ cười và tiếp:

- Trước kia bằng tuổi các chú, tôi ăn được bốn năm bát, cái thứ bát mà ta gọi là bát ngô ấy.

Cơm nước xong, Cụ hò mọi người:

- Bây giờ nghe tin tức.

Đèn điện bật sáng. Các bộ trưởng, các nhân viên, các tiếp tế, chúng tôi ngồi chung quanh Cụ bên vườn, trên một miếng đất rộng. Cụ để một chân lên ghế, một chân buông thõng xuống, dẫm lên chiếc dép cao su trắng. Chị Hồ Thị Minh đọc bản tin tiếng Việt xong, ông Trần Công Tường đọc bản tin tiếng Pháp. Những con mồi cánh bay đến hàng trăm hàng nghìn, dưới bóng đèn, rơi lả tả trên tóc, trên vai, trên cổ người đọc. Ông vừa đọc vừa phúi. Mọi người cười. Cụ cũng cười, nhưng lặng lẽ đứng lên, rút chiếc khăn mùi soa trong túi ra, đến sau lưng ông, lấy tay gạt hết những con sa trên tóc, trên vai, trên cổ ông, sẽ đặt chiếc khăn lên trên đầu ông và từ từ trở về chỗ cũ giữa lúc đến cái tin

ngày lễ Quốc tế lao động, hình Hồ Chủ tịch được rước trong những cuộc mít tinh đồ sộ tại Thủ đô Mạc Tư Khoa bên những hình các lãnh tụ thế giới, chúng tôi vỗ tay sung sướng tự hào.

Bắt tay chúng tôi, ngày hôm sau khi chúng tôi trở về, Cụ nhắc lại bốn điểm thi đua giữa các báo: Đúng chính trị - Văn chương hoạt bát - Ít tếu - Hình thức giản đơn. Anh em đã đi được vài bước, Cụ còn nói với:

- Nhớ là 19-8 thì Tổng kết. Các chú cố gắng lên. Giải thưởng đã có rồi đấy.

Chúng tôi từ biệt Chủ tịch, chưa qua hết vườn dền, giàn mướp, lòng đã nao nao nhớ. Rừng đã điệp trùng. Tôi quay lại... Ở đây, chiến khu tịch mịch, rung động trái tim bao la tình yêu của Bác, sáng lên hy vọng của kháng chiến, tương lai của dân tộc.

TRONG NGÀY THỐNG NHẤT VIỆT MINH - LIÊN VIỆT

NGUYỄN HUY TƯỜNG

Ngày mồng ba tháng ba, trước Đại hội Việt Minh - Liên Việt thống nhất toàn quốc, Đảng Lao động Việt Nam ra mắt quốc dân^(*).

... Ông Trường Chinh thay mặt Đảng chào mừng Đại hội mặt trận, trình bày chính cương của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ: *Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*.

Quá khứ đấu tranh. Hiện tại kháng chiến. Tương lai xây dựng. Bước đường đi lên của dân tộc. Và dân tộc thừa nhận Đảng là đội quân tiên phong của mình. Mặt trận nhận thấy ở các lãnh tụ Lao động những người lính xung kích mà lời nói, việc làm đều thể hiện cái tinh thần phục vụ nhân dân, cái nhiệt tình cách mạng, cái ý chí quyết liệt đánh giặc dựng nước.

Trung, Nam, Bắc sum họp. Công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên sát cánh. Đại biểu miền núi. Những người hai ba chục năm bôn ba cách mạng, nay mới trở về, đại diện cho tất cả đồng

(*) Việt Minh: Gọi tắt của Việt Nam Độc lập Đồng minh hội, thành lập ngày 19-5-1941; Liên Việt: Gọi tắt của Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, thành lập ngày 29-5-1946. Tháng 11-1945, do yêu cầu của cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (thực chất là rút vào bí mật). Ngày 3-3-1951, khi Đảng trở lại hoạt động công khai thì hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt cũng hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt. Tại Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự và ông Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt.

bào hải ngoại, góp cái ý chí đoàn kết của những người xa Tổ quốc, luôn luôn hướng về Tổ quốc. Đại biểu miền hậu địch: chị phụ nữ ngoại thành Hà Nội, chị phụ nữ Mai Đà, một tay phục hồi cơ sở chiến đấu của huyện mình, xây dựng chiến khu du kích. Chiến sĩ Quân Tiên Phong. Chiến sĩ thi đua. Chiến sĩ nông nghiệp. Anh hùng lao động. Bên cạnh, mấy thương binh chiếc tay áo lòng thông. Các vị linh mục chậm rãi, hiền từ. Những thân sĩ đầu bạc râu trắng. Cụ Thi Sơn, Bí thư cũ của nhà anh hùng cứu quốc Đề Thám, trên diễn đàn, nói những lời răn rỏi:

- Chúng ta đã đoàn kết, chúng ta lại có Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo, thì không nói một Pháp, mà mười Pháp chúng ta cũng đập tan, không nói một can thiệp Mỹ, mà mười can thiệp Mỹ chúng ta cũng đánh chết...

Đại hội Việt Minh - Liên Việt thống nhất là nước Việt Nam thu hẹp lại. Đảng Lao động Việt Nam là lực lượng trụ cột của đấu tranh. Đại hội quây quần chung quanh lãnh tụ Hồ Chí Minh. Chủ tịch ôm trong lòng một em bé. Tất cả mọi người nói: Chúng ta chiến đấu cho tương lai em bé, cho tương lai dân tộc. Em bé ngày mai sung sướng hay khổ sở là do chúng ta. Nhưng nhất định là em bé sẽ được sung sướng.

Sau khi ban tổ chức giới thiệu thành phần đại biểu trong Đại hội, Hồ Chủ tịch giơ tay xin nói. Và Người đứng lên, tay ôm em bé, vừa cười vừa nói:

- Ban tổ chức giới thiệu sót thành phần thiếu nhi. Vậy tôi xin giới thiệu cho đủ.

Hội trường vỗ tay. Em bé cũng đập hai bàn tay nhỏ xíu vào nhau, và nhảy nhót trên vai Hồ Chủ tịch.

Những người tới đây để thảo luận những điều quan thiết đến vận mạng dân tộc, lại là những người có cái vui hồn nhiên, thẳng thắn. Những buổi ngoài hội trường, các đại biểu nắm tay nhau, mời nhau nhảy múa những điệu Trung Hoa, Tiệp, Hung, Phần Lan. Thanh niên chưa chắc đã hăng hái tham gia bằng các

thân sĩ, các bộ trưởng, các nhà sư, các giáo sĩ, các lãnh tụ chính đảng, các tân khách Miên, Lào. Những cụ già xuất thân Không giáo, mặc quốc phục, tay cầm gậy, thốt nhiên không còn cái vẻ cứng nhắc, nghiêm nghị của nhà nho. Các cụ hướng chòm râu bạc ra phía những người đứng chung quanh đang vỗ tay, nhún chân đánh nhịp theo điệu kèn. Hồ Chủ tịch khi đi đầu, khi lẫn trong đám rống rần kéo dài, ngoằn ngoèo uốn khúc, nhiều màu, nhiều lứa tuổi. Tiếng reo hò âm ỉ. Tất cả những ông già công kênh Hồ Chủ tịch lên vai. Theo sau là chị em phụ nữ, anh em thanh niên giơ tay nhưng vui quá quên cả vỗ tay.

Âm nhạc nghỉ. Đại biểu vào hội trường. Một lúc mới thấy Hồ Chủ tịch trở vào. Cụ ôm trong tay một chiếc áo dạ, sẽ đặt xuống bàn của hoàng thân Xu-pha-nu-vông. Đây là áo mà vị đại biểu nhân dân Lào đã cởi ra trong lúc tung bừng nhảy múa, và quên khuấy không đem vào. Sức mạnh của chúng ta không những ở ý chí chiến đấu quyết liệt. Sức mạnh của chúng ta còn nhiều ở tình yêu. Ông Trường Chinh, nghe xong lời phát biểu chân thành của ông Siêu Heng, đại biểu nước Miên tự do, chạy lên ôm lấy ông ở trước diễn đàn. Ông Hoàng Quốc Việt đứng sau bục chủ tịch đoàn, hồi lâu không nói được, sau khi ông Bồ Xuân Luật tuyên bố Cách mạng đồng minh hội, theo gương Việt Minh, tự nguyện hoà vào Liên Việt. Người lính thuỷ lão thành Tôn Đức Thắng mà đại hội suy tôn làm Chủ tịch Mặt trận dân tộc thống nhất, trao tặng phẩm cho những chiến sĩ có công trong mọi ngành hoạt động, hôn mọi người như cha con. Niềm vui và tình thương yêu đã làm cho Đại hội thành công trong cái ý chí đại đoàn kết, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình. Đại hội đã bé mạc với một hình ảnh tươi sáng. Hình ảnh chim bồ câu trắng bay trên thành bục chủ tịch đoàn. Khi anh hoạ sĩ vừa dán xong con chim cuối cùng lên vai bức chân dung Hồ Chủ tịch, cả hội trường đứng lên, mỗi người vẫy trong tay một con chim bồ câu. Ra khỏi hội trường, con chim bồ câu ấy vẫn bay mừng trên tay các đại biểu. Nó vui và nhẹ, và cũng nặng trĩu nghiêm trang. Các đại biểu ký vào bản nghị quyết hưởng ứng hiệu triệu của Hội đồng

bảo vệ hoà bình Bá Linh. Chúng ta thấy nặng thêm nhiệm vụ, lớn thêm chiến đấu, âm thêm trong tình nhân đạo bao trùm thế giới. Chúng ta biết chỉ có hoà bình mới đem lại cho chúng ta hoàn toàn tự do, hoàn toàn hạnh phúc. Chúng ta đánh giặc vì ý nghĩa ấy. Chúng ta căm thù giặc cũng vì ý nghĩa ấy.

Tin chiến thắng gửi về mừng Đại hội. Mỗi tin chiến thắng của ta là một tiếng nói của hoà bình. Thông cáo, công văn, tiếp báo là những cánh chim bồ câu bay về Đại hội, bay toả trong toàn cõi Việt Nam, bay truyền tới Liên Xô, gặp gỡ trong một cuộc bay tới tấp, tung bừng, những cánh chim bồ câu của thế giới từ tay thống chế Sta-lin bay đi khắp nơi, khắp cõi...



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các diễn viên Đoàn sân khấu - điện ảnh
(diễn viên Trà Giang đứng cạnh Bác) (28/9/1968)
Ảnh: Vũ Đình Hồng - BTHCM

NGƯỜI MÃI MÃI DẪN ĐƯỜNG CHO CHÚNG TA

HỮU MAI

Vào một mùa xuân cách đây hai mươi chín năm, bóng tối còn phủ dày trên khắp đất nước, con đường mòn nằm giữa những nương rẫy bỏ hoang trên một trái núi khuất nẻo ở miền biên giới phía Bắc đã được đón Người. Từ ngày Người ở Sài Gòn ra đi, đã ba mươi năm qua. Và Người đã trở về. Người hôn nắm đất đầu tiên của Tổ quốc. Nắm đất đó đã cùng Người đi vào lịch sử. Buổi chiều nào, bên dòng suối nhỏ ở chân núi Pác Bó, Người viết những câu thơ:

*Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

Cũng như tất cả những lời nói, những câu thơ giản dị của Người, có những điều mà mãi về sau chúng ta mới hiểu được thật sâu sắc. Mỗi lời Người nói ra đều mang một ý nghĩa vĩ đại, vì một lẽ giản dị: Người là một người con vĩ đại của dân tộc và của giai cấp.

Chính ở đây, bốn năm sau, Người đã nói lên những ý lớn về việc xây dựng những đội du kích bé nhỏ thành lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh sau này của nhân dân ta. Những đồng chí ở quanh Người khi đó kể lại: Đầu mùa đông năm 1941, Bác từ Liễu Châu trở về Pác Bó trong bộ quần áo màu chàm của đồng bào Nùng, người gầy và yếu. Gần hai năm qua, trong một chuyến ra ngoài, Bác đã bị bọn Quốc dân đảng Trung Hoa bắt giữ (mãi về sau chúng ta mới được biết nhiều

về những ngày Người bị giam cầm qua tập thơ *Nhật ký trong tù*). Một đêm giá lạnh, nằm gối đầu trên khúc gỗ cứng trong căn lán nhỏ nấu dưới lùm cây ở sườn núi, Bác đã nói về việc thành lập Đội Quân giải phóng Việt Nam. Bác đã vạch ra từ tổ chức, phương châm hành động đến miếng cơm, viên đạn cho đội quân cách mạng sắp ra đời.

Núi rừng Việt Bắc im ắng sau những ngày khởi nghĩa Bắc Sơn lại âm vang tiếng súng của các đội Giải phóng quân, Cứu quốc quân từ Cao - Bắc - Lạng đến Thái - Tuyên - Hà. Và từ đó đến nay, tiếng súng không bao giờ tắt. Vì theo lời của Người: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

Trên mỗi chặng đường ném mìn gai đầy chiến thắng và vinh quang của quân đội ta, đâu đâu cũng in hình bóng của Người.

Vào những ngày hôm trước của Cách mạng tháng Tám, vận mệnh của dân tộc đã có lúc bị đe dọa. Những trận sốt nguy hiểm ập đến với Người. Hễ tỉnh sốt, Người lại gọi các đồng chí ở chung quanh tới dặn dò. Người nói: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Giữa rừng xanh, thuốc men không có, Người chống trả với bệnh tật bằng nghị lực của mình. Cuối cùng bệnh tật phải lui. Đất nước cảm ơn Người. Lịch sử Việt Nam đã tránh được một tổn thất cực kỳ lớn lao.

Dưới bàn tay chèo lái của Người, Cách mạng tháng Tám đã thành công. Những đội quân giải phóng tiến về phía Nam. Đất nước bước vào một kỷ nguyên mới. Con thuyền quốc gia Việt Nam mới chỉ ở vào những ngày sóng gió đầu tiên.

Chỉ hơn một năm sau, một tối mùa đông, đèn điện ở Thủ đô Hà Nội phụt tắt. Lời kêu gọi cả nước kháng chiến của Người truyền đi. Không còn là "tiếng súng lẻ loi giữa đêm trường tịch mịch" của những người tư sản và tiểu tư sản năm xưa. Tiếng súng đánh Pháp cứu nước nổ ran khắp từ Nam chí Bắc. Trận

đánh lớn giữa nhân dân ta và chủ nghĩa đế quốc bắt đầu. Bác Hồ năm mươi sáu tuổi dẫn đường toàn dân bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ.

Miền Nam đánh giặc bằng gậy tầm vông, dao găm và súng sáu. Miền Bắc đánh giặc bằng mã tấu, bom ba càng và lựu đạn lọ mực. Người nói với các chiến sĩ, tự vệ Thủ đô: "Các em quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Những người thanh niên Hà Nội bỏ kim búa tại xưởng máy, buông sách vở trên ghế nhà trường, cầm lựu đạn, súng chim ra ngã ba đường cản xe tăng địch. Nghe lời Người, họ buộc lên cổ chiếc khăn quàng đỏ của quân quyết tử, đánh giặc suốt sáu mươi ngày giữa Thủ đô khiến cho kẻ thù kinh ngạc.

Sáu mươi tuổi, Người trèo non vượt suối cùng bộ đội đi chiến dịch Biên giới. Những ai đã được gặp Người với chiếc nón lá, cái khăn bịt râu, đôi dép lốp trên con đường nằm giữa muôn vàn quả núi đá Trùng Khánh - Quảng Uyên. Ai quên được hình ảnh của Người với cái mũ to vành, chiếc áo bộ đội có cầu vai mở cúc ngực, ống quần xắn cao, ngồi trên một đỉnh núi ở Đông Khê, mắt đắm đắm theo dõi trận đánh của Trần Cừ, La Văn Cầu. Được sự cổ vũ của Người, các chiến sĩ đã xông lên tiêu diệt hoàn toàn hai binh đoàn quân viễn chinh tinh nhuệ của địch, mở thông cả biên giới phía Bắc.

Những cán bộ, chiến sĩ vượt sông Hồng tiến vào miền Tây trong chiến dịch Tây Bắc với một câu chuyện, một hình ảnh của Người. Dọc đường Người tới hội nghị trao nhiệm vụ chiến dịch cho cán bộ, trời mưa to. Đến một con suối, nước lũ đỏ vè rất lớn. Ai nấy ngập ngừng chưa biết tính sao. Người đã dẫn bước đầu tiên xuống dòng suối, mọi người đi theo. Và cả đoàn đã vượt qua con suối lũ nguy hiểm. Bài học quyết tâm đó của Người đã thấm sâu vào các chiến sĩ trong đêm vượt đèo Khâu Vác mây phủ với đôi bàn chân rồ nát ứa máu và những ngày không ăn, không ngủ đuổi giặc trên đường 41. Bộ đội ta đã giải phóng cả cánh đồng Nghĩa Lộ rộng lớn, khiến quân giặc kinh hoàng, bỏ đồn rút chạy hàng trăm ki-lô-mét tới tận Nà Sản.

Trên khắp nẻo đường chúng ta đi dù về Đông hay sang Tây, vào Nam hay lên Bắc, ở đâu chúng ta cũng thấy trước mắt hình ảnh của Người. Bác dạy chúng ta thương yêu dân, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, quyết đánh quyết thắng kẻ thù. Ở Thất Khê, Bác dạy bộ đội phải ăn ở cho hợp vệ sinh, phải tôn trọng tập quán, tín ngưỡng của đồng bào. Bác căn dặn cán bộ khi lên đường đi chiến dịch Tây Bắc phải nắm vững quân số. Chúng ta không chỉ tìm thấy ở Người một đồng chí lãnh đạo, chỉ huy tuyệt vời mà còn thấy ở Người một người cha với tình thương yêu rộng lớn. Tuân theo những lời dạy bảo cụ thể, chu đáo, tỉ mỉ của Người, chúng ta đã sớm thành những chiến sĩ giỏi, những cán bộ tốt của quân đội cách mạng. Chưa tròn mười tuổi quân, trong dịp mừng thọ Người sáu mươi tư tuổi, chúng ta đã làm nên chiến công thần kỳ Điện Biên Phủ, đánh bại hoàn toàn kẻ thù đế quốc trong hiệp đầu, giành lại nửa nước, kết thúc một chặng đường lịch sử.

*

* *

Miền Bắc đã sống trong độc lập, hoà bình. Cuộc đời mới tươi nở trên nửa nước. Thủ đô đón Người trở về. Vàng trán Người cao hơn, mái tóc Người bạc thêm. Mỗi thu nắng đẹp Ba Đình, đất nước lại nghe giọng nói trầm ấm của Người hát bài ca "Kết đoàn". Người đang đi vào tuổi bảy mươi. Nhưng chúng ta vẫn chưa ai nghĩ Người đã già. Đó cũng là điều sau này chúng ta mới hiểu. Người đã vì tất cả chúng ta mà đem hết nghị lực để đẩy lùi năm tháng. Người đã vì chúng ta mà đi lưng không còng, ngời không mỏi, giữ nụ cười tươi, giọng nói ấm khoẻ.

Những người trẻ tuổi sau một ngày sản xuất, tối nay dắt tay nhau đi trên con đường có những hàng cây cao mát, chạy từ quảng trường Ba Đình tới Hồ Tây, tới vườn Bách Thảo, nhìn ngôi nhà Phủ Chủ tịch với những cánh cửa khép đứng im lìm dưới ánh trăng. Họ thầm cảm ơn Người đã mang lại cuộc sống mới hạnh phúc cho mình. Nhưng họ bỗng thấy lòng nao nao... Từ những ngày cách đây bốn mươi năm, sống trong căn

buồng nhỏ tại một ngõ hẹp phố Công-poanh nước Pháp, đến những ngày Cách mạng tháng Tám thành công cho đến nay, cuộc sống riêng của Người vẫn không thay đổi. Ở đây, Người sống trong một căn nhà nhỏ tại khu vườn của Phủ Chủ tịch. Người vẫn mặc bộ quần áo ka-ki bạc màu ngày nào, vẫn đi đôi dép cao su đen. Mỗi bữa cơm, Người vẫn thích những món ăn giản dị...

Tối nay, ngọn đèn trong căn nhà của Người vẫn sáng. Người lo trăm công, ngàn việc cho đất nước, cho mỗi người chúng ta. Một con đường Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội... Một lời nhắc nhở những người cầm bút phải biết giữ gìn tiếng nói của dân tộc... Người lo việc trước mắt: bát canh ngọt cho người già, chiếc áo hoa cho em nhỏ, cốc nước mát cho những người lao động, con đường dạo chơi cho lứa tuổi thanh niên. Người lo việc lâu dài: trồng cây mười năm, trồng người trăm năm, xây dựng xã hội mới con người mới.

Và nếu họ biết đêm nay, giấc ngủ của Người thao thức! Trong trái tim lớn của Người còn mười bốn triệu đồng bào miền Nam ruột thịt chưa được giải phóng. Những đau thương của đồng bào nửa nước làm cho Người ăn không ngon, ngủ không yên.

Người dành cả cuộc đời vì đất nước. Cả đất nước vì độc lập, tự do, vì Người, lại một sớm lên đường. Lớp người ngày trước được Người đào tạo từ Quảng Châu, Pắc Bó, Tân Trào, suốt cả thời kỳ chống Pháp. Lớp người ngày nay ra đời trong ánh bình minh của Cách mạng tháng Tám, được bàn tay chăm sóc của Người ngay từ khi mới lọt lòng. Các thế hệ do Người đào luyện lại viết tiếp thiên sử vàng chống Mỹ, cứu nước.

Người đã quá tuổi bảy mươi. Vì đất nước, Người nói với chúng ta:

*Bảy mươi tư tuổi vẫn không già,
Cố gắng làm tròn nhiệm vụ ta.
Bao giờ Nam Bắc một nhà
Dân giàu, nước mạnh thì ta vui lòng.*

Đêm đêm, ngọn đèn vẫn sáng trong căn nhà nhỏ của Người.

Người băn khoăn vì các chiến sĩ lái máy bay ngồi chờ địch trong buồng lái nóng bức. Người lo cho các chiến sĩ cao xạ ngồi trên mâm pháo chiến đấu với bọn giặc trời suốt ngày dưới nắng hè. Người nghĩ đến chuyện sinh hoạt của các cụ già, việc học tập của các cháu nhỏ ở nơi sơ tán. Người hỏi tên anh dân quân vừa bắn rơi máy bay địch để tặng huy hiệu. Người cắt bài báo nhỏ trong một tờ báo địa phương, ghép vào tập tài liệu "Người tốt việc tốt" đã được Người chuẩn bị suốt mười năm nay để giáo dục thế hệ mới.

Có anh hùng nào của lực lượng vũ trang ở cả hai miền Nam, Bắc tới Thủ đô mà không được sự dạy bảo, dặn dò trực tiếp của Người? Người luôn đến thăm các đơn vị, các trận địa. Và mỗi lần tới thăm, Người đều bắt đầu thăm từ nơi ăn, chốn ở của bộ đội.

Nhiều người nước ngoài đã ca ngợi Người là một nhân vật thần thoại. Với chúng ta, ý nghĩa của những lời nói đó là ở chỗ: Người đã chăm lo cho chúng ta mọi mặt trong đời sống của con người.

Vì đâu Người đã làm được và còn đang làm những khối lượng công việc khổng lồ cho đất nước? Vì Người có những năng lực làm việc tuyệt vời. Vì Người - như chúng ta đã biết - chỉ nghĩ đến một điều: "làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân tộc" và quên đi cho riêng Người, tất cả những gì mà thông thường mỗi con người đều có quyền được hưởng.

Vì sao mỗi lời nói giản dị của Người đều chuyển thành bão táp giáng sấm sét xuống đầu kẻ thù, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam tiến lên phía trước? Vì chúng ta tìm thấy chân lý trong lời nói của Người, chúng ta còn tìm thấy chân lý đó trong mỗi việc làm của Người.

Người dẫn đường chúng ta đi và rọi sáng con đường đó bằng hành động, bằng đạo đức của Người.

*

* *

"Không thể nào như thế được" khi sớm nay chúng ta đứng lặng giữa trời mưa nghe từ loa phóng thanh cái tin dữ dội: Chúng ta phải vĩnh biệt Người. Điều đó chúng ta đã biết rồi sẽ có ngày phải đến, nhưng lẽ nào lại là hôm nay ư! Vừa mới đây thôi, chúng ta còn nghe những lời dạy bảo của Người, còn nghe nói về bao nhiêu công việc Người đang làm cho đất nước, cho mỗi chúng ta.

Từ trái tim của chúng ta, từ trên mảnh đất chúng ta đang đứng đã lan đi tràn ngập thế giới loài người đang chiến đấu cho tự do, công lý, một nỗi đau thương mênh mông.

Rồi chúng ta biết giữa những cơn đau, khi tỉnh, Người luôn hỏi tình hình mặt trận. Người đã dành sự chăm sóc và tình cảm của Người ngay ở những giờ phút cuối cùng này cho những đứa con đang chiến đấu. Niềm đau thương của chúng ta lại càng vô hạn.

Điều ước nguyện của Người trong những câu thơ Người làm ngày mới về Pắc Bó đã trở thành sự thật. Đất nước xưa cũ bốn ngàn năm lịch sử của tổ tiên đã được xây dựng lại, một cuộc đời mới đang đâm bông kết trái. Nhiệm vụ lịch sử của dân tộc hôm nay mà Người và Đảng đã chỉ vạch, đã dẫn đường chúng ta đi, cũng sắp hoàn thành. Có thể nào chúng ta phải vĩnh biệt Người?

Như đồng bào, như các chiến sĩ miền Nam ân hận chưa thoả mãn lòng mong ước của Người là giải phóng hoàn toàn nửa nước để rước người vô Nam, lòng mỗi chúng ta cũng trào lên một niềm ân hận khi thấy chúng ta chưa làm được bao nhiêu, chưa xứng đáng với những gì Người đã dành cho chúng ta suốt cả cuộc đời.

"Không thể nào như thế được" nếu từ hôm nay chúng ta phải vĩnh biệt Người!

Đêm nay, với bộ quần áo chiến đấu màu lá cây, chúng ta lại cùng cả nước đến quảng trường Ba Đình lịch sử. Trời vẫn mưa

sập sùi. Những bức tường của nhà hội trường lớn sao trở nên nặng nề? Chúng ta đi trên hành lang trải thảm đỏ. Căn phòng của Người bát ngát những màu hoa. Cả nước đem hoa đến dâng Người. Những bông hồng Ngọc Hà đỏ thắm của miền Bắc. Những bông sen Tháp Mười sém lửa của miền Nam. Từ trời Âu băng giá, từ châu Phi nóng bỏng, từ châu Mỹ, châu Á sục sôi, cả loài người tiến bộ cũng đem hoa về đây đặt kín phòng Người.

Một ánh hào quang bỗng hiện trước mắt ta. Người kia rồi! Vẫn vùng trán cao thanh thản một vùng trời, vẫn gương mặt hiền hậu. Người nằm đó với bộ quần áo ka-ki bạc màu giản dị. Đôi dép cao su đen đã theo Người lội suối băng đèo đi chiến dịch, đã theo Người đến Thủ đô các nước anh em, bầu bạn châu Á, châu Âu, đêm nay được đặt dưới chân Người.

Người đang yên ngủ, giấc ngủ yên tĩnh nhất của Người sau già nửa thế kỷ làm việc hết mình cho dân tộc, cho giai cấp.

Cả dân tộc chậm chậm đi phía sau Người. Chúng con biết trước giờ phút yên nghỉ, Người vẫn thấy đầu óc rất sáng suốt, Người chỉ tiếc sức khỏe không còn. Hãy nén niềm đau đang cuộn lên trong lồng ngực, các mẹ, các chị, các em, các đồng chí! Hãy giữ yên tĩnh cho giấc ngủ của Người!

Những đoàn người da trắng, da màu, của mọi miền trái đất với vòng hoa buồn lặng lẽ nối nhau đi. Gương mặt trong sáng của những người con các đất nước đang hát ca xây dựng cuộc đời mới, tối nay bỗng trĩu nặng đau buồn. Bạn từ góc trời còn tôi tìm nào một mình tới đây, đứng trước mặt Người nức nở? Tiếng khóc của bạn là mũi dao chạm vào vết rạn nứt trong trái tim ta.

Người là của chúng ta. Người là của các bạn. Người là của cả loài người.

"Không thể nào như thế được" nếu chúng ta phải vĩnh biệt Người! Người vẫn nằm kia và mãi mãi sẽ còn ở với chúng ta. Văng vẳng quanh đây, tiếng nói âm áp của Người suốt hai mươi bốn năm qua vẫn tiếp tục vọng về.

Một tấm nhung đen dính những vì sao thưa long lanh căng phủ khắp vòm trời. Chúng ta đi cúi đầu im lặng. Trái tim ta thất lại. Đầu óc ta nóng bỏng với hình ảnh của Người đang toả hào quang. Ánh hào quang đó sẽ không bao giờ tắt, sẽ tiếp mãi cho trái tim ta tình yêu nước thương nòi mệnh mông rộng lớn của Người, sẽ rọi sáng con đường chúng ta đi thực hiện trọn vẹn lý tưởng vĩ đại của Người.

Ai đi đó, quanh ta muôn ngàn tiếng chân rầm rập?

Chính chúng ta, đang thẳng tiến trên đường của Người:
ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH.

HỘI ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ TÔI CÒN LÀ THIẾU NHI

KIM NHẤT

Hơn bốn mươi năm trước cũng vào ngày sinh của Bác Hồ 19 tháng 5, một đoàn thiếu nhi các dân tộc Tây Nguyên học trường Nội trú Trung ương Hà Nội do thầy Trần Văn Đảnh phụ trách đội, được vinh dự lên Phủ Chủ tịch tặng hoa cho Bác, mừng ngày sinh nhật của Người và biểu diễn tiết mục “Dâng hoa Bác Hồ” do chú Thành - bộ đội bên đoàn C - tập cho.

Ngồi trên xe con lên Phủ Chủ tịch, đứa nào cũng thấp thỏm vì mừng sắp được gặp Bác, được tận mắt nhìn thấy Bác và tận tay cầm tay Bác. Bác bằng xương bằng thịt hẳn hoi chứ không phải trong giấc mơ như hồi còn ở quê nhà. Vài bạn vì quá xúc động đã ứa nước mắt nói: “Được tận mắt nhìn thấy Bác rồi, tớ sẽ cố gắng học tập, lao động giỏi hơn nữa để lần sau được nhà trường cho lên tặng hoa Bác Hồ nữa”. Còn tôi vốn nhút nhát chỉ nói: “Bác Hồ là Yàng trên trời. Được gặp Bác lần này, tớ sẽ kể cho Bác nghe tấm lòng của bà con các dân tộc Tây Nguyên đối với Bác như thế nào và mong Bác vào Tây Nguyên thăm bà con ra sao để Bác vui cái bụng”.

Sự thật trong trí tưởng tượng của tôi lúc bấy giờ Bác Hồ không phải người trần bình thường mà là một vị Yàng cao to từ trên trời xuống trần cứu đồng bào hết cái khổ cái nghèo. Và vị Yàng linh thiêng đó còn biết biến hoá và biết bay như rồng nữa. Vì vậy, khi sắp được tặng hoa cho Bác, tôi cứ nghĩ Bác Hồ là người như thế. Nhưng khi chiếc xe con vào tới tận Phủ Chủ tịch

thì tôi nhìn thấy người đứng trên thềm phủ là một ông già đầu lưa thưa tóc bạc, vầng trán cao rộng rất đôi thông minh. Dưới vầng trán cao rộng ấy là đôi mắt long lanh hiền từ đang cười đón chúng tôi. Thầy Đánh xuống xe, bảo: “Các cháu xuống xe mau lên. Bác Hồ ra đón kia rồi!”. Nghe chú phụ trách nói người đó là Bác Hồ, chúng tôi ào lên như một đàn chim ríu rít vây quanh Bác. Ai cũng muốn tặng hoa cho Bác trước và ngồi bên Bác thật lâu để nghe giọng nói trầm ấm của Bác, được nắm bàn tay ấm áp của Bác và được nhìn Bác kỹ hơn, để sau này trở về Tây Nguyên nói lại cho cha mẹ, buôn làng biết Bác là người bằng xương bằng thịt như chúng ta.

Bác tươi cười nhận lấy những bó hoa tươi thắm và ôm hôn từng đứa thật thắm thiết. Bác hỏi thăm tất cả chúng tôi về tình hình gia đình, bà con buôn làng sống ra sao? Đôi mắt Bác long lanh ứa lệ khi biết có vài bạn không còn người thân nào nữa. Ôi! Tình Bác rộng bao la như biển trời. Bác ở Thủ đô nhưng vẫn ngày đêm thương nhớ đồng bào miền Nam đang sống dưới ách thống trị của bọn Ngô Đình Diệm và lũ tay sai bán nước hại dân. Ngày nào miền Nam chưa giải phóng, đất nước vẫn bị chia hai miền thì ngày đó Bác ăn không ngon, ngủ không yên. Vì miền Nam luôn trong trái tim Bác. Bác đã khóc vì thương các cháu mồ côi! Bác dặn dò chúng tôi phải cố gắng học tập thật giỏi, đạo đức thật tốt để mai này có ích cho quê hương đất nước.

Lên tặng hoa mừng thọ Bác, còn có đoàn thiếu niên, nhi đồng Thủ đô Hà Nội. Tất cả ngồi quây quần bên Bác, nghe Bác kể chuyện hoạt động cách mạng và được Bác dặn dò những lời quý báu.

Thấy các bạn thiếu nhi Thủ đô hoà nhập với đoàn thiếu nhi các dân tộc Tây Nguyên rất vui vẻ, Bác gật đầu khen ngoan, biết đoàn kết. Rồi Bác chia đều kẹo cho cho mỗi bạn Thủ đô và chúng tôi. Trước khi chia tay với Bác, Bác nắm tay chúng tôi cùng các bạn Thủ đô nhảy vòng tròn, hát bài “*Kết đoàn*”, một bài hát mà Bác thích nhất, như muốn nhắc nhở mọi người phải

luôn luôn đoàn kết “Đoàn kết đại đoàn kết” mới chiến thắng mọi kẻ thù. Và dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ kính yêu, chúng ta đã đánh bại kẻ thù mạnh nhất thế giới, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào mùa xuân năm 1975, một mùa xuân lịch sử làm chấn động toàn cầu. Ước nguyện của Bác và nhân dân ta đã thành sự thật. Cả nước rợp bóng cờ hoa. Trong ngày vui đại thắng ấy, vẫn như có Bác Hồ đang vẫy tay chào đồng bào và chiến sĩ cả nước. Vì Bác vẫn sống mãi trong trái tim của mỗi người dân nước Việt.

Bây giờ Tổ quốc đã thái bình, đất nước không còn bị cắt chia. Bác Hồ ơi! Bác cứ ngủ ngon trong giấc ngủ ngàn thu. Bác ngủ ngon giữa pha lê sáng chói hình người và vòng hoa ngát hương. Bác Hồ ơi! Bác có nghe đoàn thiếu nhi dân tộc Tây Nguyên vẫn hát mãi bài “*Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng?*”. Và Bác có nghe chăng lời tạ lỗi chân thành đầy nước mắt của chúng cháu trước vong linh của Bác nhân dịp đi dự Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VI không? Cháu muốn đứng thật lâu trước nơi Bác yên nghỉ để được nhìn thấy Bác lâu hơn và nói với Bác thật nhiều như ngày xưa Bác đã từng dẫn cháu đi thăm vườn hoa, ao cá của Bác! Nhưng không thể được như thế nữa rồi Bác ơi!

Bây giờ đây, các bạn nhỏ hồi ấy của tôi đều đã lớn khôn trưởng thành, và mỗi người mỗi nơi, mỗi ngành nghề khác nhau. Nhưng những lần được gặp Bác Hồ dù chỉ phút giây ngắn ngủi bên Người cũng là một vinh dự lớn lao, một kỷ niệm đẹp suốt cả đời.

NHỮNG NGÀY THÁNG CUỐI CÙNG CỦA BÁC

NGUYỄN TRÍ HUÂN

1. Hiếm thấy trong lịch sử có con người nào mà tên tuổi và sự nghiệp lại gắn bó với vận mệnh của cả một dân tộc, một đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể tìm thấy hình ảnh Người trong từng hơi thở của mỗi người dân và cũng có thể tìm thấy số phận mỗi người dân trong từng ý nghĩ của Người. "Bác Hồ", đó là tên gọi triu mến nhất, thiêng liêng nhất mà cả dân tộc đã dành để gọi vị lãnh tụ kính yêu của mình. Bác giản dị và gần gũi. Không có khoảng cách nào giữa một người dân bình thường với lãnh tụ lại được rút ngắn như vậy. Từ lâu Bác đã trở thành một lẽ sống không thể thiếu được trong đời sống chính trị và tinh thần của đất nước. Người là một cá nhân, nhưng Người cũng đã trở thành tất cả.

Đã có biết bao nhiêu người anh hùng trước giờ phút hy sinh đã hô lớn "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Bác Hồ muôn năm!". Lời hô giản dị và tha thiết ấy trước kẻ thù trên nhiều pháp trường đã vang lên như một lời thề, thể hiện khí phách "tận trung với nước, tận hiếu với dân" của người chiến sĩ cách mạng. Đó cũng là niềm mong mỏi da diết, là lời cầu chúc của người chiến sĩ cách mạng đối với sức khỏe của Bác. Người sắp hy sinh cầu chúc cho Bác mãi mãi mạnh khỏe, sống lâu, người sống cũng luôn khao khát Bác trường sinh cùng với dân tộc, đất nước.

Nhưng sức khỏe của Bác lại hoàn toàn nằm ngoài ý muốn của toàn Đảng, toàn dân ta. Vào giữa những năm của thập kỷ sáu

mười, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở vào giai đoạn quyết liệt nhất. Hơn triệu quân Mỹ đã đổ bộ ồ ạt vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ tàn khốc nhất trong lịch sử. Tin tức về những người dân vô tội bị giết hại, những làng mạc trù phú ở miền Nam bị tàn phá đã trở thành nỗi đau nhức nhối thường xuyên của Bác. Cùng với tuổi tác, sức khoẻ của Bác cứ mỗi ngày một suy giảm. Đã có một câu chuyện kể lại rằng, thấy Bác suy giảm sức khoẻ vì thuốc lá nhiều, các bác sĩ đề nghị Bác không được hút thuốc nữa. Bác chấp hành. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, các bác sĩ lại phải để Bác hút thuốc trở lại vì bỏ thuốc, sức khoẻ của Bác có phần sa sút hơn. Điều thuốc là người bạn duy nhất của Bác trong những giờ phút riêng tư, khi tất cả mọi người sau một ngày làm việc với Bác đều trở về cuộc sống gia đình êm ấm của mình.

Năm 1962, khi phái đoàn đầu tiên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc, trước khi về, thay mặt cho 14 triệu đồng bào miền Nam lúc đó, đoàn chỉ có một yêu cầu với Trung ương Đảng và nhân dân miền Bắc: "Phải cố gắng giữ gìn sức khoẻ của Bác cho thật tốt, để đồng bào miền Nam có thể được gặp Người khi nước nhà hoàn toàn thống nhất".

Tháng 5 năm 1967, sau lễ mừng thọ nhân ngày sinh thứ 77 của Bác, Bộ Chính trị đã triệu tập một cuộc họp bất thường để bàn việc bảo vệ sức khoẻ của Người và chuẩn bị giữ thi hài Bác lâu dài khi Người qua đời. Cuộc họp do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trì. Hội nghị đã xác định: vấn đề quan trọng đặt ra lúc này là phải đảm bảo hai yêu cầu:

1- Phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu không, nhân dân sẽ hoang mang lo lắng và Bác sẽ phê bình Bộ Chính trị, không cho phép triển khai thực hiện chủ trương này.

2- Phải chọn một số cán bộ y tế giỏi gửi sang Liên Xô học tập về khoa học gìn giữ thi hài. Nhân sự cụ thể giao cho Ban Tổ chức Trung ương lựa chọn.

Hội nghị nhất trí giao nhiệm vụ đặc biệt này cho Quân uỷ Trung ương vì quân đội sẵn có truyền thống nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Mặt khác, Bộ Chính trị cũng chỉ thị đồng chí Nguyễn Lương Bằng thay mặt cho Trung ương Đảng trực tiếp theo dõi và chăm sóc sức khoẻ của Bác.

Vốn là một người sống giản dị, Bác luôn luôn lo lắng đến vận mệnh của dân tộc, của đất nước. Bác thường kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta thực hành tiết kiệm. Bởi vậy, quyết định trên của Bộ Chính trị là hoàn toàn trái với ý nguyện của Bác. Sau khi qua đời, Bác chỉ có một nguyện vọng: Hoả táng thi hài Bác, lấy tro đựng vào ba chiếc bình, đặt trên ba ngọn đồi thấp ở ba miền Bắc, Trung, Nam để đồng bào cả nước có thể đến với Bác Hồ và Bác mãi mãi được gần gũi với dân, với nước. Bác còn dặn thêm rằng, trên mỗi ngọn đồi phải được trồng thật nhiều cây có bóng mát và làm nhà để nhân dân có thể ngồi nghỉ mỗi khi lên viếng Bác.

Nhưng việc giữ gìn thi hài Bác cho đời đời con cháu mai sau được chiêm ngưỡng lại là nguyện vọng thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân ta. Đó sẽ là di sản vô giá mà Đảng ta dành cho các thế hệ tương lai của đất nước.

Để công việc được triển khai sớm, Bộ Chính trị quyết định cử đồng chí Lê Thanh Nghị thay mặt Đảng và Chính phủ ta sang Liên Xô hội đàm đề nghị bạn giúp đỡ, từ công tác đào tạo cán bộ đến việc gìn giữ lâu dài thi hài Bác.

Chuyến đi là một thành công lớn. Nhưng cũng bắt đầu từ đó, trong lòng mỗi người biết tường tận về sức khoẻ của Bác, bắt đầu xuất hiện một khoảng trống còn mơ hồ nhưng không gì có thể bù đắp: đó là sự thiếu vắng Bác trong tương lai mà mỗi người dân, mỗi người lính sẽ phải gánh chịu. Không ai muốn điều đó, nhưng lại không thể không nghĩ đến nó.

2. Trong cuộc đời của Bác có nhiều nỗi đau, nhưng nỗi đau lớn nhất là nỗi đau miền Nam chưa được giải phóng, nước nhà chưa được hoàn toàn thống nhất. Năm 1966, khi tiếp một nhà

báo Cu Ba, Bác đã đặt một bàn tay lên ngực mình nói rằng: "Nhân dân miền Nam, mỗi nhà, mỗi người đều có một nỗi đau, đem cộng tất cả những nỗi đau đó lại thì đây là nỗi đau của tôi". Cũng trong năm ấy, Người tuyên bố một chân lý bất hủ: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chân lý đó, cho đến bây giờ vẫn vang lên trên khắp hành tinh, trở thành lẽ sống của nhiều dân tộc còn chưa giành được độc lập, tự do thực sự.

Trong những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có ngày nào Bác không gọi điện hỏi Đại tướng Võ Nguyên Giáp về tình hình chiến sự ở miền Nam? Được vào miền Nam là nguyện vọng da diết trong những năm cuối đời của Bác. Nhiều lần, Bác đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam theo đường mòn Trường Sơn, hoặc đường hàng không Hà Nội - Phnôm Pênh, nhưng nhận thấy sức khoẻ của Bác không đảm bảo cho chuyến đi, nên Bộ Chính trị đã tìm mọi cách trì hoãn chuyến đi ấy vì trước đây, sau chuyến đi thăm đồng bào Thái Bình trở về, Bác đã bị bệnh co thắt động mạch não.

Vào mùa xuân năm 1968, theo lời mời của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, Bác sang Bắc Kinh nghỉ ngơi và chữa bệnh. Đồng chí Lê Đức Thọ trước khi vào miền Nam công tác đã sang Bắc Kinh chào Bác. Khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ báo cáo về chuyến đi sắp tới, Bác lại tha thiết đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác đi miền Nam. Bác bảo: "Chú vào trong đó bàn với chú Hùng (Phạm Hùng) bố trí để Bác vào thăm đồng bào miền Nam". Đồng chí Lê Đức Thọ khéo léo từ chối, nói rằng: Bác chỉ có thể đi đường hàng không qua Phnôm Pênh. Muốn vậy phải làm hộ chiếu và người ta dễ dàng nhận ra Bác vì Bác có râu. Bác bảo: Thì Bác cạo râu đi. Nhưng cạo râu thì đồng bào miền Nam không còn nhận ra Bác nữa - đồng chí Lê Đức Thọ trả lời. Bác ngồi yên và rất buồn. Lát sau Bác lại bảo cho Bác đi theo đường biển. Hồi đó, tàu chở vũ khí tiếp tế cho chiến trường miền Nam vẫn cập cảng Xi-ha-núc-vin. Bác sẽ cải trang làm một thủy thủ hoặc được giấu dưới hầm tàu... Phương án đã được Bác vạch ra

tỉ mỉ, chi tiết, khó có thể từ chối được. Nhưng cũng như những lần trước đồng chí Lê Đức Thọ lại khéo léo trì hoãn, và hứa: Tình hình còn rất nhiều khó khăn, Bộ Chính trị sẽ cố gắng thu xếp để đồng bào miền Nam có thể sớm được gặp Bác. Lúc chia tay, Bác đã ôm lấy đồng chí Lê Đức Thọ khóc. Trong lòng người học trò, người đồng chí của Bác hôm ấy và suốt cả chuyến đi, lúc nào cũng canh cánh một nỗi lo, sợ rằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về có thể sẽ không còn được gặp Bác nữa.

Mùng một Tết Nguyên đán 1969, Bác đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân, sau đó đi theo Quốc lộ 11 lên chúc Tết đồng bào huyện Bát Bạt, tỉnh Sơn Tây. Đây là chuyến đi xa cuối cùng của Bác. Buổi trưa, ngồi nghỉ ăn cơm dưới một gốc đa ven đồi, nhìn những bóng người đang cặm cuì làm cỏ dưới cánh đồng ven đường, Bác cười quay sang đồng chí Kháng, Cục trưởng Cục Cảnh vệ nói vui: "Nhân dân mình chăm chỉ thật, mùng Một Tết vẫn đi làm". Và Bác đột ngột hỏi: "Này, có phải quân của chú không?". Đồng chí Kháng bối rối "dạ" khẽ. Những năm ấy, đất nước còn chiến tranh nên việc bảo vệ an toàn cho chuyến đi của Bác luôn là nhiệm vụ hàng đầu của Cục Cảnh vệ.

Sau chuyến đi đó trở về, sức khỏe của Bác vẫn bình thường, nhưng kiểm tra kỹ điện tim, các bác sĩ thấy sóng tim đều đảo ngược. Hội đồng bác sĩ chẩn đoán Bác đang bị nhồi máu cơ tim bước đầu. Trước những dấu hiệu không lành ấy, Bộ Chính trị quyết định mời các giáo sư và bác sĩ Trung Quốc sang điều trị cho Bác.

Tháng 5 năm 1969, Bác sửa chữa lần cuối bản Di chúc nổi tiếng. Bản Di chúc này, Bác bắt đầu viết từ mùa hè năm 1965 mà Bác thường gọi là "Tài liệu tuyệt đối bí mật". Nó "tuyệt đối bí mật" không phải ở nội dung mà ở chỗ, Bác không muốn cho mọi người biết Bác đang làm cái công việc cuối cùng của một đời người. Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác kể lại rằng, Bác thường viết vào những giờ nhất định trong ngày. Có lần, đồng chí Trường Chinh gọi điện xin phép làm việc với Bác đúng vào

giờ Bác đang viết bản "Tài liệu tuyệt đối bí mật". Biết Bác không thể tiếp khách vào giờ đó, để đến chiều thì Bác bận, đồng chí Vũ Kỳ đã khéo léo bố trí để đồng chí Trường Chinh đến ăn cơm trưa với Bác, vừa ăn vừa làm việc.

Bây giờ Bác đang đọc lại và sửa chữa lần cuối cùng bản Di chúc ấy. Đó là những ngày nắng nóng ở Hà Nội. Khu vườn Chủ tịch phủ đầy bóng cây, nhưng không khí rất oi nồng, ngột ngạt.

Một lần, theo Bác đi dạo trong vườn, thấy trời nắng nóng, đồng chí Mẫn, bác sĩ trong tổ y tế đặc biệt được cử đến chăm sóc sức khỏe Bác cầm theo một chiếc quạt lông chim quạt cho Bác. Bác tỏ vẻ không hài lòng: "Các chú làm cứ như đi hầu vua". Biết Bác không thích người khác quạt cho mình và hơn nữa là cái quạt làm bằng lông chim quý, đồng chí Mẫn đã chặt một tàu lá cọ trong vườn, cắt ra làm quạt đưa cho Bác. Bác rất thích chiếc quạt này. Vừa có thể che nắng, vừa có thể quạt mát. Từ đó, quạt lá cọ trở thành loại quạt rất phổ biến trong Phủ Chủ tịch. Để khỏi nhầm lẫn với những chiếc quạt khác, Bác cẩn thận lấy thuốc lá châm chữ B vào quạt của mình.

Cũng trong tháng 5 rất đáng ghi nhớ này, các cán bộ cao cấp toàn quân đã đến thăm và mừng thọ nhân dịp Bác 79 tuổi. Đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp cùng dự buổi gặp mặt đầy lưu luyến và xúc động ấy. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng và toàn quân lên chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu, hứa với Bác quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ để đón Bác vào thăm miền Nam. Đồng chí Vương Thừa Vũ thay mặt anh em ôm một bó hoa lớn lên mừng thọ Bác. Bác ngồi trên chiếc ghế tựa, cảm động nhận hoa và cảm ơn các chú ở quân đội luôn quan tâm tới sức khỏe của Bác. Bác bảo các chú đánh thắng giặc là Bác vui, Bác khỏe ra nhiều... Giọng Bác ấm áp, quen thuộc nhưng nhỏ và thỉnh thoảng Bác đã phải dừng lại nghỉ.

Buổi gặp mặt hôm ấy, các tướng lĩnh ai cũng thăm nghĩ, có lẽ đây là lần cuối cùng họ được gần Bác, được nghe tiếng nói âm vang đầy triu mến của Người.

Buổi chiều ngày 12 tháng 8, trời mưa đông. Gió giạt từng cơn ào ào trên những chùm cây trong vườn. Bác chợt nảy ra ý định lên nhà nghỉ Hồ Tây thăm phái đoàn ta mới ở Hội nghị Pa-ri về đang nghỉ tại đó. Hôm đó xe đưa Bác đến tận cửa để Bác không phải đi bộ nhiều.

Ngày hôm sau, Bác húng hắng ho, Bác bị nhiễm lạnh, phế quản bị viêm và khi kiểm tra thấy bạch cầu tăng so với ngày hôm trước. Các giáo sư và bác sĩ hội chẩn, quyết định để Bác uống kháng sinh nhưng không đỡ. Ngày 23 phải dùng pê-ni-xi-lin tiêm cho Bác. Khoảng 9 giờ tối hôm ấy, Bác thấy đau trong lồng ngực. Các bác sĩ vội đình chỉ tiêm và làm điện tim ngay, thấy rõ rệt có phản ứng nhồi máu cơ tim thành sau tim. Sau khi hội chẩn, các bác sĩ lại quyết định tiêm cho Bác.

Đến ngày 28 tháng 8, tim Bác bắt đầu có dấu hiệu loạn nhịp và rối loạn phần truyền nhĩ thất. Trong những ngày đêm căng thẳng ấy, ngày nào các đồng chí trong Bộ Chính trị cũng đến thăm Bác và báo cáo với Bác tình hình chiến trường ở hai miền. Mỗi tin chiến thắng đều làm gương mặt Bác rạng rỡ hẳn lên. Lần nào Bác cũng nói: "Hôm nay Bác khoẻ hơn hôm qua". Nhưng thực tế thì ngược lại.

Chiều ngày 30 tháng 8, đồng chí Phạm Văn Đồng sang, Bác còn hỏi: "Các chú chuẩn bị lễ kỷ niệm Quốc khánh đến đâu rồi?". Nghe đồng chí Phạm Văn Đồng báo cáo, Bác dặn: "Các chú phải nhớ bắn pháo hoa mừng chiến thắng để động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân". Nhưng Bác đang bệnh, làm sao có thể bắn pháo hoa được.

Ngày 31, Bác thêm ăn một bát cháo. Các đồng chí phục vụ vội nấu cho Bác một tô cháo thật ngon. Thấy Bác ăn hết, ai cũng mừng. Nhưng tối hôm đó, lễ kỷ niệm Quốc khánh ở Hội trường Ba Đình diễn ra trong không khí đầy lo âu trên nét mặt các đồng chí trong Bộ Chính trị.

Nghe tin bộ đội tên lửa Hà Nội bắn rơi một máy bay không người lái của Mỹ ngày 30 tháng 8, nên hôm đó (ngày 31 tháng

8), Bác bảo Văn phòng gửi tặng lăng hoa cho đơn vị vừa lập công. Đó là lăng hoa cuối cùng của Bác mà các chiến sĩ tên lửa Sư đoàn 361 được đón nhận.

9 giờ 47 phút ngày mùng 2 tháng 9, trái tim Bác ngừng đập. Cho đến những giây phút cuối cùng ấy, đồng bào miền Nam và Tổ quốc Việt Nam thiêng liêng vẫn mãi mãi còn lại trong trái tim vĩ đại của Người.

3. Đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sự ra đi đột ngột của Bác là một nỗi đau, một tổn thất vô cùng to lớn không gì bù đắp nổi.

Mùng 2 tháng 9, ngày Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng khai sinh ra Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Nam Á hai mươi bốn năm trước, cũng là ngày Người vĩnh biệt chúng ta! Đây là một sự trùng hợp thật lạ lùng, không sao giải thích được. Để nhân dân có thể kỷ niệm Quốc khánh thật yên tĩnh, Bộ Chính trị quyết định công bố ngày mất của Bác lui lại một ngày: ngày mùng 3 tháng 9.

Có lẽ trong thời đại chúng ta, sau cái chết của Lê-nin chưa có sự ra đi nào lại gây chấn động lớn đối với loài người tiến bộ như sự ra đi của Bác. Khi đài phát thanh vừa đưa tin, đất trời như ngưng lại trong một nỗi đau khôn xiết và cái cảm giác trống vắng như bao phủ lên toàn bộ đất nước.

Bác đã ra đi và một cuộc đời mới của Bác lại được bắt đầu, được tái sinh trong lòng mỗi người dân, mỗi người lính. Việc xây dựng lăng và giữ gìn thi hài Bác trở nên hết sức bức thiết trong thời gian đó. Nhưng để đến được ngày đón Bác vào Lăng trên Quảng trường Ba Đình, những người dân, và những người chiến sĩ đã phải trải qua biết bao thử thách gian khổ với một sức lực và trí tuệ phi thường. Đoàn 969 là đơn vị được vinh dự thay mặt cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân gìn giữ thi hài Bác và bảo vệ Lăng - Nơi yên nghỉ vĩnh hằng của Người.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với diễn viên Đoàn văn công
Trung ương sau buổi diễn mừng thành công kỳ họp Quốc hội
khoá II (15/7/1960) - Ảnh: BTHCM

TẾT VỚI THƠ BÁC

LỮ HUY NGUYỄN

Hàng năm, mỗi độ xuân về, ông cha ta lại có tục lệ khai bút đầu năm. Thơ khai bút đầu năm. Thơ khai bút mang đầy dự cảm của một năm mới. Truyền thống thơ khai bút đầu năm thành một dòng mạch chảy ra đầu ngọn bút của nhiều thế hệ nhà thơ. Đến Bác Hồ, thì thơ khai bút dưới hình thức chúc Tết đồng bào, chiến sĩ, trở thành một sáng tạo, một hình thức độc đáo, không phải chỉ dăm bài, thậm chí vài bài, như các tác giả khác, mà là một chùm *ngót ba chục bài*. Những lời chúc thành thơ ấy mang khí vị riêng, đồng thời có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của dân tộc ta. Lần đầu tiên chúng ta được nghe thơ Tết của Bác là vào đầu năm 1946. Năm ấy, Người không chỉ chúc Tết đồng bào:

*Trong năm Bình Tuất mới,
Muôn việc đều tiến tới:
Kiến quốc mau thành công,
Kháng chiến mau thắng lợi.*

Mà còn dành hẳn phần đầu thư chúc riêng các chiến sĩ đang xông pha ngoài chiến trường: "Trong khi đồng bào đốt hương trầm để thờ phụng tiền nhân thì các bạn đốt thuốc súng để giữ gìn Tổ quốc. Trong khi đồng bào đốt pháo mừng xuân thì các bạn nổ súng chống địch. Các bạn hăng hái chống địch để đồng bào an toàn mừng xuân. Vậy nên đồng bào quyết không bao giờ quên công lao các bạn. Trong ba ngày Tết, đồng bào ai cũng đoàn tụ sum vầy xung quanh những bình hoa, mâm bánh. Còn các bạn thì chịu ăn gió nằm mưa, lạnh lùng ở chốn sa trường.

Song hình dung các bạn thì ấm áp trong lòng thân ái của mỗi một quốc dân". Và, Người thân thương gửi đến các chiến sĩ vô cùng yêu quý của chúng ta những dòng thơ đầm ấm, thiết tha:

*Bao giờ kháng chiến thành công,
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.
Tết này ta tạm xa nhau,
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.*

Dù rượu đào chưa có, bao nhiêu chiến sĩ và đồng bào những năm ấy thực sự đã say theo chung rượu đào trong thơ người, như có lần nhà văn quá cố Hoài Thanh đã bày tỏ niềm hứng khởi khi đọc bốn câu thơ lục bát đầy tâm tình này.

Trước năm 1946 khá lâu, Người đã từng có thơ chúc Tết, ấy là vào năm 1942, nhưng hồi ấy thơ Người không ký tên. Trên tờ báo *Việt Nam độc lập* in bằng đá, số 114 (đúng ra là số 14) ra ngày 1 tháng 1 năm 1942, độc giả ở vùng chiến khu giải phóng đã được đọc bài thơ *Mừng xuân 1942*, nghe thật sáng khoái, tin tưởng. Tiếng gọi của non sông tha thiết trong thơ Người, vận hội mới giục giã cả dân tộc bước vào cao trào tiền khởi nghĩa mãi những năm sau:

*Tháng ngày thắm thoát chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới!
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi!
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới!
Chúc toàn quốc ta trong năm này
Cờ đỏ sao vàng bay phát phới!
Năm này là năm rất vẻ vang,
Cách mạng thành công khắp thế giới.*

Và, hoàn toàn đúng, khi chúng ta nói rằng, với Bác, thơ chúc Tết liên một mạch suốt hai mươi bốn năm, từ 1946 đến 1969.

Thơ xuân Bác viết năm Đinh Hợi 1947 xôn xao, rung động, với màu cờ đỏ sao vàng và tiếng kèn kháng chiến thôi thúc lòng

người, vững tin vào cuộc kháng chiến đang hồi vô cùng gian lao. Người chỉ rõ: "Sức ta đã mạnh, người ta đã đông", "Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng". Bài thơ ghi mãi trong ký ức những người đi kháng chiến. Đồng chí Vũ Kỳ, bây giờ là Phó Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, nguyên là một đồng chí được sống gần gũi bên Bác nhiều năm, có kể lại trường hợp bài thơ Tết năm ấy:

Ngày 21 tháng 1 năm 1947. Lại 30 Tết... Từ hôm chuyển đến đây (tối 13 tháng 1 năm 1947 rời xã Xuyên Dương, Thanh Oai, Hà Đông đến xã Cần Kiệm, Thạch Thất, Sơn Tây), Bác Hồ vẫn giữ nếp làm việc đúng giờ giấc, mặc cho cảnh vật chung quanh thay đổi. Đến nơi nào cũng kê cái bàn làm việc sát giường nằm vừa dùng làm ghế ngồi nữa. Ở đâu Tết, chứ ở chỗ mình 30 Tết vẫn chưa thấy Tết. Vẫn ngày hai bữa cơm độn sắn... Chiều tối, Bác đi dự họp Hội đồng Chính phủ, rồi đến Đài phát thanh để chúc năm mới Đinh Hợi (1947) đúng vào lúc giao thừa.

Xe ô-tô chạy được một lúc thì tụt bánh xuống ruộng. Mà cũng may, ruộng không sâu nên xe chưa lật... Lúc mấy người trong làng đến giúp đã phải đốt đuốc. Chín giờ tối mới tới Quốc Oai. Hội đồng Chính phủ họp trong phủ. Phiên họp tắt niên chúc mừng năm mới và bàn định một số công việc. Mười giờ rưỡi Bác đến Đài phát thanh. Mưa càng to, đường càng lầy và trơn. Nhiều lúc bánh xe quay tít trên đường mà xe vẫn đứng nguyên một chỗ. Đành phải xuống đẩy... ánh đèn pha chiếu phía trước nhoà đi vì mưa nặng hạt. Lo ngại nhất là lúc lên dốc... Vòng qua Xuân Mai rồi rẽ quặt xuống, gần 12 giờ đêm mới tới chùa Trầm. Hang chùa Trầm là nơi đài phát thanh làm việc. Điện sáng trưng. Máy chuyển âm âm, Bác Hồ vào buồng thu thanh nói trước máy:

*. Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!*

*Sức ta đã mạnh, người ta đã đông,
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập nhất định thành công!*

Cùng với các bài thơ này, cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ mỗi năm lại giành thêm những thắng lợi mới. Lịch sử đã gọi cho thi tứ thơ Người và thơ Người giục giã bước đi của lịch sử.

Chúc Tết 1949, và cũng là chúc phong trào thi đua ái quốc bước vào phong độ mới:

*Kháng chiến lại thêm một năm mới
Thi đua yêu nước thêm tiến tới.
Động viên lực lượng và tinh thần,
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.
Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ngày ngày thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua.*

Cho đến thơ chúc Tết Giáp Ngọ (1954), Người chỉ rõ hai nhiệm vụ chiến lược phải hoàn thành:

*Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập tự do;
Cải cách ruộng đất là công việc rất to
Dần dần làm cho người cày có ruộng khỏi lo nghèo nàn.
Quân và dân ta quyết chí kết đoàn,
Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công.*

Và năm ấy là năm chiến thắng Điện Biên Phủ, năm lập lại hoà bình ở Đông Dương. Từ đây, chúng ta vừa tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ phản đế đối với cách mạng miền Nam, vừa đưa miền Bắc từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi chuyển biến của cách mạng giải phóng miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đều in dấu trong thơ Người khi Người tổng kết một năm đã qua; đồng thời những dự cảm trong thơ Người cũng mỗi ngày một được hiện thực hoá trong năm mới. Ấy chính là sự

tâm đắc kỳ diệu giữa tác giả và người nghe, người đọc, nếu chúng ta có thể nói như thế. Thơ chúc Tết của Bác trong những năm này âm vang hai miền Tổ quốc; miền Nam luôn ở trong trái tim Bác, và ở trong thơ Bác.

Thơ mừng năm mới (1960), năm có những ngày lễ lớn của Đảng và dân tộc:

*Mừng Nhà nước ta mười lăm xuân xanh!
Mừng Đảng chúng ta ba mươi tuổi trẻ!
Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền, mạnh mẽ,
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên.
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ!*

Đặc biệt sáng khoái là thơ *Mừng xuân 1961*, năm đầu tiên của kế hoạch năm năm lần thứ nhất. Không phải ngẫu nhiên Nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*Thơ đã hát mát trong lời chúc
"Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh"*

"Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh" là câu thơ của Bác trong bài *Mừng xuân 1961* này, lúc mà cảm hứng lịch sử và cảm hứng thi ca của Người dồn tới đỉnh điểm:

*Mừng năm mới, mừng xuân mới,
Mừng Việt Nam, mừng thế giới.
Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh.
Kế hoạch năm năm thêm phần khởi...*

Thơ chúc Tết những năm sau của Người cùng có chung một cảm hứng ấy: miền Bắc và miền Nam luôn luôn song kề; chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn gắn bó và tác động đến nhau:

*Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi,
Cả năm châu pháp phới cờ hồng!*

*Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng biển Đông.*

Ý ấy Người sẽ nói rõ hơn trong thơ *Chúc mừng năm mới* (1964):

*Nam Bắc như cội với cành,
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công,
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà.*

Mừng xuân 1966, Người đã đưa vào bài thơ những điều rất cụ thể, các dấu ấn của sự kiện rõ nét như thơ sử biên niên:

*Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,
Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Polây Me, Đà Nẵng...
Mừng miền Bắc chiến đấu anh hùng,
Giặc Mỹ leo thang ngày càng thua nặng.*

Chiến công liên tiếp chiến công. Năm 1967, năm đế quốc Mỹ ngày càng leo thang đánh phá miền Bắc và tiếp tục đưa quân ồ ạt vào miền Nam nước ta, những ai rối trí, phiền lòng hẳn cũng thấy yên tâm trong lời thơ vừa ngọt ngào, vừa say sưa của Bác năm đó. Bác đã thấy cái thế tất thắng của ta qua sự giãy giụa điên cuồng của đế quốc đầu sỏ Mỹ và bè lũ tay sai của chúng:

*Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta;
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa.*

Mấy câu thơ này mặc dầu chúng ta đã nghe đi nghe lại nhiều lần, nhưng mỗi lần nghe lại, vẫn thấy trong cái nhẹ nhàng dung dị của văn thơ tứ tuyệt, ẩn một nội dung hiện thực sâu sắc, toát lên niềm tin tưởng lạc quan, tinh thần chiến đấu tuyệt vời và tâm hồn sáng ngời bản sắc Việt Nam của Bác - nói như Hoài Thanh - "trong suốt như pha lê mà rộn ràng tiếng thơ tiếng nhạc".

Thơ *Mừng xuân 1968* của Bác bắt đầu bằng câu:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Lúc ấy đọc lên chúng ta chưa mấy ai hiểu ý nghĩa hiện thực của câu thơ. Về sau thì chúng ta đều rõ: Sau lời chúc Tết của Bác đêm giao thừa ấy, cả miền Nam vang dậy tiếng súng Tổng tiến công vào dịp Tết Mậu Thân lịch sử:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!*

Toàn thắng ắt về ta.

Nhắc đến bài thơ này, năm 1972, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Năm nay ta lại nhớ bốn câu thơ Tết rất đẹp của Bác, vừa rất thơ vừa rất thép".

Phải chăng đây là quà tặng của Bác cho dân tộc mỗi khi Xuân đến, Xuân sau hơn Xuân trước và cứ như vậy mãi mãi về sau. Đó là cách nhìn của một nhân sinh quan cách mạng trong thời đại ngày nay, thời đại Hồ Chí Minh ở nước ta, thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga, bình minh của loài người... Cuộc đời đẹp nhất là cuộc đời chiến đấu, chiến đấu chống chiến tranh xâm lược Mỹ, chống "Việt Nam hoá" chiến tranh, cuộc đời đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội, cuộc đời chiến đấu và chiến thắng, cuộc đời mà mỗi lúc xuân về, mọi người Việt Nam ta đều có thể ngâm câu thơ rất hay của Bác:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua...

Và như vậy cho đến mùa xuân năm 1969. "Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn":

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên!*

Chiến sĩ, đồng bào!

Bắc Nam sum họp, Xuân nào vui hơn.

Và cho đến mùa xuân này chúng ta đã trải qua trọn mười mùa xuân "Bắc Nam sum họp", như Người mong mỏi.

Nhiều người vẫn nghĩ rằng bài thơ *Mừng xuân 1969* là bài thơ chúc Tết cuối cùng và cũng là *bài thơ* cuối cùng của Bác gửi đồng bào và chiến sĩ ta trước phút Người đi xa. Nói như vậy cũng có phần đúng, nhưng có một bài thơ còn ít người biết hẳn là được viết ngay sau bài thơ *Mừng xuân 1969* mà nhiều người vẫn đinh ninh là bài thơ cuối cùng. Hồi ấy, phái đoàn ta đang trên bàn Hội nghị Pa-ri, và các đồng chí trong Đoàn đã nhận được *một bài thơ gửi bằng điện tín từ Tổ quốc đánh sang*. Năm ấy là năm Kỷ Dậu, năm Con Gà. Bài thơ này có bốn câu, nhưng hai lần tiếng gà túc tác làm ta xao xuyến:

*Xuân Gà túc tác đến nơi,
Gửi người thân thiết mấy lời mùa xuân.
Gà xuân túc tác rạng đông,
Đưa tin thắng lợi cờ hồng bay cao.*

Mùa xuân này, đọc lại ngót ba chục bài thơ chúc Tết của Bác, chúng ta đều tâm niệm những lời Người hằng mong mỏi mà chúng ta chưa hoàn thành.

Và nguyện cùng Người, chúng ta sẽ hoàn thành!

BÁC HỒ VỚI TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

NGUYỄN LỘC - NGUYỄN MẠNH BÌNH

Phải nói Bác Hồ có một thích thú đặc biệt và có một sự am hiểu sâu sắc đối với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Trong thời kỳ còn hoạt động ở nước ngoài, nhiều lần Bác khuyên các đồng chí nên học *Truyện Kiều*, và học các tác phẩm cổ điển khác của dân tộc. Còn về phần Bác, thì cố nhiên Bác đã thuộc lòng *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*... cũng như nhiều tác phẩm khác. Trong các bài viết, bài nói, trong những câu chuyện ứng khẩu Bác thường tập Kiều, lấy Kiều... Theo thống kê bước đầu của chúng tôi, có đến một trăm trường hợp Bác sử dụng *Truyện Kiều* theo cách như thế. Đối với Bác, dường như lúc nào cũng có thể dùng những câu thơ trong *Truyện Kiều* để nói những điều Bác muốn nói. Có khi Bác dùng nguyên vẹn câu Kiều, có khi Bác thay đổi chút ít, nhưng đọc lên ai cũng biết câu của Bác lấy ra từ câu Kiều.

Đồng chí Trần Lâm kể lại, năm 1929 Bác từ châu Âu về Thái Lan hoạt động. Một hôm Bác và đồng chí đi công tác, giữa đường trời tối, hai người phải ngủ nhờ nhà một người Việt kiều. Đêm ấy nghe chị chủ nhà hát ru con, Bác hết sức xúc động. Sáng hôm sau trên đường đi, Bác đã nói với đồng chí Trần Lâm.

*Xa nhà chốc mấy mươi niên,
Tối qua nghe giọng mẹ hiền ru con!*^(*)

Câu thứ nhất của Bác lấy từ câu Kiều:

(*) Trần Lâm - "Chuyện giả mà có thật". Xem *Bác Hồ*, Văn học, Hà Nội, 1960.

*Chóc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương.*

Lúc ở Vân Nam, những người hoạt động cách mạng của ta có một tờ báo lưu hành nội bộ. Một hôm Bác gửi đến cho toà soạn một bài thơ, nói là thơ của vợ Trịnh Đông Hải, một đồng chí hoạt động ở Vân Nam, gửi cho chồng. Bài thơ Đường luật, có những câu:

*Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
Lụy nhớ e chưa ráo mặt chàng.
Thù nước, thù nhà, chàng gắng trả,
Việc nhà, việc cửa thiếp xin đương...^(*)*

Câu thứ nhất trong đoạn này là một câu Kiều trọn vẹn "*Tóc thề đã chấm ngang vai*", nhưng Bác thêm vào chữ "thiếp" cho thành thơ thất ngôn, mà không thấy có gì là tì vết, chấp vạ. Nhưng năm bốn mươi, Bác về nước hoạt động. Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tháng Tám. Bác làm nhiều bài ca cổ động nhân dân tham gia mặt trận Việt Minh, đoàn kết diệt địch. Nhiều bài của Bác có xen những câu Kiều rất lý thú. Chẳng hạn, bài *Mười chính sách của Việt Minh*, Bác viết:

*Người có sức, đem sức quyên,
Người có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh^(**).*

Hay bài *Ca sợi chỉ*:

*Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng.
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng.
Nhờ tôi có lằm đồng bang,
Hợp nhau sợi dọc sợi ngang rất nhiều,
Dệt nên tấm vải mỹ miều...^(***)*

(*) Vũ Anh - "Từ Côn Minh đến Pác Bó". Xem *Bác Hồ*, Sách đã dẫn.

(**) Hồ Chí Minh - *Thơ*, Văn học, Hà Nội, 1975.

(***) Sách đã dẫn.

Và bài ca kết luận:

*Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh hội ấy mau mau tìm vào^(*).*

Trên các đoạn trích dẫn trên, những câu "Trên vì nước, dưới vì nhà", "Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng", "Yêu nhau xin nhớ lời nhau" là những câu lấy nguyên văn từ *Truyện Kiều*, hoặc có thay đổi một vài chữ.

Sau Cách mạng tháng Tám, trên cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Bác vẫn nói, vẫn viết với phong cách như thế. Trong bất cứ trường hợp nào, Bác cũng có thể xen vào một vài câu *Kiều*.

Mùa thu năm 1949, một đêm đi thuyền trên sông Đáy, Bác Hồ đã làm một bài thơ rất đẹp về cảnh ấy. Trong bài thơ của Bác cũng lại có mấy câu tập *Kiều* và lấy *Kiều*:

*Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bàng hoàng,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi^(**).*

Năm 1957, về thăm quê cũ ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn sau năm mươi hai năm xa cách, Bác gặp lại bà con, trong câu chuyện tâm tình với mọi người, Bác xúc động nói:

"Tôi là một người con em của nhân dân, đi xa nhà hơn năm mươi năm:

*On sâu, nghĩa nặng, tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình^(***)*

(*) Hồ Chí Minh - *Thơ, Văn học*, Hà Nội, 1975.

(**) Sách đã dẫn.

(***) Vương Lộc, Vương Kinh - *Về quê Bác*, Kim Đồng, Hà Nội, 1970.

Câu cuối cùng Bác lấy ở đoạn Kim Kiều tái ngộ:

*Những là rày ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình.*

Năm 1960, trong diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, sau khi trân trọng giới thiệu đại biểu các đảng anh em đến dự, Bác nói với Đại hội:

"Các đồng chí đã vì tình nghĩa quốc tế cao cả mà đến dự Đại hội của chúng ta, và mang đến cho chúng ta tình thân ái của Đảng anh em. Thật là:

*Quan san muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em^(*).*

Câu thơ trên của Bác lấy ra từ câu Kiều, đoạn Từ Hải nói với Thuý Kiều:

*Xót nàng còn chút song thân,
Bấy lâu kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng.*

Trong nhiều bài tiêu phẩm của Bác đăng trên các báo *Nhân dân*, *Cứu quốc* để châm biếm, đả kích kẻ thù, hay trong các câu chuyện Bác Hồ đi thăm nơi này, nơi khác, Bác cũng dùng rất nhiều câu thơ lấy trong *Truyện Kiều* như thế. Và cảm động nhất là cho đến cuối đời, trong Di chúc của Bác để lại cho chúng ta, cũng có hai câu thơ của Bác có nguồn gốc trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.*

Câu thơ trên của Bác lấy từ câu Kiều:

*Con non, còn nước, còn dài,
Còn về, còn nhớ đến người hôm nay...*

Chúng tôi liệt kê một số trường hợp Bác sử dụng câu thơ *Truyện Kiều* hết sức đa dạng và linh hoạt như thế để thấy rằng

^(*) Hồ Chí Minh - *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Sự thật, Hà Nội, 1970.

Bác thích thú và trân trọng *Truyện Kiều* biết chừng nào! Trong đời sống cũng có nhiều người thích tập Kiều, lấy Kiều, nhại Kiều, nhưng thông thường người ta làm việc đó trong những trường hợp không có tính chất trang nghiêm, và để thoả mãn thích thú cá nhân, còn đối với Bác Hồ thì hoàn toàn khác hẳn. Vui miệng lấy một đôi câu Kiều cũng có, nhưng với Bác, hình như tập Kiều, lấy Kiều không phải chỉ vì thích thú, mà trước hết là vì Bác nghĩ rằng *Truyện Kiều* đã đi sâu vào đời sống của dân tộc, là tiếng lòng của dân tộc. Nói như Tố Hữu:

Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời nghìn thu.

Cho nên dùng câu Kiều để nói điều mình muốn nói, tác động của nó sẽ tăng lên, chân lý mà mình muốn truyền đạt, sẽ dễ dàng đi vào lòng người hơn.

Bác có lần nói với những người sống gần gũi với mình: "Bác làm thơ là cốt để tuyên truyền, có bài được, bài không, sao bài nào các chú cũng khen hay tất cả?"^(*). Thái độ của Bác thật là khiêm tốn và khách quan trong sự bình phẩm, đánh giá! Bác không thích bất cứ một sự tăng bốc nào. Những điều Bác nói còn cho thấy tính mục đích rất rõ trong việc làm thơ của Bác. Đối với Bác, mục đích quyết định phương tiện. Mục đích của Bác là làm sao cho đông đảo quần chúng trình độ văn hoá còn thấp có thể hiểu được chân lý của cách mạng, để sống với chân lý ấy và làm theo chân lý ấy. Và vì vậy cho nên Bác viết văn, làm thơ bao giờ cũng cố gắng hết sức giản dị, hết sức dễ hiểu, để ai cũng có thể hiểu được. Và Bác sử dụng tất cả những hình thức văn học quen thuộc, không ngại nói nôm na, miễn là quần chúng thích thú, để đem đến cho họ cái mà họ cần trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và để xây dựng một xã hội mới. Việc sử dụng nhiều câu Kiều của Bác Hồ nằm trong quan niệm này. Cho nên Bác Hồ không ngần ngại gì khi viết những câu như:

(*) Chế Lan Viên - *Bổng nghe vẫn "Thăng" vút lên cao*, Báo Sài Gòn giải phóng, số Xuân Bính Thìn, 1976.

*Mừng xuân xuân cả thế gian
Phải đâu lãng phí cỗ bàn mới xuân^(*).*

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chống úng thắng lợi mới là người ngoan^(**).*

Thiết tưởng đánh giá nghệ thuật trong nhiều câu thơ của Bác Hồ, phải thấy giá trị của nó trước hết là ở chỗ nó đã chuyển đạt một cách có hiệu quả nhất nội dung mà tác giả muốn thông báo đến với đông đảo quần chúng nhân dân, chứ không phải ở cứu cánh nội tại của nó.

Ngay trong việc vận dụng những câu Kiều của Bác, chủ yếu là nhằm mục đích làm cho người đọc, người nghe thích thú trong sự tiếp nhận, thì phải nói là ở nhiều trường hợp cách vận dụng của Bác hết sức tài tình, chứng tỏ không những Bác rất thuộc *Truyện Kiều*, mà còn hiểu *Truyện Kiều* một cách tinh tế, và điều này làm cho những câu Kiều Bác sử dụng phát huy được hiệu quả rất lớn.

Trong thời gian hoạt động ở Pháp, sau khi đọc luận cương về vấn đề giải phóng dân tộc của Lê-nin, Bác Hồ quyết định đi sang Nga để hoạt động. Một đồng chí hứa với Bác sẽ nhờ công nhân Đức giúp Bác trong chuyến đi này. Nhưng lúc sắp từ già Pa-ri, vẫn có biết bao nhiêu điều làm Bác phải suy nghĩ. Bác kể lại: Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan có sẵn sàng giúp mình chăng? Và ai sẽ phụ trách tờ Pa-ri-a. Các đồng chí Á - Phi, người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pa-ri. Thật là ngổn ngang trăm mối bên lòng^(***). Sáu chữ cuối cùng là câu thơ Bác lấy trong *Truyện Kiều*:

(*) *Mừng Tết nguyên đán thế nào?* Báo Nhân dân, 18 tháng Giêng năm 1960.

(**) Hai câu thơ khắc vào bức tượng đài "Bác Hồ về Mai Xá" ở Ninh Giang, Hải Hưng.

(***) T.Lan - *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sự thật, 1976, tr.18.

*Ngón ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.*

Bác dùng câu trên để nói lên tâm trạng của Bác trong trường hợp này thật là hợp tình, hợp cảnh, và cũng thật là súc tích.

Trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, họp ở núi rừng Việt Bắc, một đại hội lần đầu tiên có đông đảo đại biểu các đảng bộ của cả ba miền Trung Nam Bắc về dự, Bác Hồ hết sức xúc động về sự trưởng thành của cách mạng, của Đảng. Mới ngày nào trong lần họp đầu tiên để thành lập Đảng, chỉ có mấy người tham dự, thế mà nay cách mạng đã thành công, nước nhà đã độc lập, Đảng đã có một đội ngũ đông đảo khắp nước. Bác đọc tặng Đại hội hai câu Kiều:

*Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.*

Thật không thể không có câu nào súc tích và hay hơn để nói lên cảm xúc và suy nghĩ của Bác bằng hai câu Kiều đó. Đến bây giờ mới thấy kết quả hoạt động của Đảng, mới thấy cách mạng thành công, nhưng Bác đã tin chắc sẽ có cái ngày đó từ lúc bước chân ra đi tìm đường cứu nước, từ lúc Bác đọc bản luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin, và một mình Bác đã nói to lên trong phòng giữa Pa-ri: *Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta.*

Nhà thơ Xuân Diệu kể lại năm 1950 trong một bản nhận định tổng quát về tình hình nửa thế kỷ qua, do Bác thảo lấy và in đá, Bác mở đầu bằng hai câu:

*Sự đời trông thấy mà... lòng,
Mỗi trang lịch sử một trùng biển khơi.*

Câu thứ nhất của Bác là lấy từ Truyện Kiều:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Nhưng “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”, Bác rút lại: “*Sự đời trông thấy mà... lòng*” thì cái tài của Bác không phải chỉ là rút gọn câu thơ tám chữ còn lại sáu chữ, và đổi chữ “*những điều*” thành “*sự đời*” cho ý nghĩa triết lý bao quát hơn. Và cái tài là cách rút gọn của Bác làm cho câu thơ không còn nội dung xác định như câu thơ của Nguyễn Du nữa, do đó nó mở ra một sự liên tưởng mới, rộng lớn trên nhiều chiều hướng. Điều đó phù hợp với nội dung Bác định nói là lịch sử thế giới trong năm mươi năm qua, có biết bao nhiêu biến động, “*đau đớn lòng*” cũng có, mà hào hùng, phấn khởi cũng nhiều. Đúng là *Mỗi trang lịch sử một trùng biển khơi*.

Một điều cũng hết sức thú vị là nhiều câu thơ trong *Truyện Kiều* vốn là những câu thơ buồn, những câu thơ mang triết lý định mệnh tiêu cực của Nguyễn Du, mà Bác Hồ dùng lại, có khi dùng nguyên, có khi cải biên chút ít, và đặt trong những văn cảnh khác hẳn, không còn buồn, không còn tiêu cực một tí nào, mà trái lại, hết sức lạc quan, hết sức khẳng định, và đôi khi còn thoáng một chút dí dỏm quen thuộc của Bác nữa.

Đồng chí Vũ Kỳ có kể một dịp Tết Bác Hồ đến làm việc, thấy trong phòng của anh em có chậu hoa trà mi mới nở một bông rất đẹp, Bác nhớ đến câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, ứng khẩu đọc:

*Đẹp thay một đoá trà mi,
Bướm ong chưa tỏ đường đi lối về.*

Trong *Truyện Kiều*, câu này Nguyễn Du nói về Thuý Kiều, một cô gái tài sắc, trinh trắng là thế, mà sống trong một xã hội đen bạc nên cuối cùng trinh tiết của nàng bị huỷ hoại bởi một tên vô lương, hèn hạ. Nguyễn Du than thở:

*Tiếc thay một đoá trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về.*

Bác Hồ dùng lại hai câu ấy để ca ngợi vẻ đẹp của hoa trà mi, nên không có gì phải “*tiếc*”. Bác thốt lên: “*Đẹp thay một đoá*

trà mi!". Hoa trà mi đã đẹp rồi, nhưng Bác nói nó còn đẹp hơn nữa vì "Bướm ong chưa tỏ đường đi lối về".

Một lần khác có một bà đem cam đến biếu Bác, kèm theo là bài thơ tự làm để tặng Bác. Bác Hồ cảm động làm bốn câu thơ đáp lại:

*Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây.
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng "khổ tận đến ngày cam lai".*

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" là câu Bác lấy trong tục ngữ. Còn câu "Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai" thì Bác lấy trong *Truyện Kiều*, lời của Thuý Kiều nói với Kim Trọng trong cuộc trùng phùng sau mười lăm năm lưu lạc:

*Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai.*

Qua niệm "khổ tận cam lai" là quan niệm về sự tuần hoàn một cách tự nhiên nhi nhiên, tiêu cực, vì nó phủ nhận vai trò của con người trong đấu tranh để thực hiện chân lý. Bác Hồ dùng lại câu này, hoàn toàn không có chút ý nghĩa nào như thế, mà chủ yếu là Bác chơi chữ. "Cam" ở đây là gói cam biếu. Bài thơ kết bằng một câu dí dỏm, thân tình.

Nhưng hai trường hợp vừa kể trên, dù sao cũng có tính chất vui đùa. Trong trường hợp sau đây thì Bác Hồ dùng câu thơ *Truyện Kiều* một cách trang nghiêm, mà ý nghĩa của nó cũng được "cải tạo" lại. Trong bài gửi Hội nghị Tổng bộ Việt Minh ngày 20-4-1948 Bác viết: Chính sách của Việt Minh là cố giữ hoà bình, song đến ngày kháng chiến, Việt Minh ra sức ủng hộ chính sách trường kỳ kháng chiến của chính phủ. Trong cuộc kháng chiến này, Việt Minh đoán trước rằng sẽ thắng lợi và nhất định thắng lợi: *Đã tin lần trước, ắt nhằm lời sau*. Câu kết của Bác lấy từ lời của vãi Giác Duyên nói với Thuý Kiều về tài "tiên tri" của sư Tam Hợp:

*Bảo cho hội ngộ chi kỳ,
Năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định chẳng lầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.*

Một lời nói đầy tính chất mê tín, bí ẩn, không có cơ sở thực tế nào cả. Nhưng khi Bác Hồ dùng lại *Đã tin lần trước, ắt nhằm lời sau* thì Bác muốn khẳng định rằng điều mình nói là hoàn toàn có cơ sở. Việt Minh đã từng lãnh đạo toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, tiến hành Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Điều đó ai cũng biết. Cho nên bây giờ Việt Minh nói trước cuộc kháng chiến sẽ thắng lợi và nhất định thắng lợi, thì điều đó hoàn toàn là một phán đoán thực tế có căn cứ, không phải nghi ngờ gì cả.

Từ việc vận dụng những câu Kiều của Bác Hồ, chúng tôi có thể liên tưởng đến việc Bác Hồ đề ra chủ trương về Tết trồng cây. Trước đây trong ngày Tết, nhân dân ta thường có tục hái lộc. Cứ vào tối giao thừa, đứng vào giờ bắt đầu của năm mới, mỗi người bẻ một nhánh cây, tượng trưng cho cái lộc của năm mới. Tục hái lộc có cái hay là nó phản ánh khát vọng của con người về những điều tốt lành trong cuộc sống. Nhưng ở thành phố sau đêm giao thừa hái lộc như thế, rất nhiều cây đẹp bị xác xơ, trụi lá. Bác Hồ đã đề ra Tết trồng cây thay cho tục hái lộc, thì đúng là Bác rất hiểu tâm lý của dân tộc, nên hướng được phong tục vào một mục đích có ích.

Nữ nghệ sĩ Ái Liên đã kể lại ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc của mình khi nghe những câu thơ ứng khẩu của Bác Hồ, trong một lần đoàn của chị diễn vở "*Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài*". Xem xong, Bác lên sân khấu bắt tay từng người, hỏi mọi người có muốn nghe Bác phát biểu ý kiến không. Bác Hồ đi đi lại lại mấy bước rồi cất tiếng đọc:

*Một đôi Sơn Bá, Anh Đài,
Chữ tình đáng trọng, chữ tài đáng thương.
Chỉ vì ông già dờ dờ ương ương,*

Bác dừng lại chỉ tay vào chị Hồng Liên, người đóng vai Chúc công, bố của Chúc Anh Đài:

Làm cho đôi lứa duyên ương không thành.

Bác ngừng đọc, đi đi lại lại, rồi Bác cất cao tiếng hơn, một tay Bác giơ lên:

Đánh cho phong kiến tan tành,

Cho bao nhiêu Anh Đài, Sơn Bá sẽ được thành lứa đôi".

Đoạn thơ trên của Bác cũng lại có một câu lấy Kiều: *Chữ tình đáng trọng, chữ tài đáng thương!*". Chị Ái Liên tâm sự: Những câu thơ đó chúng tôi chỉ được nghe có một lần giữa lúc tâm trạng vui sướng rộn ràng như vậy, thế mà mọi người đều nhớ ngay, thuộc ngay... Đối với riêng tôi, hơn mười lăm năm qua rồi mà tôi cứ tưởng tượng như đang nhìn thấy Bác khi đó, đang nghe tiếng Bác sang sảng bên tai. Bởi vì qua mấy câu thơ đọc ngay buổi đó, Bác đã dạy chúng tôi rất nhiều về nghề nghiệp..."^(*). Hiệu quả những câu thơ hết sức giản dị của Bác Hồ là như thế. Có thể nói hiệu quả sử dụng những câu Kiều của Bác cũng là như thế.

^(*) *Hoa dân Bác* - Hội Văn nghệ Hà Nội, 1971.

KÍNH DÂNG BÁC HỒ

NGUYỄN THỊ CẨM THẠNH

Tất cả phẩm chất cách mạng chung đúc, nhuần nhuyễn trong Bác, người tiêu biểu đầy đủ nhất cho tính cách Việt Nam lại vừa là người làm giàu thêm tính cách Việt Nam.

Bác vừa là lý tưởng, vừa là hiện thực của chúng cháu. Bác vĩ đại và thật gần. Mỗi mãi, Bác vẫn trọn vẹn là Bác Hồ của cháu. Từ bao lâu, cháu cất kỹ một tấm ảnh Bác. Tấm ảnh trân trọng và vô cùng thân thiết này thành một kỷ niệm quý nhất của gia đình. Tấm ảnh giữ lâu năm đã ngả màu vàng, gọi lại một buổi sáng trong căn cứ địa Việt Bắc giữa những ngày kháng chiến chống Pháp. Bác ngồi đó, trên thảm cỏ và dưới bóng cây rừng. Quây quanh Bác là một đàn cháu nhỏ, đưa được Bác bế trên tay, đưa được Bác đặt vào lòng.

Chú bé mặt tròn bụ bẫm vừa đầy tuổi tôi mười tám năm về trước kia, chính là đứa con trai đầu lòng của cháu. Chú bé được ngồi gọn trong lòng Bác, đáng ngoan ngoãn, bình thản. Chú có ngờ đâu phút giây vô cùng sung sướng ấy lại trở thành hình ảnh thiêng liêng nhất đối với cả cuộc đời của chú sau này!

Cháu nhớ lại những lần may mắn được gặp Bác. Một ngày đầu xuân giữa cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, Bác đến thăm Đại hội phụ nữ toàn quốc họp giữa núi rừng Việt Bắc. Không có tin báo rằng Bác đến. Nhưng xế trưa hôm ấy, cháu như thấy trước có điều gì khác thường. Cháu đang trên đường bước

vào hội trường qua những bậc cao và dài lát nứa, chột bốn bề reo bật lên:

- Bác đến! Bác đến!

Đột nhiên, sung sướng, hân hoan tràn ngập khắp hội trường. Chúng cháu mừng cuống quýt chạy ủa về phía Bác.

Trước kia, thường ngày ngắm ảnh Bác, thấy Bác triu mến nhìn lại, cháu đã được truyền thêm sức mạnh. Được gặp Bác, được hưởng niềm hạnh phúc lớn lao không ngờ ấy, cháu sung sướng quá, niềm sung sướng tột cùng.

Bác quắc thước hơn trong ảnh nhiều, vẻ đẹp tinh thần toát ra sáng ngời con người Bác.

Bác nhanh nhẹn, tươi cười đi giữa dòng người tiến vào sân hội trường. Bác đến, giản dị bộ quần áo lụa nâu và đôi dép lốp cao su đường trường. Gương mặt Bác hồng hào, kiên nghị. Đôi mắt Bác sáng lạ thường. Mãi mãi cháu vẫn nhớ như in ánh mắt ấy, ánh mắt của nghị lực, quyết tâm, chứa chan tình cảm nhân đạo, đầy sức cổ vũ lòng người.

Chị em chúng cháu đủ khắp các địa phương từ vùng tự do đến vùng sau lưng địch, miền núi cho chí miền xuôi, rộn rã quây quanh Bác. Ai cũng muốn được đến gần Bác, được đứng quạt cho Bác mát. Hiểu tâm lòng khao khát của chị em, Bác lần lượt đến với từng đoàn đại biểu. Suốt những ngày Đại hội cho đến lúc chị em chúng cháu đã toả về hoạt động trên khắp các nẻo đường đất nước, hình ảnh Bác rói mãi trong niềm tin của chúng cháu.

Sau đây, nhiều lần trên đường đi công tác, Bác thường dùng ngựa ghé thăm cơ quan phụ nữ đóng trong căn cứ địa ven rừng, bên bờ suối mát. Bác đến! Bác đến! Âm thanh náo nức ấy lại vang dội khắp rừng theo bước chân Bác. Niềm vui bình thường vụt trở thành niềm vui lớn nhất, niềm vui rạng rỡ khắp trên mọi gương mặt chị em chúng cháu. Bác bảo ban chúng cháu về tổ chức phục vụ nhân dân, về đạo đức, tác phong của người

phụ nữ mới. Xem chị em diễn lại vở kịch bà mẹ nghèo vùng sau lưng địch bảo vệ cán bộ trước mũi súng giặc, Bác thương cảm rưng rưng. Thấy chị em phải chịu kham khổ, thấy chị em còn gầy, lòng Bác áy náy. Bác rảo đi thăm khắp lượt nơi làm việc, nơi ăn, nơi nghỉ của chị em. Bác hỏi:

- Các cô nhớ gòn gàng, quân sự hoá luôn chứ?

Chúng cháu đáp ran ran:

- Thưa Bác, nhớ luôn ạ.

Bác lại nhìn chúng cháu, Bác hỏi tiếp:

- Các cô có được mạnh khoẻ không? Đã "tăng gia" chưa?

- Thưa Bác, chị em mạnh cả, chị em cũng có "tăng gia" được một ít rau xanh ạ.

Bác cười:

- Các cô có chịu bón phân cho rau xanh không?

Bác kể ở cơ quan Bác, Bác có gieo được ít cải xoong ven suối. Bữa nào tiện cho ai qua, Bác cho một tí hạt giống.

Lần ấy, nhà cháu, anh Nguyễn Xuân Sanh, từ cơ quan văn nghệ xa ngót trăm cây số cũng vừa đến. Con ngựa nâu của Bác buộc ở gốc cây đầu cổng xông ra, nhà cháu cùng đồng chí bảo vệ chạy theo giữ ngựa lại. Buộc được ngựa rồi, nhà cháu trở vào, Bác hỏi:

- Chú đến thăm cô phải không?

Nhà cháu đáp:

- Thưa Bác, vâng ạ.

Bác lại vui vẻ bảo:

- Cô chú hát Bác nghe một bài.

Hai chúng cháu hát không hay, nhưng chúng cháu đã vâng lời Bác, đứng nghiêm trước Bác và hát song ca bài "Kết đoàn".

Chúng cháu hát xong, Bác cười rộng lượng:

- Cô chú hát không hay, nhưng vì hát "*Kết đoàn*", Bác cũng thưởng cho mấy cái kẹo.

Chị em bạn bè cùng chúng cháu cười ran. Không khí thật là ấm cúng.

Một lần khác, Bác đến, vẫn áo lụa nâu hờ cổ và khăn mặt bông vắt vai, Bác đem theo một tập báo của Đảng Cộng sản Pháp. Bác ngồi xuống sân nhà và chúng cháu lại tíu tít quây quanh. Bác kể cho chúng cháu nghe về gương hoạt động của các nữ chiến sĩ phong trào cộng sản quốc tế.

Một lần khác nữa, Bác đến, Bác lấy trong túi ra một hộp tròn xinh sơn màu đỏ, vui vẻ hỏi chúng cháu:

- Các cô biết có gì trong này? Cô nào đoán đúng, Bác thưởng.

Chúng cháu đoán mỗi người một ý.

Bác tươi cười mở hộp ra. Chúng cháu reo cả lên, phấn khởi quá: Huy hiệu in hình Bác!

- Thừa Bác cho cháu!

- Cho cháu!

Chúng cháu nhao nhao xin được nhận quà kỷ niệm của Bác, hứa phần đầu xứng đáng với quà của Bác.

Bao giờ Bác đến, Bác cũng tạo ngay không khí ấm cúng, thân mật, thoải mái như vậy, cho chị em tha hồ quần quýt quanh Bác như lớp lớp đàn con được nuông chiều quây quanh cha. Bác là người cha của sức mạnh, của niềm tin, của lý tưởng, tràn đầy tình cảm đôn hậu, gần gũi và cao quý hơn tất thảy mọi người cha trên đời này.

Lòng Bác đầy tình thương yêu vô hạn với nhân dân, càng sẵn niềm cảm thông sâu sắc với phụ nữ. Chúng cháu vô cùng xúc động. Mỗi lần Tết đến, cơ quan chúng cháu tổ chức làm một

món ăn dân tộc biếu Bác. Năm ấy, chị em làm mứt khoai, dưa món. Nhận được quà Tết của chị em, Bác rất vui. Bác trả lời bằng hai câu thơ:

*Cám ơn các cháu, các cô
Mứt khoai, dưa món, Bác Hồ khen ngon.*

Biết bao nhiêu buổi tối ngồi quanh ngọn lửa ấm trong lán ven rừng, chúng cháu cùng nhau say sưa ôn lại gương hoạt động hy sinh trọn đời vì dân vì nước của Bác, càng cảm kích những săn sóc ân cần của Bác đối với chúng cháu.

Tấm ảnh Bác đang triu mến, nâng niu các cháu nhỏ là kỷ niệm lưu lại trong quãng thời gian ấy. Được tin Bác đến, cháu đã dắt thẳng cháu nhỏ chạy ra đón Bác. Bác nhìn cháu, bỗng dừng ánh mắt Bác ửng lại như có điều gì không vui. Cháu phân vân thấp thỏm mãi chẳng hiểu sao. Đến khi Bác sắp ra về, một đồng chí đi theo Bác mới nói riêng với chúng cháu: "Bác vừa dặn: Phải luôn săn sóc các cô. Bác thấy các cô gầy quá!".

Lúc ấy, cháu hiểu. Ôi, tình thương của Bác đối với chúng cháu, mãi mãi chúng cháu còn nhớ như in.

Mười tám năm qua, cháu vẫn giữ trân trọng tấm ảnh cho đến ngày nay. Suốt những năm công tác cống con trên lưng, địu con trước bụng, vượt qua tầm bom đạn giặc, trèo đèo cao, lội suối xiết, vừa công tác vừa nuôi con cháu vẫn nghĩ rằng có Bác đang triu mến, cổ vũ cháu. Có lần cháu địu con băng qua suối lũ, ba lô quần áo ướt đầm, nhưng thưa Bác, tấm ảnh Bác cháu vẫn giữ được khô nguyên.

Đứa con đầu lòng của cháu nay đã trở thành chiến sĩ diệt Mỹ ở tiền tuyến. Những ngày sắp sửa lên đường, cháu đã được trân trọng cầm tay nắm mãi tấm ảnh mà ngày mới tròn tuổi tôi, cháu nó được hưởng cái diễm phúc ngồi trong lòng Bác.

Cháu nó đã viết thư về:

"1-1968: Đêm qua, vai vác nặng gần ba mươi cân, con hành quân có đoạn trên chục cây số đường đá dăm, đi chân đất (vì chân con to quá cỡ giày). Con vẫn giữ đúng hàng ngũ. Trung đội trưởng đã nêu khẩu hiệu: "Thật là đôi chân vạn dặm. Quyết học tập đồng chí L. trong cuộc hành quân đêm nay".

"Tết Nguyên Đán 1968: Trước hết, con báo tin mừng: con là một người trong mười xạ thủ giỏi nhất của tiểu đoàn và là một trong năm xạ thủ giỏi, lọc ở mười người kia".

"5-1968: Chúng con hành quân trên đỉnh núi cao vọi vọi có chỗ dốc đứng không trèo được, phải leo bằng thang, mà có ít đâu, năm cái thang dài trên dưới chục mét, chỉ sên một tý là lộn nhào xuống đá! Có dốc cao phải đi ba, bốn tiếng mới tới đỉnh. Đi đến nổi chân rời ra, mồ hôi đầm quần áo. Khó mà tưởng tượng được! Chỉ có quân đội cộng sản mới đi được như vậy".

Hứa hẹn quyết tâm với hình ảnh thiêng liêng nhất trong lòng, chắc chắn giờ đây cháu nó đang cùng đồng đội nắm vững tay súng tiêu diệt càng nhiều giặc Mỹ, làm tròn sứ mệnh Bác trao: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", góp phần nhanh chóng đuổi sạch giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước...

9-1969

BÁC HỒ NGHE ĐỒNG CHÍ VÕ NGUYỄN GIÁP ĐÁNH ĐÀN PI-A-NÔ

ĐÀO VŨ

Đồng chí Võ Nguyên Giáp với tên gọi thân mật từ xưa là *anh Văn* vốn là một nhà quân sự rất yêu thích văn học và nghệ thuật. Anh Văn đọc nhiều, tiếp xúc nhiều với các nhà văn, là tác giả của nhiều tập hồi ký văn học. Riêng về âm nhạc, anh đã từng chơi đàn pi-a-nô từ mấy chục năm nay.

Trên cương vị một vị tướng cầm quân, một Tổng tư lệnh quân đội, hay một Bộ trưởng quốc phòng, phải góp phần quyết định những vấn đề lớn của chiến tranh, tiếng đàn có lẽ đã tạo nên cho đồng chí Võ Nguyên Giáp những giây phút thư thái, bình lặng trong những ngày căng thẳng, bẽ bộn của bao nhiêu việc nước, việc quân.

Thế rồi vào một buổi tối mùa thu năm ấy, Bác Hồ sang thăm gia đình đồng chí Võ Nguyên Giáp. Giữa câu chuyện, Bác chợt quay sang chị Bích Hà cũng đang ngồi đó (chị Bích Hà là vợ của đồng chí Võ Nguyên Giáp), Bác hỏi:

- Có phải không cô Hà, nghe nói chú Văn chịu khó tập đàn? Sao không đánh thử Bác nghe?

Đồng chí Võ Nguyên Giáp không thể từ chối. Anh ngồi vào trước cây đàn pi-a-nô vẫn được kê ngay ở phòng khách.

Cũng cây đàn này, ở phòng khách này, trong những năm tháng căng thẳng nhất của cuộc chiến tranh leo thang của không

lực Hoa Kỳ ra miền Bắc, và còn điều quan trọng nữa, sau này mới được biết, đó là trong những ngày phải quyết định những vấn đề nghiêm trọng nhất của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, cũng cây đàn này, ở phòng khách này vẫn được lên tiếng ung dung, hoặc có khi rộn rã, thúc giục.

Hôm nay, lần đầu tiên được cất tiếng cho Bác Hồ nghe, một dịp hiếm quý giá biết bao, đàn ơi, đàn sẽ lấy giọng nào, lên cung bậc nào cho xứng đáng đây?

Sau lời Bác hỏi, anh Văn đã ngồi ngay ngắn trước hàng phím đàn đen trắng. Nhưng chưa đánh ngay, có lẽ anh đang nghĩ xem đánh bài gì bây giờ. Rồi, tiếng đàn vang lên một bài quen thuộc - *Chiến thắng Điện Biên*.

Bác lắng nghe, niềm xúc động ngời lên khoé mắt. Còn người biểu diễn thì hoàn toàn không chờ đợi tiếng vỗ tay, anh Văn đánh tiếp để Bác nghe bài Sô-na-tin của Bê-thô-ven.

Bác nghe chăm chú, rồi chợt hỏi:

- Chú có chơi các bài dân ca của ta không?

Cây đàn liền vang lên bài *Trống cơm* rồi bài *Trảy hội đêm rằm* mà anh Văn vẫn ưa thích và hay chơi.

Bác Hồ tỏ ra thích thú rõ rệt. Đã dứt tiếng đàn, Bác mỉm cười, gật gù:

- Chú đánh hay đấy... nhưng mà... - Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã rời cây đàn, đứng nhìn Bác, chờ đợi. - Nhưng mà, chú đã đánh được bài *Kết đoàn* chưa?

Thật là bất ngờ, nhà tướng như bị đột kích, tuy nhiên anh tươi cười thưa với Bác:

- Dạ, chưa.

Bác Hồ còn tươi cười hơn, rồi Bác cười thật sự mà rằng:

- Đánh giặc, chú đánh cả trận to lẫn trận nhỏ. Đánh đàn, chú phải đánh cả bài khó lẫn bài dễ mới là giỏi. Bài *Kết đoàn* ai cũng hát, chưa đánh được bài *Kết đoàn* thì chưa giỏi, hà hà...

Cái bài ca ngắn ngủi, bé nhỏ kia, từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở mọi nơi, dường như ai cũng biết hát thật. Chính Bác Hồ đã từng có lần bắt nhịp cho chúng ta cùng hát bài *Kết đoàn* ấy. Nhưng có ngờ đâu Bác lại yêu cầu đánh bài ấy trên phím đàn pi-a-nô? Vì một lẽ đơn giản là chưa có ai viết bài ca bé nhỏ ấy cho đàn pi-a-nô.

Vậy là, trong buổi tối mùa thu này, đồng chí Võ Nguyên Giáp đành chịu lỗi với Bác. Có lẽ, đây là lần đầu anh chịu lỗi như thế.

Nhưng, ngay ngày hôm sau, không biết có phải nhà tướng coi ý của Bác như một mệnh lệnh quân sự, anh nói với người bấy nay vẫn hướng dẫn cho mình tập đàn hãy soạn bài ca *Kết đoàn* thành bài cho pi-a-nô. Và khi có bài *Kết đoàn* cho pi-a-nô rồi, anh đã tập một cách hào hứng và nghiêm chỉnh.

Chả bao lâu, bài *Kết đoàn* được nhà tướng đánh một cách trơn tru. Điều ấy có khó gì đâu. Vì anh đã từng đánh được những bài khó của bộ sách đàn cổ điển.

Chỉ có điều, cho đến mãi mãi về sau này, trên phím đàn pi-a-nô, anh Văn không bao giờ có dịp được đánh bài ca *Kết đoàn* cho Bác Hồ nghe nữa. Bác đã đi xa...



Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đoàn văn công Việt Nam vừa đi dự
ĐH Thanh niên và Sinh viên thế giới tại Viên - Áo (6/1/1960)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

ĐÓN XUÂN, VUI TẾT VỚI BÁC HỒ

LƯU TRÙNG DƯƠNG

Là một người lính của bộ đội Liên khu 5, tôi rời Sư đoàn 324 về nhận nhiệm vụ biên tập ở báo *Sinh hoạt Văn nghệ* (tiền thân của Tạp chí *Văn nghệ quân đội*) vào khoảng cuối mùa thu năm 1956.

Những ngày kháng chiến chống Pháp ở Khu 5, cũng như những ngày đóng quân ở Thanh Hoá, Nghệ An... sau khi tập kết ra Bắc - mái ấm của tôi và anh em đồng đội đều là nhà dân, mái ấm của đồng bào mà chúng tôi coi không khác nào ruột thịt. Về với ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế, dù kiểu kiến trúc không ra dáng vẻ một doanh trại lần đầu tiên trong cuộc đời bộ đội. Vốn xuất thân cùng một sư đoàn, tôi và Nguyễn Ngọc lại được xếp ở chung một phòng, - lán giềng gần gũi nhất là anh Thanh Tịnh. Báo *Sinh hoạt Văn nghệ* vừa phát hành số cuối năm, trong đó tôi sung sướng góp bài thơ "*Cùng đi trên đường quốc lộ*", in ở trang nhất. Và tất cả anh chị em trong Toà soạn đang khẩn trương sửa soạn cho Tạp chí *Văn nghệ quân đội* được sinh thành.

Thấm thoát mấy tháng trôi qua... thế là đến Tết. Tôi không nhớ rõ năm âm lịch, chỉ còn nhớ đó là vào đầu năm 1957, Tạp chí *Văn nghệ quân đội* đang in số đầu tiên. Đó cũng là cái Tết thứ hai của chúng tôi trên miền Bắc kể từ ngày con sông Hiền Lương, hiền lành như một dải lụa mềm óng ả, bỗng trở thành một lưỡi kiếm thép cắt ngang giữa mình Tổ quốc... như một nhà thơ nước ngoài đã viết.

Sáng mùng một Tết năm ấy, sau đêm giao thừa thức rất khuya, lúc tôi và Nguyễn Ngọc còn đang gác chân nhau ngủ say,

bỗng có tiếng gõ cửa dồn dập. Chúng tôi choàng dậy: một đồng chí cán bộ của Văn phòng Tổng cục Chính trị, cùng với đồng chí thường trực của Toà soạn, xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Không quá một giây, đồng chí cán bộ Văn phòng Tổng cục Chính trị nói ngay: "Tôi được lệnh đưa các đồng chí đến Chủ tịch phủ để chúc Tết Bác Hồ. Các đồng chí sửa soạn khăn trương, ta đi ngay!...".

Trời ơi, tôi phát run lên vì nỗi sung sướng quá bất ngờ!... Gặp Bác! Tôi sắp được gặp Bác Hồ! Bao nhiêu năm rồi tôi mong đợi giờ khắc này đây!...

Ngồi trên xe, dọc đường đi đến Phủ Chủ tịch, tôi bỗng nhớ lại hình ảnh lời nói... của Bác Hồ khi tôi được gặp Bác lần đầu. Ngày ấy cách đây đã gần mười hai năm. Lúc bấy giờ tôi còn là một học sinh trường Chu Văn An (trước Cách mạng tháng Tám thường gọi là trường Bưởi). Chúng tôi vừa mới tựu trường chưa được bao lâu. Bác Hồ vừa từ nước Pháp về tới Hà Nội, sau một cuộc hành trình dài ngày, một cuộc thương thuyết đầy gian truân, phức tạp. Hôm ấy, chúng tôi đang giờ lên lớp. Không rõ nhà trường có được thông báo trước hay không chứ học sinh chúng tôi thì tuyệt nhiên không có người nào biết trước niềm hạnh phúc bất ngờ này...

... Bác Hồ đột ngột xuất hiện trước cửa lớp, nhanh nhẹn mà ung dung bước thẳng đến chỗ chúng tôi đang đứng, sau lưng Bác là thầy Hiệu trưởng và một đoàn cán bộ mà chúng tôi chưa biết mặt. (Thực ra, trước đó một tích tắc, tất cả học sinh chúng tôi đứng vụt dậy, mừng vui đến nghẹn ngào...). Bác đến ngay bên cạnh hàng ghế đầu. Vì là học sinh nhỏ trong lớp, tôi may mắn được ngồi ở hàng đầu, nhờ thế mà được gần Bác hơn, so với các bạn... Mới đây mà đã hơn mười hai năm...

Tôi đã xa trường, xa lớp, xa Hà Nội... hơn mười năm. Lần đầu được gặp Bác Hồ, tôi là một cậu học trò nhỏ, được Bác đến ngay bên cạnh bàn học, ân cần dạy bảo. Cậu học trò nhỏ ấy đã nghe lời Bác gọi, đã làm theo lời Bác dạy, cùng thế hệ mình đi

đánh giặc mười năm... Để giờ đây, được trở về Hà Nội, được gặp Bác lần thứ hai... Trong tâm trạng bồi hồi bồi hồi của một đứa con được về thăm Cha, sau 10 năm xa cách và riêng phần mình thì đã lớn khôn...

... Trong gian phòng họp rộng lớn của Phủ Chủ tịch buổi sáng hôm đó, tôi nhận ra nhiều gương mặt quen thân là đồng đội Khu 5, và nghe giọng nói tôi biết hầu hết số anh chị em có mặt đều quê ở miền Nam.

Mọi người đang yên lặng chờ đợi, bỗng đột nhiên có hàng loạt tiếng reo: "Bác đến! Bác đến!...". Tất cả đều đứng dậy, rất đều, rất nhanh...

Bác Hồ vẫn với tác phong vừa nhanh nhẹn, vừa ung dung như mọi lúc, đang rảo bước từ phía cuối gian phòng đi lên phía trước. Bác vừa đi vừa đưa tay ra hiệu bảo mọi người ngồi xuống. Đôi mắt Bác cười rất vui...

Buổi họp mừng xuân với Bác Hồ năm ấy dù chỉ kéo dài được khoảng hai giờ, song, mọi hình ảnh, màu sắc âm thanh buổi ấy sẽ mãi mãi ghi sâu, in đậm trong tâm hồn tôi...

Tôi nhớ rõ bầu không khí vui vầy, đầm ấm giữa người Cha kính yêu với đàn con thương nhớ, vừa được quây quần bên nhau sau những năm dài xa cách.

Ngay từ những lời mở đầu rất hóm, rất vui, Bác đã tạo nên bầu không khí chan hoà, thân mật ấy: "Hôm nay, Bác ăn Tết với các cháu miền Nam. Bác đãi các cháu ba món: bánh, kẹo và nước chè. Bánh thì mỗi người một cái, kẹo thì hai cái một người. Còn nước chè... nước chè thì... (Bác bỏ lửng, dừng một tí rồi mới nói tiếp)... nước chè thì... uống tự do!". Hàng trăm tiếng cười giòn cùng cất lên một lúc.

Khi đã ngót tiếng cười trong phòng họp, Bác Hồ nói chuyện tiếp. Rồi Bác hỏi: "Các cháu ăn Tết Hà Nội có vui không?". Nhiều giọng nói Nam Bộ trả lời: "Dạ vui". Bỗng xen vào một giọng nữ Khu 5: "Dạ vui... nhưng mà nhớ nhà quá, Bác ạ".

Bác Hồ mỉm cười, vẫy tay về phía đứa cháu gái miền Trung: "À, cháu bảo nhớ nhà, phải không? Thế thì phải định nghĩa: "nhà" là cái gì đã chứ. Nào, thế cháu nói đi: Nhà là cái gì, nào?...".

Cô nữ văn công còn đang ngồi lặng, lúng túng, Bác Hồ lại mỉm cười, đỡ lời: "Có phải nhà là nơi ta ăn ở, ta làm việc, ta học hành... phải không nào?...".

- Dạ, thưa phải ạ, - Cô nữ văn công ấp úng trả lời.

- Ồ, nếu thế thì hiện nay các cháu không có nhà à? Sao lại không có! Nhà ở đây chứ ở đâu? Sao lại còn nhớ nhà nhỉ?...

Tiếng cười lại rộ lên khắp phòng họp.

Cô nữ văn công đỏ bừng khuôn mặt, đôi mắt chớp chớp, rung rung như sắp phát khóc. Một lần nữa, Bác Hồ lại đỡ lời cho đứa cháu gái:

- Bác nói thế chứ các cháu nhớ nhà cũng tốt thôi. Có điều là nhớ nhà như thế nào đây? Nhớ miền Nam, phải làm gì đây?... Nhớ nhà, nhớ miền Nam thì phải cố gắng công tác, cố gắng học tập, làm thật tốt nhiệm vụ của mình vì đồng bào miền Nam ruột thịt. Chớ đâu có nhớ nhà, nhớ miền Nam bằng cách trùu chần nằm khóc, có phải không nào?...

- Dạ phải ạ! Thưa Bác, phải ạ! - Hàng loạt tiếng thưa đáp lời Bác lại vang lên, sôi nổi mà trang nghiêm như một lời hứa hẹn đinh ninh.

Đến những phút cuối của buổi họp mừng xuân, Bác Hồ bảo mọi người ra đứng trên bậc thềm cao để chụp ảnh làm kỷ niệm. Tất cả hàng trăm người, không trừ một ai, đều muốn chen vào đứng gần bên Bác. Các đồng chí nữ văn công, dù sao cũng không đủ sức đua chen với các bạn trai, thế là bị lấn, bị đẩy ra tận các hàng đứng ở ngoài cùng, đành phải nhường các vị trí may mắn nhất cho những người đồng đội khác giới.

Nhưng, nỗi buồn của các cô cháu gái đã được Bác cảm thông, giải toả kịp thời. Bác khoát tay, nói to: "Các cháu giữ trật

tự! Xếp hàng theo thứ tự. Bác bố trí đây: - Ai thấp đứng trước, ai cao đứng sau. Các cháu gái, vì hiếm hoi hơn các cháu trai, nên được xếp hàng ở giữa, đứng gần Bác, rồi mới đến các cháu trai. Thế nhé!...".

Ý kiến của Bác Hồ như thế là rõ. Mọi người răm rắp làm theo lời Bác, xếp hàng, ổn định đội hình để chờ chụp ảnh, được khoảng 5, 7 phút vẫn chưa thấy phóng viên nhiếp ảnh ở đâu. Một lát sau, anh mới xuất hiện, vai mang một chiếc máy ảnh cỡ lớn, tay xách một cái giá ba chân khá kèn càng. Anh vội vã đi đến chỗ Bác Hồ đứng: "Thưa Bác, cháu xin lỗi đã để Bác và các đồng chí phải chờ lâu: vì cháu phải tìm cái: "Chân máy" ạ. (Một bộ phận của máy ảnh cỡ lớn, thường gọi bằng tiếng Pháp là "trépied", tức là cái giá ba chân).

Anh phóng viên nhiếp ảnh đang lo sợ bị khiển trách. Anh không ngờ lại được nghe Bác Hồ nói đùa rất vui: Ồ, chỉ có điều là: đứng đợi cho chú tìm được cái "chân máy" thì cái "chân của người" mới nhừ, e đứng không nổi"... Những tiếng cười giòn giã lại cất lên. Anh phóng viên nhiếp ảnh, tuy đang áy náy vì sự chậm chạp của mình, cũng phải bật cười theo.

Chụp ảnh xong, Bác bảo: "Nào, bây giờ các cháu đứng nguyên tại chỗ, cùng hát bài "Kết đoàn". Bác đưa tay đánh nhịp. Bài hát "Kết đoàn" quen thuộc đến mức thân thiết, cất lên, vang xa trên khu vườn rộng lớn, và lan toả trên bầu trời xuân Hà Nội...

Khi chúng tôi chấm dứt bài hát, chủ ý tìm Bác Hồ, thì Bác không còn đứng ở đó nữa. Bác đã đi từ lúc nào, chúng tôi không rõ...

*

* *

Trên đường về ngôi nhà 4 Lý Nam Đế, tôi và Nguyên Ngọc không nói với nhau một lời nào. Tận trong tâm khảm của mình, chúng tôi muốn ghi khắc tất cả những điều đã cảm, đã thấy, đã nghe, chúng tôi muốn tập trung trí tuệ, tình cảm để được tận

hường niềm hạnh phúc đã mong ước từ lâu mà giờ đây lại đến với chúng tôi quá bất ngờ.

Mấy ngày nghỉ Tết còn lại sau đó, tôi không đi chơi xuân, cũng không đến thăm ai cả, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi viết. Những bài thơ đầu tiên của tôi viết ở Hà Nội, tại Toà soạn Tạp chí *Văn nghệ quân đội* những ngày còn trúng nước, là thơ viết về Bác Hồ, là thơ ghi lại những cảm nhận của tôi khi trực tiếp được nghe lời Bác dạy, trong buổi đầu xuân năm ấy. Và chuyển đi công tác, chuyển đi viết đầu tiên của tôi, sau ngày trở thành biên tập viên của tạp chí, là chuyển đi về Nghệ An, Nam Đàn, làng Sen, làng Chùa... quê hương Bác. May mắn thay, ở đó, Sư đoàn 324 của tôi đang luyện tập, đang lao động, đang lớn lên trong tấm lòng đùm bọc của nhân dân.

Tôi vẫn thường nghĩ: trong cuộc đời cầm bút của mình, đây là thời kỳ tôi viết rất khoẻ, viết khá hơn cả. Và sợi chỉ đỏ xuyên suốt những bài thơ đó là lời dạy của Bác Hồ, ngay trong những ngày đầu tôi được sống và viết giữa ngôi nhà số 4 đường Lý Nam Đế, Hà Nội thân yêu.

NĂM ẤY CHÚNG TÔI LÀM TẬP SÁCH VỀ BÁC HỒ

NGUYỄN GIA NÙNG

Một ngày đầu tháng 4 năm 1965, khi đang làm công tác biên tập ở một nhà xuất bản, vừa đi công tác xa về, tôi được cùng đồng chí Tổng biên tập lên gặp đồng chí Hoàng Quốc Việt để nhận chỉ thị ra một tập sách đột xuất.

Sách gì mà quan trọng vậy?

Đồng chí Hoàng Quốc Việt lúc lấy là Chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam. Đối với Nhà xuất bản của giai cấp công nhân, đồng chí luôn quan tâm, nhưng chỉ những cuốn sách nào đặc biệt quan trọng, chúng tôi mới phải xin chỉ thị trực tiếp của đồng chí. Cuốn sách này thật bất ngờ và là niềm vui lớn đối với chúng tôi. Số là, dịp ấy nhân kỷ niệm 75 năm ngày sinh của Bác (19-5-1890 – 19-5-1965), nhiều nhà xuất bản ở Trung ương và địa phương đã chuẩn bị ra một tập sách về Bác, nhưng khi biết chuyện, Bác đã đề nghị để lại. Bác nói đại ý: Tình hình đất nước đang chuyển sang giai đoạn mới, có nhiều khó khăn, giấy bây giờ cần ưu tiên trước hết cho các cháu học chữ không phải in sách về Bác.

Chúng ta nhớ lại lúc ấy ở miền Nam, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đã bị phá sản, nhưng chúng ngoan cố chuyển cuộc "chiến tranh đặc biệt" thành "chiến tranh cục bộ" đưa quân Mỹ và quân chư hầu ồ ạt vào miền Nam, tăng nhanh số quân nguy, hòng tạo nên một bước nhảy vọt về so sánh lực lượng có lợi cho chúng, đồng thời liên lĩnh tiến hành "leo

thang" cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ngày càng ác liệt đối với miền Bắc. Cần phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để có thể đương đầu với thử thách lớn hơn nhiều so với giai đoạn trước đó.

Nhưng ý kiến của Bác khiến nhiều người băn khoăn. Có những tư liệu rất quý về đời hoạt động của Bác nếu không kịp thời ghi lại, còn đợi đến bao giờ? Càng về sau sẽ càng khó khăn, có những tư liệu quý sẽ mất đi không bao giờ tìm lại được. Mà Bác thường rất ít nói về mình. Sau này chúng tôi được biết thêm: Cũng thời gian ấy có những đồng chí ở Trung ương đã hoàn thành những bản thảo, những tập hồi ký, những mẩu chuyện rất có giá trị về đời hoạt động của Bác, nhưng phải đành tạm thời để lại.

Không chỉ trong sách văn học mà cả một số ngành nghệ thuật cũng có chuyện tương tự. Sau này, đồng chí Hà Huy Giáp kể: Khi nghe ở hợp tác xã đúc đồng Trúc Sơn có một lão nghệ nhân đã từ lâu tích lũy đồng, chuẩn bị đúc một pho tượng Bác (đồng chí Hà Huy Giáp lúc ấy là Phó Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, đặc trách phần văn hoá, văn nghệ). Bác nói: Đồng bây giờ là nguyên liệu chiến lược, phải dành ưu tiên cho yêu cầu quốc phòng. Nếu các chú thấy thừa đồng rồi, cần đúc tượng thì trước hết hãy đúc tượng nhân dân! Phê bình rất nghiêm khắc rồi, Bác mới nói thân mật: Các chú thử nghĩ xem, một mình Bác thì làm được gì, nếu không có nhân dân anh hùng, không có hàng vạn, hàng triệu cán bộ, đảng viên?... "*Mong manh áo vải hồn muôn trượng/ Hơn tượng đồng phơi những lối mòn*". Sau này, đồng chí Tố Hữu đã viết như thế trong bài thơ "*Bác ơi!*" ngày Bác đi xa, chắc cũng lấy từ câu chuyện trên.

Trở lại về tập sách năm ấy.

Ngay từ cuối năm trước, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã trực tiếp báo cáo với Bác xin cho Nhà xuất bản của giai cấp công nhân ra một tập sách nhỏ về giai cấp công nhân và những người lao động nói chung đối với Bác. Ý đồng chí Hoàng Quốc Việt rất tế nhị: Đây không chỉ là tập sách viết riêng về Bác mà chủ yếu

nói lên những tình cảm gắn bó của công nhân đối với lãnh tụ của mình. Trước cách đặt vấn đề như vậy, Bác còn hứa để lại cân nhắc, được đồng chí Vũ Kỳ ủng hộ, nói thêm, cuối cùng được Bác chấp nhận.

Đó là cuốn sách duy nhất nói về Bác được in ra vào dịp tháng 5 năm ấy. Thật là một điều vui mừng, vinh dự lớn đối với Nhà xuất bản của giai cấp công nhân nói chung, đồng thời chúng tôi cũng thấy trách nhiệm thật nặng nề của những người làm công tác biên tập.

Hôm ấy là ngày mùng 5 tháng 4. Nghĩa là chỉ còn vắn vẹn 45 ngày nữa là đến kỷ niệm ngày sinh của Bác. Sách mừng ngày sinh của Bác phải ra được trước ngày 19 tháng 5 mới đáp ứng được lòng mong đợi của mọi người.

Làm thế nào trong một thời gian ngắn ngủi trên dưới 45 ngày có thể tổ chức viết, biên tập và in ấn, phát hành kịp thời đối với một tập sách quý như vậy? Chỉ nói riêng việc đưa in một cuốn sách trung bình khoảng trên dưới 200 trang của Nhà xuất bản lúc ấy, nhanh cũng phải ba tháng. Điều làm chúng tôi đặc biệt phấn khởi và cũng hết sức lo lắng khi được biết Bác có dặn là để cho Bác được đọc bản thảo trước khi đưa in.

Được Bác trực tiếp làm "Tổng biên tập" duyệt cho bản thảo thật là điều vượt quá mơ ước đối với cả những người viết, người cán bộ biên tập bình thường như chúng tôi. Ai cũng biết Bác là một nhà báo, nhà văn, nhà biên tập lớn, từng viết và biên tập bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, nhưng khi trở về đất nước, Bác vẫn giữ lối viết rất giản dị, trong sáng, đậm đà bản sắc dân tộc, được Bác đọc và góp ý cho, thật quý, làm thế nào để khỏi phụ sự quan tâm và lòng tin yêu ấy của Bác?

Chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị đề cương và cử những cán bộ biên tập có kinh nghiệm toả đi các nơi để tổ chức bản thảo. Lúc này chúng tôi mới hiểu ra ý sâu xa của Bác: đồng chí Hoàng Quốc Việt báo cáo, xin ý kiến Bác từ cuối năm trước, nhưng Bác để mãi

tới lúc này mới chấp nhận còn có ý để chúng tôi phải làm sách thật gọn, nhẹ, mỏng thôi, không thể làm dày, công phu được.

Theo đề cương, chúng tôi tạm chia ra ba loại đối tượng có bài viết trong tập này. Một là, những người đã có may mắn được sống gần Bác. Hai là, những người đã được gặp Bác trong hoàn cảnh nào đó kể lại. Ba là, những người có thể chưa được gặp Bác bao giờ như đồng bào miền Nam và nhiều vùng xa xôi khác của đất nước nhưng vẫn có những kỷ niệm sâu sắc, những câu chuyện nói lên những tấm lòng của nhân dân đối với lãnh tụ.

Trong ý nghĩ của chúng tôi, đóng vai trò chủ lực trong tập sách phải là những người thuộc đối tượng thứ nhất vì những người này mới có những tư liệu quý về Bác. Tất nhiên, ở đối tượng này, ngoài những đồng chí làm nhiệm vụ lái xe, nấu ăn, bảo vệ... đa số nay đã là những cán bộ cách mạng hoạt động lâu năm, là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Chúng tôi cũng mời thêm một số nhà văn, nhà báo làm công việc ghi chép đối với những người có tư liệu nhưng ít có điều kiện tự thể hiện.

Kết quả công việc thật bất ngờ. Chỉ hơn 20 ngày sau, số bài vở nhận được đã vượt xa dự kiến ban đầu và còn tiếp tục thêm nữa. Điều đặc biệt cảm động là khi về các địa phương để gặp nhiều người, đề nghị cộng tác bài cho tập sách, ngoài việc kể lại, viết lại những mẩu chuyện, những kỷ niệm về Bác, nhiều người còn qua chúng tôi, nhờ chuyển lên Bác một số quà nhỏ và thư chúc mừng nhân dịp mừng kỷ niệm ngày sinh của Bác.

Có những món quà đơn sơ nhưng thật cảm động mà khi nhận chuyển, tôi không cầm được nước mắt, như một đồng chí thương binh hỏng mắt (đồng chí này bị thương trong chiến dịch Điện Biên Phủ) nhờ chuyển lên Bác tập sưu tầm những bức vẽ chân dung Bác của bộ đội. Tập sưu tầm này, đồng chí đã làm từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi đồng chí còn là một thiếu sinh quân. Suốt trong những năm chiến đấu trên các chiến trường, đồng chí bị thương nhiều lần, nhiều tư trang, vật kỷ niệm riêng không còn nhưng bộ sưu tập vẫn được bảo

quần chu áo và ngày càng phong phú hơn lên. Nay mắt không còn nhìn rõ nữa, nhưng đồng chí vẫn hình dung ra rất rõ và chỉ cho tôi từng bức hoạ, nói rõ lai lịch của nó ở mỗi thời điểm lịch sử trên những chặng đường hành quân. Có chiến sĩ vẽ chân dung Bác trên báo tường dựa theo hình đầu tiên in trên tờ giấy bạc đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Có bức vẽ từ trong rừng sâu, người vẽ chỉ hình dung Bác qua trí nhớ. Nhiều "tác giả" của bức hoạ này đã không còn nữa. Gửi tập sưu tầm này lên Bác, đồng chí muốn nói lên tấm lòng kính yêu của những "Anh bộ đội Cụ Hồ" đối với Bác.

Như vậy là đồng thời với việc chuyển bản thảo lên để Bác duyệt, chúng tôi còn vinh dự được chuyển luôn những món quà đó lên Bác. Không khí làm việc của Nhà xuất bản trong những ngày ấy thật sôi nổi, khẩn trương, vui như chuẩn bị Tết.

Những đồng chí biên tập viên, những người được cử đi viết bài ở các nơi, khi về, say sưa kể lại những tư liệu mới sưu tầm được, những câu chuyện cảm động mà mình được chứng kiến. Cũng có những trường hợp mà chúng tôi xuýt xoa tiếc vì nếu công việc được tiến hành sớm hơn thì tư liệu sẽ còn tốt hơn nhiều vì những "nhân vật chính" nay đã không còn, chỉ được nghe người khác kể lại. Như trường hợp ông già Thuyết ở xóm Ngõ Nghè, Hải Phòng.

Ông Thuyết vốn là bạn của Bác từ những ngày Bác nhận làm bồi tàu trên chiếc tàu của Pháp để ra đi tìm đường cứu nước. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, sau chuyến đi thăm nước Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp trở về Bác có dừng lại ở Hải Phòng. Hay tin, ông già Thuyết đã tìm đến gặp Bác. Ông Thuyết lúc này đã già yếu, mắt lại loà, sống với gia đình cháu nghèo trong ngõ hẻm. Bà con xóm phố ít ai để ý đến ông. Nay thấy ông phấn chấn như trẻ trở lại, ông tắm rửa sạch sẽ, lục dưới đáy vali cũ lấy ra một bộ quần áo dạ đen cũ, chưa ai thấy ông mặc bao giờ, vừa làm vừa lẩm nhẩm hát một bài hát tiếng Pháp. Sau khi quần áo đã chỉnh tề, ông kêu đứa cháu gái nhỏ dẫn ông

đi gặp Bác. Biết chuyện ai cũng lo ngại và can ngăn nhưng ông già Thuyết vẫn không đổi ý. Mấy chục năm qua, bao nhiêu "vật đổi sao dời", Bác đã là Chủ tịch nước, còn ông già Thuyết là một người dân thường, già yếu, mắt mờ, chân chậm, hình dạng khác xưa rất nhiều. Vậy mà ngay từ phút đầu, ông Thuyết vừa vào đến sân, từ trong nhà khách bước ra, Bác đã nhận ra bạn cũ, gọi tên. Ông già Thuyết cảm động khóc, không nói lên lời khi Bác nắm tay mình trong bàn tay trù mến, Bác ân cần và khi ông lập cập "Xin thưa Hồ Chủ tịch...", Bác đã ngăn lại, nói "Cứ gọi tôi là Ba như những ngày trước" (tên gọi của Bác khi làm bồi tàu). Và tình cảm bạn bè thủy chung của Bác sau đó đối với ông già Thuyết thật cao quý, cảm động. Tiếc rằng khi chúng tôi sưu tầm được câu chuyện này thì ông già Thuyết mất cách đó mấy năm, chỉ những người trong gia đình ông kể lại.

Mẫu chuyện kể trên, cùng với một số mẫu chuyện quý khác sau này được in lại nhiều lần, kể cả trong sách giáo khoa. Dù đã đọc nhiều lần, nhưng chúng tôi vẫn không quên những cảm xúc ban đầu khi chúng tôi được tiếp nhận và chứng kiến những "nhân chứng", "vật chứng", của những câu chuyện như thế. Chuyện kể của chị Nông Thị Trưng ở Cao Bằng, người dân tộc Tày được Bác giới thiệu vào Đảng. Chuyện đồng chí Vũ Anh được Bác dạy chữ và những bài học cách mạng vỡ lòng những ngày ở Pắc Bó. Chuyện bác sĩ Vũ Đình Tụng được Bác gửi thư chia buồn khi Bác biết tin con trai của bác sĩ hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Chuyện một người thương binh bị hỏng mắt được Bác gửi cam ngày Tết. Chuyện gia đình một chị công nhân vệ sinh ở Hà Nội được Bác đến thăm, chúc Tết đêm giao thừa. Chuyện của một đồng chí đã từng nấu ăn cho Bác kể có lần chỉ bộ phải họp, ra nghị quyết đề nghị Bác phải ăn cơm không dọn để bảo vệ sức khỏe làm việc; một kiến trúc sư được thiết kế ngôi nhà sàn ở trong Chủ tịch phủ hiện nay cho Bác nhưng phải tranh thủ làm trong thời gian Bác đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa anh em vì lo nếu ở nhà, Bác sẽ ngại tốn kém không cho phép...

Chuyện một nữ thanh niên Mỹ gửi thư cho Bác nhân kỷ niệm ngày sinh của Bác kể với Bác về phong trào thanh niên, sinh viên Mỹ đấu tranh đòi nhà cầm quyền Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, bản thân cô bị chính quyền Mỹ bắt giam nhiều lần, cô vẫn là một chiến sĩ kiên cường, một trong những người lãnh đạo của phong trào. Cô còn cho biết đã thuộc rất nhiều bài thơ trong tập *"Nhật ký trong tù"* của Bác dịch ra tiếng Anh, phát hành rộng rãi ở Mỹ. Những bài thơ đó đã tiếp cho cô và đồng đội của cô thêm nghị lực, v.v..

Rất nhiều chuyện cảm động, hấp dẫn, nhiều tư liệu quý. Bài vở gửi về, chúng tôi tiến hành khẩn trương phân loại, biên tập, đánh máy, sắp xếp... Nhờ sự cố gắng chung của tập thể, trước hết là của đông đảo đồng chí, đồng bào ở khắp nơi với tình cảm thiêng liêng và nhiệt tình lớn lao với tập sách nên tập bản thảo đầu tiên dày tới hơn 300 trang đánh máy, nếu in khoảng 450 trang in khổ 13x19.

Đồng chí Tổng biên tập của chúng tôi đã đọc lần cuối cùng và chuyển lên Bác ngày 7 tháng 5.

Những ngày tiếp theo đó, đối với chúng tôi thật hồi hộp. Thời gian tổ chức viết và biên tập ngắn quá, dù cố gắng đến mấy cũng không ai dám nhận là bản thảo đã có chất lượng cao và tránh được mọi sai sót có thể xảy ra. Phạm vi hiểu biết và điều kiện của chúng tôi lại quá hạn chế trước một chủ đề lớn và quan trọng của tập sách. Và Bác sẽ đọc trong bao lâu? Đọc duyệt một bản thảo được in khác xa với cách đọc với một tập sách đã in hoàn chỉnh. Có nhiều vấn đề cần suy nghĩ, cân nhắc, xác minh mới có thể kết luận được.

Bác bận trăm công nghìn việc, mà thời gian thì gấp quá rồi còn sửa chữa, hoàn chỉnh, in ấn... Làm thế nào để kịp phát hành trước ngày 19 tháng 5?

Các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Trần Danh Tuyên cũng nóng ruột, điện hỏi liên tục. Không thể giục Bác đọc nhanh, càng

không thể đề xuất thời hạn cho Bác đọc xong bản thảo vào lúc nào được.

Mấy lần chúng tôi đánh bạo gọi điện cho đồng chí Vũ Kỳ, nhờ đồng chí quan tâm và tạo điều kiện giùm sao đó để chúng tôi có thể sớm nhận được ý kiến của Bác. Lần nào đồng chí Vũ Kỳ cũng vui vẻ trả lời và động viên chúng tôi yên tâm. Qua đường dây điện thoại, có lúc tôi hình dung đồng chí Vũ Kỳ đang trả lời chúng tôi, còn mỉm cười đôn hậu nữa. Chắc chắn đồng chí cảm thông với sự nóng ruột, bồn chồn của chúng tôi.

16 giờ ngày 13 tháng 5 chúng tôi nhận được tin vui: Bác đã đọc xong, Nhà xuất bản cử người lên nhận lại bản thảo và những ý kiến của Bác. Vậy là chưa đầy 6 ngày, Bác đã duyệt xong.

Khi nhận lại bản thảo và tiếp thu những ý kiến của Bác, chúng tôi càng ngạc nhiên và thú vị hơn nữa. Bác khen sự cố gắng, nhưng trách chúng tôi ham ra sách dày và chỉ ra nhiều điều cụ thể rất bổ ích với người viết và làm công tác biên tập. Trên rất nhiều trang bản thảo có bút tích của Bác bên lề bằng chữ bút bi đỏ không chỉ những vấn đề thuộc nội dung mà cả cách dùng chữ, cách đặt câu. Bác đánh dấu X ở nhiều bài, đề nghị chúng tôi xem xét để lại sau. Điểm lại những bài ấy, chúng tôi giật mình: hầu hết đều rơi vào bài của những đồng chí hiện là cán bộ cao cấp, đã được gần Bác nhiều, dù có đồng chí khi viết đã ký bút danh khác đi.

Sau này đồng chí Vũ Kỳ kể lại, lúc ấy Bác nói vui: "Các chú ấy ở gần Bác mà viết nhiều về Bác là "mèo khen mèo dài đuôi!". Nhưng cái chính là Bác không muốn sách viết về Bác lại ra dày. Những bài viết, những đoạn văn ca ngợi Bác với những từ ngữ lớn lao Bác đều đề nghị bỏ. Nhiều chi tiết sự kiện có tính lịch sử viết chưa chính xác, Bác sửa lại hoặc đề nghị xem xét thêm. Những bài đề nghị xem xét lại, qua đồng chí Vũ Kỳ, Bác còn dặn chúng tôi: nói sao đó là ý kiến của Nhà xuất bản để người viết chưa được sử dụng bài vẫn yên tâm vui lòng, đừng nói ý kiến của Bác yêu cầu để lại, tránh những suy nghĩ không đúng, không cần thiết.

Trong số những bài viết Bác yêu cầu để lại, chúng tôi băn khoăn nhất là bài viết của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế lúc ấy. Bác sĩ Thạch là một trong những trí thức đã từ Pháp về, được gần Bác lâu, có rất nhiều kỷ niệm quý, rất ân tình với Bác, lại rất nhiệt tình muốn được có bài trong tập sách, tự tay mình viết bài và đã sửa đi sửa lại hai lần theo yêu cầu của chúng tôi. Bây giờ bài viết phải để lại, thật khó nói.

Chúng tôi xin ý kiến đồng chí Vũ Kỳ để tìm cách nói cho bác sĩ Thạch vui lòng. Cuối cùng cũng tạm ổn, bài viết của bác sĩ sẽ để lại, chờ hoàn chỉnh thêm, sau này có dịp sẽ đưa vào tập sách viết về đồng bào miền Nam với Bác.

Có thể nói, qua tập bản thảo nhận về, chúng tôi rút ra được bao nhiêu bài học bổ ích về công tác biên tập, kể cả cách ứng xử với từng loại cộng tác viên tham gia tập sách.

Cảm động hơn nữa là khi nhận lại bản thảo, chúng tôi còn nhận được cả một số thư của đồng chí Vũ Kỳ được sự uỷ nhiệm của Bác viết trả lời, cảm ơn những người mà hôm trước đã gửi quà thư từ lên chúc thọ Bác do chúng tôi chuyển...

Ít hôm sau, ngày 19 tháng 5 chúng tôi được biết, Bác gửi quà cho nhiều người, trong đó có những người được Bác quan tâm nhất vẫn là các đồng chí thương, bệnh binh nặng, những người cao tuổi vẫn còn có những cống hiến quý báu, những bà mẹ anh hùng có thành tích trong thời gian gần đây, v.v..

Chúng tôi chia nhau khẩn trương hoàn chỉnh lại bản thảo lần cuối cùng trước khi đưa in dựa theo những ý kiến chỉ bảo của Bác và đề nghị đồng chí Hoàng Quốc Việt viết *Lời giới thiệu*,

Chiều ngày 16 tháng 5, bản thảo đã hoàn chỉnh, kê cả bìa, ảnh phụ bản, ma kết - và được chuyển xuống nhà máy in Tiến Bộ.

Các đồng chí công nhân, cán bộ Nhà máy in Tiến Bộ đã dành cho tập sách một sự ưu tiên đặc biệt. Mặc dù công việc của Nhà máy lúc này đã rất khẩn trương, có nhiều việc đột xuất, một bộ phận Nhà máy còn phải lo chuẩn bị sơ tán để đối phó với mọi

tình huống xấu nhất do cuộc leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ có thể xảy ra, nhưng hầu như ở các khâu của dây chuyền sản xuất đều sẵn sàng dành cho tập sách bất kỳ lúc nào cần đến.

Mấy anh em cán bộ biên tập chúng tôi thay nhau liên tục có mặt ở Nhà máy 24 trên 24 giờ trong ngày để theo dõi quá trình in và sửa các bản in thử. Thức suốt đêm mà vẫn vui, quên mệt. Và một kỷ lục chưa từng có của Nhà in đã xuất hiện: 2 giờ chiều ngày 18 tháng 5, nghĩa là chưa đầy 2 ngày 2 đêm, tập sách dày trên 200 trang, bìa giấy dày, có hơn 10 ảnh phụ bản đã hoàn thành. Xe ô tô của Quốc doanh Phát hành sách Trung ương và Hà Nội đã chờ ở cổng Nhà máy để nhanh chóng chuyển những cuốn sách còn thơm mùi mực toả đi khắp nơi.

Sách phát hành được dư luận khắp cả nước hoan nghênh nhiệt liệt. Chỉ mấy tháng sau, Nhà xuất bản đã nhận được nhiều yêu cầu của các nơi gửi về đề nghị tái bản, đồng thời chúng tôi cũng tiếp tục nhận được bài vở cho những tập tiếp theo.

Bản thảo tập sách thứ hai, chúng tôi chuẩn bị xong ngay từ đầu năm sau, 1966, với bài vở khá phong phú và báo cáo lên Bác xin được tiếp tục ra vào dịp tháng 5 năm đó.

Nhưng lần này chờ mãi, chúng tôi vẫn không được hồi âm. Nhiều lần trực tiếp hỏi đồng chí Vũ Kỳ, đồng chí đều trả lời Bác chưa có ý kiến. Tập sách đã chuẩn bị xong đành hoãn lại suốt năm này qua năm khác. Cho đến sau ngày 3 tháng 9 năm 1969, ngày Bác đi xa, bản thảo tập 2 mới được khẩn trương chuyển xuống Nhà in.

Bác đã không muốn có nhiều cuốn sách viết về mình, nhất là trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, có nhiều việc cần làm. Nhưng quan tâm đến việc ghi lại những sự tích anh hùng, những "Người tốt, việc tốt" trong quần chúng nhân dân thì không ai quan tâm, nhiệt tình, công phu bằng Bác. Giữa năm 1968, được cùng một số các đồng chí cán bộ biên tập của 6 nhà xuất bản ở Trung ương làm loại sách "Người tốt, việc tốt" do Bác

trực tiếp chỉ đạo, góp ý kiến, chúng tôi càng thấm thía, hiểu sâu sắc điều đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không để lại cho loài người những pho sách đồ sộ, nhưng cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú, sôi nổi của Người suốt hơn nửa thế kỷ khiến chúng ta nghĩ rằng khi Người từ biệt thế giới này ra đi thì những cuốn sách viết về Người mới thật sự bắt đầu. Một chính khách nước ngoài đã nhận xét như thế sau ngày 3 tháng 9 năm 1969.

Với cảm nhận của mình qua việc làm tập sách về Bác năm ấy và mấy năm sau này, tôi thấy điều nhận xét trên đây là rất có cơ sở. Không chỉ chúng ta mà nhiều bạn ở nước ngoài, không chỉ hôm qua, hôm nay mà nhiều thế hệ mai sau chắc chắn sẽ còn tiếp tục viết về Bác, về cuộc đời hoạt động và những gì Bác để lại cho loài người như một đề tài quý báu không bao giờ vơi cạn.

NHỚ BÁC

NGUYỄN ĐĂNG BẢY

Hồi đó là tháng 5 năm 1950, sắp đến dịp mừng thọ Bác 60 tuổi tức là vào đạo Bác viết mấy câu thơ phơi phới lạc quan dưới đây:

*Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên
Ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ
Trần mà như thế kém gì tiên!*

Tôi được vinh dự trên giao cho tổ chức một phòng triển lãm nhỏ, bày một số ảnh chụp chân dung Bác. Tôi chọn đi chọn lại, trong số ảnh tôi đã chụp, được hai mươi kiểu tương đối ưng nhất, loay hoay mãi mới phóng được đủ số ảnh tạm tạm vừa ý. Khỏi phải nói thêm là trong những ngày ở rừng ấy, cánh nhiếp ảnh chúng tôi phải làm trong những điều kiện như thế nào: máy phóng thì chấp vá, thuốc thì pha chế theo lối thủ công, buồng tối là một cái chăn trùm trùm...

"Phòng triển lãm" là một khoang nhỏ, quây cát, trong một ngôi nhà. Sáng hôm 18-5-1950, mọi công việc chuẩn bị xong xuôi, tôi bắt tay vào bày biện trang trí nơi trưng bày.

Sau khi sắp đặt ảnh, bố trí ánh sáng đâu vào đấy, tôi kiểm tra một lần nữa công việc của mình cho hoàn chỉnh. Tôi nghiêng nghiêng ghé ghé, tiến tiến, lui lui, cố tìm xem còn chỗ nào cần phải bổ khuyết. Đang bước lùi lại mấy bước để nhìn cho bao quát, tôi bỗng cảm thấy như có người đứng sau tôi tự lúc nào

không biết. Tôi giật mình quay lại. Và... Các bạn thử tưởng tượng cái cảm giác sững sốt, bàng hoàng, bối rối, pha lẫn chút sợ hãi của tôi lúc bấy giờ... Người đứng sau tôi chính là Bác Hồ.

Vâng! Chính Bác đã lặng lẽ đứng sau, xem xét tôi loay hoay với những bức ảnh của mình.

Bác hỏi, với một nụ cười vui, hoàn toàn không để ý đến lời xin lỗi ấp úng của tôi:

- Chú làm gì vậy?

Kỳ lạ, chỉ có thể thôi mà tất cả nỗi lúng túng, sợ sệt của tôi bỗng tan biến đi. Một lần nữa tôi được thể nghiệm bản thân cái điều gần như là huyền thoại mà anh em thường kể về Bác. Ở Bác toát ra một cái gì làm cho không khí xung quanh, bất cứ trong hoàn cảnh nào, cũng trở nên đầm ấm, thân mật và thoải mái hết sức, khiến cho người lần đầu tiên gặp Bác hết bờ ngỡ rụt rè.

- Dạ thưa Bác, cháu chuẩn bị một số ảnh trưng bày nhân dịp mừng thọ Bác sáu mươi tuổi.

- Các chú chỉ vẽ chuyện. Thế, được bao nhiêu ảnh tất cả?

- Thưa Bác, hai mươi ạ!

Bác mỉm cười:

- Có đúng hai mươi không?

Câu trả lời của tôi có phần kém tự tin hơn, mặc dù tôi biết chắc mình không thể lầm lẫn:

- Dạ... thưa Bác đúng ạ.

Mắt Bác sáng lên một tia sáng vui, rất trẻ:

- Chú cứ thử đếm lại coi!

Lần này thì tôi hoang mang thật rồi. Tôi không dám tin ở mình nữa. Liệu tôi có bỏ sót ở đâu bức nào không? Tôi đảo mắt đếm lại một lượt, hai lượt. Đúng là hai mươi bức, có nhiều nhận gì mà lầm được.

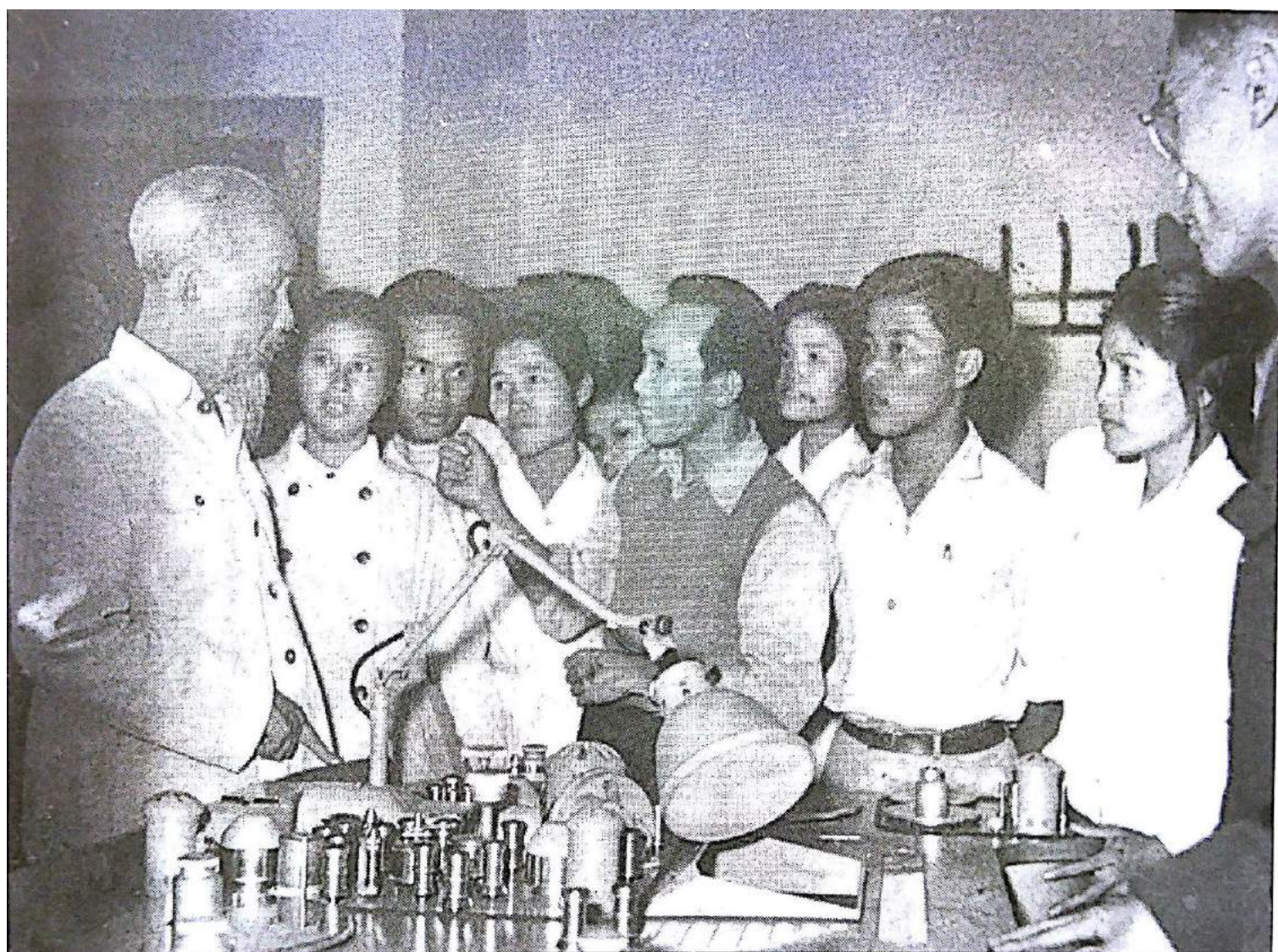
- Vâng thưa Bác, đúng là hai mươi bức ạ - Tôi cả quyết.

- Thật chứ? - Và chỉ tay vào ngực, Bác nheo mắt - Thế còn đây, chú không kể ư?

Và hai Bác cháu phá lên cười, thoải mái.

Bác Hồ của chúng ta, trong những năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, đã lăn lộn tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội ở cơ sở, thuộc nhiều nghề nghiệp khác. Cho nên Bác thấu hiểu rất mực, thông cảm rất mực công việc cùng những khó khăn, những yêu cầu riêng biệt của từng ngành, từng môn. Riêng anh chị em làm công tác nhiếp ảnh, điện ảnh chúng tôi đã nhiều dịp được thấy cụ thể điều đó. Về điểm này, tôi còn nhớ mãi trường hợp xảy ra trong dịp phục vụ Đại hội thành lập Mặt trận Liên Việt.

Hội nghị được tổ chức trong một khu rừng Việt Bắc vào những năm kháng chiến chống Pháp. Bộ phận điện ảnh và nhiếp ảnh phục vụ hội nghị gồm có các anh Đình Đăng Đình, Lê Minh Hiền và tôi. Hội trường là một ngôi nhà tre lợp lá cọ, rộng thoáng, do anh em công binh cấp tốc dựng trong một thời gian ngắn. Cho đến giờ phút chót mọi công việc chuẩn bị đều đã chu tất. Riêng có ba chúng tôi là vẫn bồn chồn không yên. Chúng tôi đã được phổ biến kỹ về tầm quan trọng đặc biệt của hội nghị. Một sự kiện lịch sử lớn lao nhường ấy, tất phải được ghi hình ảnh để lưu lại về sau, đó là điều cần phải thực hiện bằng mọi cách. Nhiệm vụ đó, ba anh em chúng tôi phải đảm đương. Nhưng trong hoàn cảnh kháng chiến, máy móc cũ kỹ kém phẩm chất, đèn chụp không có, nơi họp lại ở trong nhà, giữa rừng rậm, thiếu ánh sáng, làm sao có thể bảo đảm ghi được những hình ảnh tốt? Chúng tôi lo lắng, bàn đi bàn lại, tìm cách khắc phục khó khăn, cuối cùng đi đến kết luận: chỉ còn cách xin được phép dỡ một phần mái trên chỗ Đoàn Chủ tịch ngồi - Một yêu cầu mà bản thân chúng tôi thấy là có phần quá mức. Nhưng vì bí quá nên chúng tôi vẫn phải đánh bạo đề đạt ý kiến đó với các đồng chí



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bộ phận dựng và ráp nối phim
tại xưởng phim (10/2/1960) - Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

phụ trách tổ chức Hội nghị. Tuy cũng thấy là cần thiết cho yêu cầu nghiệp vụ, các đồng chí vẫn do dự, không dám quyết định.

- Chuyện này gay đây. Dỡ mái ngay trên chỗ Đoàn Chủ tịch ngồi đâu phải là điều có thể tự quyết định được. Có lẽ phải xin ý kiến của Bác mới xong. - Một đồng chí phụ trách Hội nghị nói.

Chúng tôi nhìn nhau, ngán ngại: ai dè cái công việc nhỏ đó mà cũng lại phải phiền đến Bác! Nhưng biết làm sao được.

Chúng tôi theo các đồng chí phụ trách lên chỗ Bác. Sau khi báo cáo tình hình Hội nghị, các đồng chí nêu lên một vài vấn đề tồn tại, trong đó có cái mắc mớ của chúng tôi. Bác ngồi xấp bằng tròn trong khoang nhà sàn, im lặng nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu, với vẻ bình tĩnh quen thuộc. Nhưng ba chúng tôi thì pháp phồng ruột cứ như lửa đốt. Bác sẽ chỉ thị ra sao đây. Liệu chúng tôi có làm phiền Bác không. Nhưng cái kết thúc lại rất nhanh chóng. Không cần hỏi thêm chi tiết, Bác thấy rõ ngay những khó khăn của chúng tôi và Bác bày cho cách giải quyết.

Cuối thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tôi chuyển sang tập sự cầm máy quay. Tôi tự cho mình có cái may mắn đặc biệt được vào nghề điện ảnh, vừa được ghi những hình ảnh về lãnh tụ kính yêu của chúng ta. Một trong những thu hoạch đầu tiên mà tôi lấy làm vừa lòng là hình ảnh Bác ngồi đọc sách bên cửa sổ nhà sàn sau này đã được sử dụng trong các bộ phim *79 Mùa xuân* và *Người là Hồ Chí Minh*. Bác ngồi ung dung với dáng mạo một ông tiên bên khung cửa sổ, nơi "trăng vào cửa sổ đòi thơ". Bộ râu trắng của Bác rung rung trong gió, Bác vừa đọc sách vừa đưa tay vuốt ve một chú mèo nằm bên. Tất cả toát ra một vẻ yên tĩnh lạ.

Cái phong thái hiền triết rất Việt Nam ấy cũng như tâm hồn dào dạt tình yêu thiên nhiên, đất nước, tôi đã bắt gặp trong nhiều đợt theo Bác đi công tác. Trong những năm đầu lập lại hoà bình (sau kháng chiến chống Pháp) tôi được ăn hai cái Tết dọc đường với Bác, một lần đi thăm mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), một lần

đi thăm Thác Huống (Thái Nguyên). Cả hai chuyến đó, mùa xuân đến bắt gặp Bác cháu chúng tôi trên đường đi. Lần đi thăm mỏ Tĩnh Túc, vào khoảng gần trưa mùng một Tết, xe chúng tôi vừa đến một con suối thì Bác bảo dừng lại nghỉ ăn cơm. Tâm hồn giàu cảm xúc của Bác không thể dừng đứng trước cảnh đẹp của đất nước. "Thiên nhiên hữu tình như thế này, mà không nghỉ chân hưởng lấy chút ít thì cũng phí quá", Bác bảo vậy. Anh em phục vụ dọn cơm riêng cho Bác, nhưng Bác không chịu, bảo tất cả ngồi ăn chung. Ăn xong, Bác ngồi trên một phiến đá lớn bên bờ suối, nước róc rách chảy. Câu thơ của Bác: "Tiếng suối trong như tiếng hát xa" vụt trở lại trong tôi với tất cả âm hưởng kỳ diệu của nó. Lần đi Thác Huống, Bác cháu cũng ăn bữa trưa mùng một Tết ở dọc đường như vậy. Dừng chân ở một khu rừng thông. Mỗi lần như vậy, đối với chúng tôi, là một bài học thấm thía về tình yêu quê hương xứ sở.

Khi chuyển sang Xưởng phim truyện Hà Nội, vào năm 1960, tôi tưởng sẽ ít có dịp được gặp Bác hơn. Nhưng rồi cứ mỗi kỳ hoàn thành một bộ phim mới, tôi lại được mang vào Phủ Chủ tịch chiếu để Bác xem. Thành thử tôi vẫn được gặp Bác. Như buổi chiếu phim *Nỗi gió*, sau khi xem xong Bác còn đi dạo trong vườn trò chuyện mãi với anh chị em chúng tôi. Trời về khuya se se lạnh, anh Kỳ lấy áo ngoài choàng lên vai Bác.

Một hôm, sau khi chiếu một bộ phim mới xây dựng, đồng chí Phạm Tuấn Khánh, hồi đó là Giám đốc Xưởng phim truyện kiêm Cục trưởng Cục Điện ảnh, xin Bác cho ý kiến về những ưu, khuyết điểm của phim. Bác tươi cười khoát tay chỉ xuống chỗ anh chị em cán bộ, công nhân viên phục vụ trong Phủ Chủ tịch:

- Đây này, hỏi ý kiến quần chúng ấy, chứ hỏi ý kiến Chủ tịch nước làm gì?

Một lần khác, cũng đồng chí Phạm Tuấn Khánh hỏi:

- Thưa Bác, phim này có chiếu được không ạ?

Bác trả lời vui vẻ:

- Có phim, có điện, có máy ắt là chiếu được thôi!

Tôi nhớ nhất cái lần đem phim *Làng nổi* vào chiếu để Bác xem. Bữa đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng tới dự.

Khi bật đèn sáng, Bác chỉ vào tôi hỏi Thủ tướng:

- Chú Tô^(*) có nhớ đây là chú nào không?

- Dạ, thưa Bác có, Thủ tướng trả lời. Chú ấy chụp ảnh hồi ở ATK^(**).

Bác mỉm cười lắc đầu:

- Không phải!

Tôi hơi ngạc nhiên: Thủ tướng trả lời đúng, sao Bác lại bảo không phải? Không, chắc là Bác đang dành cho chúng tôi một điều gì lý thú đây.

Bác nói tiếp:

- Đây là chú "Màn tuồng".

Ra thế! Cái chi tiết nhỏ từ hơn 10 năm rồi mà Bác vẫn còn nhớ!

Nguyên do là thế này:

Chuyện xảy ra trong dịp Đại hội thành lập Mặt trận Liên Việt ở chiến khu Việt Bắc. Đó là một buổi tối liên hoan. Phần lớn các "tiết mục" đều là "tự biên, tự diễn". Đồng chí Tô Hữu ngâm thơ, đồng chí Phan Anh lấy Kiều. Xem ra các "nghệ nhân" cũng không được đông đảo cho lắm. Cho nên đang giữa cuộc, Bác ra hành lang gặp anh Vũ Năng An và tôi. Bác kéo chúng tôi vào giúp vui. Không để cho tôi kịp chuẩn bị gì, Bác đẩy tôi ra "sân khấu":

- Xin giới thiệu chú "ảnh sĩ" ra góp vui đại hội.

(*) Tên gọi riêng của đồng chí Phạm Văn Đồng.

(**) ATK: An toàn khu ở Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bị bất ngờ, tôi đứng ngây ra một lúc. Nhưng rồi trấn tĩnh lại, tôi nhớ đến một lớp tuồng mà hồi 13, 14 tuổi tôi rất thích và thường mua may bắt chước trong lúc cao hứng. Mới đầu còn rụt rè, vấp vấp, sau mới trấn tĩnh được. Một mình tôi sắm luôn cả mấy vai.

Không ngờ "tiết mục" lại được hoan nghênh, hội trường vỗ tay rôm rả. Bác thưởng cho một điều thuốc. Vậy đó, lai lịch chú "mần tuồng" là như vậy.

Hơn mười năm sau Bác còn nhớ.

Cho tới nay tôi vẫn làm phim truyện, nhưng không bao giờ tôi còn được mang phim của mình vào chiếu để Bác xem nữa. Bác đã đi xa rồi... Nhưng ngày nay đang cùng một số anh chị em bắt tay vào xây dựng bộ phim truyện mới, có lúc tôi bỗng tưởng tượng ra cái lúc hoàn thành phim mang vào trình Bác, Bác sẽ lại cho chúng tôi kẹo - cho ăn tại chỗ và được mang phần về nhà - Bác sẽ lại dạo trong vườn với chúng tôi, nói chuyện, cho ý kiến chỉ bảo, và khi sương xuống, anh Vũ Kỳ sẽ lại khoác áo ngoài lên vai Bác... Tôi rung rung xúc động và nghĩ phải cố gắng hơn để xứng với công ơn của Bác, với những lần được gặp Bác, được nghe Bác căn dặn và dạy dỗ.

NHỮNG LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

BÙI ĐÌNH HẠC

Cuối năm 1958, tôi và anh Hồng Sến đi quay phim tài liệu trên công trường đại thủy lợi Bắc - Hưng - Hải. Cái nắng hanh vàng trong và nhẹ, rất đẹp trải trên khung cảnh rộng lớn của công trường. Đã mấy tháng nay, kể từ ngày Thủ tướng Phạm Văn Đồng cuộc nhất cuộc đầu tiên mở đầu cho công cuộc thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, công trường như một guồng máy khổng lồ làm việc suốt đêm ngày. Những ngọn cờ đỏ vượt năng suất ngày càng nhiều, có đơn vị treo thành chùm. Những ngọn cờ xanh năng suất ngày càng ít và rồi không còn trông thấy nữa. Chúng tôi đặt chiếc máy quay phim K.S 50 lên trên chân máy để ghi toàn cảnh công trường nhuộm nắng rực lên màu cờ đỏ. Chúng tôi đang tập trung vào cảnh phim bỗng như cảm thấy có việc gì lớn lắm đang xảy ra ở phía sau. Tôi quay lại thấy có một tốp người đang đi tới giữa không khí náo nức của công trường. Tôi bỗng bàng hoàng, sửng sốt: Bác Hồ. Đúng là Bác, Bác mặc bộ quần áo nâu bạc màu, chân đi đôi dép cao su đen đang thoăn thoắt bước tới.

Bao nhiêu đêm ngày làm việc ở đây, tôi cứ nghĩ thế nào công trường cũng được Bác đến thăm và tôi sẽ được quay phim Bác. Tôi chuẩn bị sẵn trong óc, nếu Bác tới sẽ quay như thế nào. Thế mà nay khi Bác đến thật, tôi chỉ còn đứng mà nhìn, mà xúc động. Một hạnh phúc quá lớn đối với tôi.

Bác bước tới. Ban chỉ huy công trường đi bên Bác. Chúng tôi cầm máy quay phim hồi hộp chạy tới. Tiếng reo "Bác đến!" truyền đi thành trăm ngàn tiếng reo vang âm tới tận xa. Cả công

trường rung động. Một rừng người chạy về phía Bác. Chỉ trong giây lát một đám đông lớn đã đứng quanh Bác. Các đồng chí đi theo Bác và các đồng chí trong ban chỉ huy công trường yêu cầu mọi người tránh ra hai bên để Bác đi, nhưng ai cũng muốn được đến gần Bác, được nhìn thấy Bác rõ hơn. Các đồng chí đi theo Bác lúng túng, chưa biết giải quyết ra sao. Chính lúc đó Bác hiểu nguyện vọng của mọi người. Bác đứng lên một miếng đất cao để mọi người nhìn thấy Bác rõ hơn. Bác mỉm cười nhìn tất cả một lượt và nói:

- Các cô các chú và các cháu thanh niên gặp Bác như thế này là đủ rồi. Bây giờ tất cả trở về chỗ của mình để làm việc.

Bác giơ tay ra hiệu. Lập tức mọi người giãn ra hai bên. Một niềm vui rộn ràng lan khắp công trường. Một sức mạnh kỳ diệu đưa công trường tiến lên những bước mới. Chúng tôi ra sức quay để ghi lấy giây phút kỳ diệu đó và đã đưa được phần nào vào bộ phim *Nước về Bắc - Hưng - Hải*.

Bác đi thẳng đến chỗ giàn giáo đổ bê tông xây móng công Xuân Quan. Nhìn thấy quang cảnh làm việc khẩn trương: anh chị em công nhân đang vun vút đẩy những xe cút kít chở đầy bê tông, đôi mắt Bác thoáng hiện vẻ bằng lòng. Bác bước lên bậc thang, lướt qua những khung sắt, bắt tay các đồng chí chuyên gia nước bạn. Bác đến gần anh chị em công nhân đổ bê tông. Một chị đẩy xe cút kít chở đầy bê tông. Gặp Bác chị dừng lại. Bác cầm lấy hai càng xe cút kít và Bác đẩy. Ôi! Xe chở nặng, lại chỉ có một bánh gỗ ở giữa mà Bác thì đã cao tuổi. Anh chị em công nhân chạy đến vây quanh Bác, đỡ lấy càng xe. Bác cháu cùng vui. Bác cười, anh chị em công nhân cũng cười và hô vang "Bác Hồ muôn năm" trong không khí ngày hội lao động đầy phấn khởi.

Bác là một lãnh tụ, nhưng ở giữa công trường hôm nấy, ở Bác lại toả ra dáng vẻ người công nhân. Không chỉ ở bộ quần áo nâu, đôi dép cao su đen mà chính là ở tình cảm, suy nghĩ và việc làm của Bác.

Hôm đó chúng tôi đã quay được những mét phim mà suốt đời không sao quên.

*

* *

Đầu năm 1967, một số anh chị em công tác điện ảnh chúng tôi được may mắn đem bộ phim truyện *Nguyễn Văn Trỗi* vào Phủ Chủ tịch báo cáo với Bác. Buổi tối hôm ấy Bác gặp các đồng chí lái máy bay có thành tích bắn rơi giặc lái Mỹ. Chúng tôi ngồi chờ ở phòng chiếu phim. Bác bước ra trông hồng hào, khỏe mạnh. Các đồng chí anh hùng lái máy bay đi bên cạnh. Bác rất vui, vừa đi, vừa nói chuyện, trông dáng rất nhanh nhẹn giữa những người con yêu mặc quân phục màu xanh. Hình ảnh ấy đẹp quá. Bỗng Bác hỏi:

- Các chú điện ảnh có đây chưa?

Giọng Bác vang và ấm lạ. Nhìn thấy Bác vui, chúng tôi sung sướng trả lời:

- Thưa Bác, chúng cháu có mặt.

Anh Hà Huy Giáp giới thiệu chúng tôi. Bác nhìn từng người một. Bác vẫy tay cho cô Thu Hiền đóng vai chị Quyên, nhân vật vợ anh Nguyễn Văn Trỗi, đến ngồi bên cạnh.

Bác hỏi:

- Khi làm xong phim, các cô, các chú đã nghe nhiều ý kiến góp ý chưa?

Anh Hà Huy Giáp trả lời:

- Thưa Bác, xin báo cáo với Bác là anh chị em làm bộ phim này đã làm việc với một tinh thần tập thể cao, ngay từ khi bắt đầu đã làm được nhiều ý kiến xây dựng. Và hôm nay anh chị em xin đề nghị Bác cho ý kiến sau khi xem xong.

Bác vui vẻ nhìn chúng tôi:

- Các cháu làm việc với một tinh thần tập thể cao, thế là tốt. Nhưng tập thể của đoàn phim làm mới là tập thể nhỏ, cần phải

chú ý lắng nghe ý kiến phê bình của đông đảo quần chúng, đó mới là tập thể lớn.

Chúng tôi lắng nghe từng lời Bác căn dặn.

Đèn tắt. Màn ảnh sáng lên. Từng hình ảnh, từng lời nói, tiếng nhạc trong phim trôi qua. Bác xem rất chăm chú. Mỗi khi trên màn ảnh xuất hiện một vài cảnh mà khi làm phim chưa thật cẩn thận, khi lòng tiếng còn vội vã để lại một số thiếu sót, những hạt sạn về nghệ thuật thì trong lòng tôi lại cảm thấy nổi xót xa cắn rứt.

Buổi chiếu phim chấm dứt. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi ý kiến của Bác.

Bác quay lại hỏi các đồng chí lái máy bay và các anh, các chị công tác trong Phủ Chủ tịch cùng xem phim hôm ấy:

- Các cô, các chú thấy phim có hay không?

Tiếng cười, tiếng trả lời vui vẻ:

- Phim hay ạ..., phim tốt ạ...

Bác mỉm cười. Bác nhìn anh Giáp rồi nhìn chúng tôi:

- Đây! Ý kiến của quần chúng đây.

Trước khi ra về Bác bắt tay từng người. Khi đến bé Vân, em bé lên năm tuổi đóng vai em bé Dân ở trong phim, Bác đưa kẹo cho bé và hỏi:

- Cháu lấy mấy chiếc?

Bé Vân thấy nụ cười hiền của Bác, thấy trong tay Bác nhiều kẹo, bé thích quá giơ cả hai tay ra đỡ lấy. Bác cười cho kẹo và xoa đầu bé Vân.

Ngày hôm đó chúng tôi vui một niềm vui trong lành ấm áp tình Bác. Chúng tôi sung sướng được thấy Bác vui và tự hứa với nhau sẽ cố gắng để Bác vui hơn nữa trong phần việc của mình.

QUAY PHIM BÁC Ở CHIẾN KHU VIỆT BẮC

LÊ MINH HIỀN

Năm 1951, đoàn cán bộ miền Nam lặn lội vượt núi, trèo đèo ra Bắc gặp Bác, trong đoàn có tôi và anh Doãn là cán bộ điện ảnh.

Yêu thương cán bộ miền Nam vất vả sau sáu tháng trời ròng rã từ Nam Bộ đi ra Bắc. Bác cho hai chúng tôi được ở trong "Phủ Chủ tịch" với Bác tại chiến khu Việt Bắc. Thật là điều vui mừng cảm động, ngoài mong ước của chúng tôi. Đúng như đồng chí Tố Hữu viết:

*Nơi Bác ở, sàn mây vách gió
Sáng nghe chim rừng gáy bên nhà
Đêm trắng một ngọn đèn khêu nhỏ
"Tiếng suối trong như tiếng hát xa".*

Quanh bếp lửa hồng, giữa một đêm đông giá rét, trong căn cứ địa kháng chiến chống Pháp, Bác Hồ gặp anh em điện ảnh miền Nam chúng tôi trong một cuộc liên hoan âm cúng có nhiều tiết mục văn nghệ. Chúng tôi chuyển lời của đồng bào miền Nam kính chúc sức khỏe Bác. Bác cảm ơn và ân cần thăm hỏi đồng bào miền Nam, hỏi thăm anh em quay phim đi đường có khỏe không, có nguy hiểm vất vả không. Tấm lòng của Bác đối với đồng bào miền Nam rộng hơn biển cả. Những ngày được ở gần Bác là những ngày hạnh phúc nhất của đời tôi.

Với chiếc máy quay và số mét phim có lúc ấy rất ít ỏi và hiếm hoi, chúng tôi đã ghi lại được một số hình ảnh vô cùng quý giá về Bác giữa rừng tre "sàn mây vách gió", nơi Bác sống và làm việc.

Có những lần, chúng tôi xin Bác mặc chiếc áo ka ki để quay một số cảnh cần thiết, nhưng Bác bảo:

- Đây, Bác như vậy đây, các chú cứ thế mà quay.

Trong thực tế, hình ảnh Bác với bộ quần áo nâu bình thường đã trở thành quen thuộc, gần gũi trên phim của chúng ta. Thậm chí có lúc đi về nông thôn, Bác xắn quần cao, chúng ta vẫn thấy đẹp, cái đẹp hồn nhiên, giản dị của một vị Chủ tịch luôn luôn gần gũi dân.

Thấy chúng tôi yêu cầu mãi, chắc Bác thương, nên có lần, Bác mặc chiếc áo ka ki cho chúng tôi quay phim.

Mặc dầu được Bác thương như vậy, nhưng không bao giờ chúng tôi dám lạm dụng điều đó. Chúng tôi có quay được một đoạn phim về Bác trong bữa cơm. Bác cầm đĩa thức ăn dành riêng cho Bác chia đều cho các đồng chí chung quanh, không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Đoạn phim này, chúng tôi phải quay "trộm" mới ghi lại được. Vì đã có lần, chúng tôi đề đạt nguyện vọng tha thiết của đồng bào miền Nam mong muốn được biết về đời sống hàng ngày của Bác, thì Bác bảo: "Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của người dân". Bữa cơm nào, chúng tôi cũng thấy Bác chia đều thức ăn cho mọi người. Do đó, chúng tôi nảy ra ý nghĩ phải lén quay cho được cảnh đó, ít ra cũng nói lên được tình cảm yêu thương "chia ngọt sẻ bùi" của Bác. Thế là bữa đó, chúng tôi ra ăn chậm hơn mọi người, nhưng Bác vẫn dành phần cho. Lúc chia, chúng tôi vắng mặt nhưng Bác vẫn không quên. Đó là một đĩa trứng trắng, nhà bếp dành bồi dưỡng riêng cho Bác.

Một lần, trên đường đi công tác, chúng tôi đề nghị:

- Thưa Bác, sau này có điều kiện, Bác cho phép chúng cháu được vào chỗ ở của Bác, tìm hiểu thêm để làm phim truyện nữa, có được không ạ?

Bác không trả lời đề nghị của chúng tôi, mà nói sang chuyện khác.

Trong thời gian được sống gần Bác, chúng tôi học được những bài học lớn về tinh thần vì dân vì nước, đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, về đức tính giản dị, khiêm tốn, về lễ lối làm việc khoa học của Bác, Bác luôn luôn nhắc nhở chúng tôi về nếp sống giản dị, ngăn nắp, trật tự. Lúc nào Bác cũng nhanh nhẹn, gọn gàng. Chúng tôi, khi đi quay phim Bác, cũng phải tập cho quen, nếu không sẽ bị lỡ. Bác còn nhắc nhở chúng tôi tập thể dục, dạy chúng tôi học võ cho người khoẻ mạnh để làm việc tốt.

Hơn hai tháng được ở gần Bác, kể ra đã là quá nhiều đối với những người chưa được vinh dự gặp Bác lần nào. Riêng chúng tôi cảm thấy vẫn còn quá ngắn ngủi.

... Sau mấy năm đi học về, trước khi chúng tôi lên đường về Nam, Bác cho gọi đến dặn dò mọi điều. Bác bảo:

- Khi nào độc lập, Bác vào Nam, các chú dẫn các cô và các cháu đến thăm Bác.

Bác cho hai chúng tôi mỗi người một tấm ảnh có chữ ký của Bác. Mỗi chúng tôi được hôn Bác một cái. Bác nói:

- Đây là đồng bào miền Nam hôn Bác. Nhớ chuyển lời Bác hỏi thăm đồng bào. Bác tuy ở xa, nhưng lúc nào cũng nghĩ đến đồng bào miền Nam. Các chú đi đường phải cẩn thận, giữ bí mật và sức khoẻ.

Nghe Bác dặn dò như người cha dặn đứa con trước lúc đi xa, miệng thì "Dạ! Dạ!" mà nước mắt chúng tôi trào ra không sao cầm được.

Ôn lại những kỷ niệm không bao giờ quên được về những ngày được ở bên cạnh Bác Hồ, chúng tôi vô cùng xúc động. Điều mà chúng tôi ân hận nhất là: những hình ảnh mà chúng tôi đã quay được về Bác quá ít ỏi, không nói được bao nhiêu so với cuộc sống lớn lao của Bác.

ĐƯỜNG VỀ TỔ QUỐC HAY LÀ Ý CHÍ VÀ NGHỊ LỰC LỚN CỦA BÁC HỒ

PHAN ĐÌNH MẬU

Đã có nhiều bộ phim tài liệu của ta và của nước ngoài nói về Bác Hồ, mỗi bộ phim đem đến cho người xem một sự hiểu biết mới, làm nảy nở những cảm xúc mới; chúng ta càng thấy rõ hơn tầm lớn lao, vĩ đại của Bác Hồ.

Đường về Tổ quốc là một bộ phim thuộc loại đó. Điều có thể khẳng định rằng, những ai được ngồi trước màn ảnh xem những thước phim này đều không khỏi ngạc nhiên về những khám phá mới làm chúng ta tự hào vui sướng. Quốc tế Cộng sản, Viện phim lưu trữ quốc gia Liên Xô, Đảng Cộng sản Liên Xô cất giữ những tài liệu, những thước phim tư liệu quý giá về Bác, và dần dần những tư liệu đó được đưa lên màn ảnh để chúng ta hôm nay và con cháu mai sau hiểu biết đầy đủ và tường tận về Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Một hôm, anh Bùi Đình Hạc đạo diễn bộ phim này gặp tôi ở Xưởng phim Thời sự tài liệu. Anh hỏi:

- Anh đã xem *Đường về Tổ quốc* chưa nhỉ?

- Xem rồi! - Tôi trả lời rất gọn. Tôi được xem từ khi phim chưa có thuyết minh.

- Ấy đấy! - Anh Bùi Đình Hạc thấp giọng - Bạn vừa mới gửi sang cho ta thêm một số tư liệu quý nữa. Xem lại, anh sẽ thấy Bác vĩ đại vô cùng.

Và thế là tôi lại xem lần thứ hai, lần thứ ba. Quả là qua những thước phim tư liệu quý giá chưa một lần đưa lên màn ảnh,

chúng ta sẽ ngỡ ngàng đến thú vị như khám phá ra được những điều bí mật về một quãng đời của Bác mà sử sách hoặc chưa nói hoặc nói rất ít. Người xem như được theo dõi cuộc hành trình vĩ đại của Bác. Đây là một sự thật - một sự thật đã qua đi non nửa thế kỷ nay mà chỉ có điện ảnh, chỉ có những thước phim tư liệu mới bảo tồn được nguyên vẹn, mới làm sống lại được một quãng đời đầy gian nan thử thách, và chỉ riêng cuộc hành trình trở về Tổ quốc cũng đủ để nhân loại khâm phục tài năng và ý chí của Bác. Đó là cuộc hành trình trở về Tổ quốc của Bác để kịp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam khi thời cơ cách mạng đã đến.

Tục ngữ có câu: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Với Bác Hồ cũng đúng như vậy. Bác hiểu nhiều, hiểu rộng, Bác trở thành lãnh tụ, trở thành vĩ nhân có một lẽ Bác đã đi nhiều, đã đi rất xa. Chỉ riêng việc trở về Tổ quốc Bác đã phải đi vòng quanh gần nửa trái đất.

Phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* cũng của nhóm làm phim Thép Mới, Hồng Hà, Bùi Đình Hạc, rồi phim này chính là sự tiếp nối phim trước, mặc dù nó có chủ đề riêng, chất liệu riêng. Nếu như bộ phim trước kết thúc ở cảnh Bác Hồ chia tay các đại biểu Quốc tế cộng sản ở Mát-xcơ-va đề về phương Đông hoạt động, thì bộ phim này chính là cuộc hành trình đó.

Sau khi giã từ các đại biểu Quốc tế cộng sản ở Mát-xcơ-va, Bác đi qua vùng Iéc-cút sang cảng Vla-đi-vốt-xtóc. Ở đây, Bác xuống tàu biển đi về lục địa Trung Hoa. Hồi đó, đất Trung Quốc cũng đang đắm chìm trong cảnh đời nô lệ, các vụ tàn sát, bắt bớ luôn xảy ra. Bác đã rơi vào tay bọn mật thám cảnh sát. Bác bị giam, nhưng nhờ sự giúp đỡ của ông bà luật sư người Anh là Lu-dơ-bai, Bác được giải thoát. Bác lại xuống tàu biển trở về Vla-đi-vốt-xtóc, qua Crum, qua Iéc-cút về Mát-xcơ-va. Về câu chuyện ông bà luật sư Lu-dơ-bai giúp Bác, trong sử sách cũng có nói. Sau này, khi là Chủ tịch nước, đã đôi ba lần Bác mời bà Lu-dơ-bai và cô con gái của bà sang thăm Việt Nam.

Cuộc hành trình trở về Tổ quốc lần thứ hai của Bác phải đổi hướng. Từ Mát-xcơ-va Bác qua Pa-ri, qua Béc-lin qua Mi-lăng (Ý) qua Hồng Hải, qua Ấn Độ Dương về Xanh-ga-po và ngược lên Thái Lan. Đây là một cuộc hành trình vượt qua bao nhiêu lục địa, bao nhiêu đại dương. (Giá chúng ta hiểu được lý do cụ thể hơn về con đường mà lần thứ hai Bác chọn!). Nhưng dù Bác đã phải đi một con đường vòng như vậy, lần này Bác cũng không đặt chân lên được đất nước Việt Nam. Từ Thái Lan, Bác lại phải sang Quảng Châu Trung Quốc và rồi lại theo đường biển trở về Mát-xcơ-va.

Lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng, con đường tuy có ngắn hơn hai lần trước nhưng đó là một con đường mà hồi đó Bác phải dùng đến cả những phương tiện giao thông thô sơ nhất là đi bộ, đi bằng lạc đà qua sa mạc Gô-bi, qua miền Nam nước Nga, qua lục địa Trung Quốc về Pác Bó. Nếu được xem phim hoặc giở tấm bản đồ thế giới, lấy bút chì xanh đỏ vẽ cuộc hành trình trở về Tổ quốc của Bác, chúng ta sẽ thấy ý chí và nghị lực của Bác thật lớn lao phi thường.

Cuộc hành trình đó của một nhà hoạt động cách mạng, một đại biểu Quốc tế cộng sản luôn suy nghĩ và chăm lo cho phong trào cách mạng, và cũng luôn bị bọn mật thám rình mò theo dõi, truy nã, kết án, thậm chí cả kết án tử hình, nếu bắt được không cần xét xử. Cũng bởi vậy, Bác luôn phải thay hình đổi dạng, mỗi lúc mỗi nơi lại có một cái tên riêng. Chưa có một tài liệu nào thống kê đầy đủ các tên mà Bác đã dùng trong cuộc đời hoạt động của Bác. Trong phim *Đường về Tổ quốc* cũng chưa liệt kê đầy đủ tên của Bác. Chỉ qua những tài liệu, những chữ ký của Bác có liên quan đến bộ phim, những cái tên đó cũng đã khá nhiều. Ví dụ Bác có tên Trung Quốc là Trần Vương, Tống Văn Sơ, Lý Thụy, có tên Thái Lan là Thầu Chín, có tên Liên Xô là Ni-lốp-xki, là Lin, có tên Pháp là Lu-i, có cả tên Đức và nhiều tên khác nữa mà người xem không thể nhớ hết. Nhưng kẻ thù chỉ đi truy lùng cái tên gốc và chúng cũng sợ nhất cái tên đó:

Nguyễn Ái Quốc. Cái tên này đã nhiều lần xuất hiện trên báo chí, sách vở, trên diễn đàn của các tổ chức chính trị quốc tế, đã nhiều phen cho kẻ thù những đòn chí mạng. Hễ đánh hơi thấy cái tên này là chúng truy lùng ngay.

Bác đã làm nhiều việc cho phong trào cách mạng, không chỉ riêng của Việt Nam. Đối với cách mạng Trung Quốc, Bác cũng đóng góp nhiều công sức. Ở trên đất nước Trung Hoa, Bác đã làm nhiều việc, đã tham gia Bát lộ quân. Trong một báo cáo gửi về Quốc tế cộng sản, Bác viết ở Trung Quốc, Bác đã phải làm nhiều thứ việc không đúng với cương vị là một đại biểu Quốc tế cộng sản. Có khi Bác đã làm chủ nhiệm câu lạc bộ, một tuyên truyền viên, v.v.. Thế nhưng Bác vẫn làm. Khi nghe chiến tranh Tây Ban Nha nổ ra, Bác viết thư cho Quốc tế cộng sản xin được tình nguyện sang chiến đấu cùng các chiến sĩ yêu nước.

Xem những thước phim này chúng ta xúc động vô cùng. Một lãnh tụ Quốc tế cộng sản, tình nguyện làm một chiến sĩ, khi đất nước Tây Ban Nha bị xâm lăng cũng coi như chính Tổ quốc mình bị xâm lăng. Điều đó nói với người xem chúng ta hôm nay và mai sau về tinh thần và lẽ sống làm người, không phải bằng những lời giáo huấn mà là cả cuộc đời và tấm lòng. Những đồng chí cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta đã từng làm việc cạnh Bác trong nhiều năm, khi xem đến những cảnh phim này đã rất xúc động. Hẳn là đông đảo người xem cũng như vậy.

Khi Hít-le chuẩn bị châm ngòi lửa chiến tranh ở châu Âu với 300 sư đoàn quân phát-xít, và kêu gào, kích động sự thần phục mù quáng chủ nghĩa sô vanh cuồng tín; khi Mút-xô-li-ni leo lên bục diễn thuyết học đòi Hít-le, phụ họa theo Hít-le; khi Nhật hoàng và đội quân võ sĩ sát khí đằng đằng chuẩn bị tấn công Mãn Châu Lý, Bác Hồ khẳng định: "Chiến tranh thế giới có thể xảy ra nhưng kết thúc là sự hình thành một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa".

Chúng ta cảm ơn những nhà quay phim tư liệu hồi đó và những người giữ cho chúng ta những thước phim tư liệu quý giá

này, để đến bây giờ chúng ta thấy lại lịch sử, con người, vĩ nhân là Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dù trong bộ phim sự xuất hiện của Bác không nhiều.

Nếu như bộ phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* có một lối kết cấu và dựng phim điềm tĩnh, sử dụng sự lặp lại, nhấn mạnh để gây cảm xúc, gây ấn tượng, tạo sự trang trọng cho phim, thì ngược lại, ở *Đường về Tổ quốc* là lịch sử sôi động của thế giới, là bức tranh rộng lớn của thế giới trong bão táp của những năm ba mươi, bốn mươi của thế kỷ này mà lịch sử Việt Nam cũng như thế giới vừa đau thương lại vừa hào hùng, mà Bác Hồ là sự liên kết các sự kiện của bức tranh rộng lớn đó. Điều thú vị đem đến cho người xem là chúng ta thấy lại bức tranh rộng lớn ấy không phải ở ngày nay mà lại ở thời điểm cách đây hơn bốn chục năm, và bằng chính những thước phim tư liệu do người nước ngoài quay được từ những ngày đó, lúc mà điện ảnh mới bước vào thời kỳ phim mới - phim có tiếng. Công nghệ điện ảnh bấy giờ chưa hoàn chỉnh. Có lẽ các nghệ sĩ quay phim hồi đó chưa được học nhiều như bây giờ, và máy quay phim là loại cũ với tốc độ chậm nên hình ảnh trên phim còn đáng dấp của phim hoạt hình. Như cảnh nhân dân Tây Nguyên cười voi xông trận vừa có khí thế ra quân lại vừa có nét sinh hoạt văn hoá cổ xưa của một vùng núi Việt Nam, cảnh triều đình nhà Nguyễn quần chùng áo the cúi rạp mình trước bọn quan thầy Pháp, cảnh ở Trung Quốc bọn tư bản, quyền quý nước ngoài ngồi trên những chiếc xe kéo tay để chơi khúc côn cầu, cảnh hành hình cổ sơ là trói tay bắt ngồi xuống đất dí súng vào gáy mà bắn, cảnh những điệu múa cung đình của các vũ công Thái Lan... Tất cả những cái đó, tuy vậy đã giúp người xem nhìn lại bóng dáng của một thời đã qua của nhiều đất nước của phương Đông và châu Âu.

Những người tham gia xây dựng bộ phim này^(*) cũng là tổ làm phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* trước đây. Khi chuẩn

(*) Biên kịch: Hồng Hà, đạo diễn: Bùi Đình Hạc, quay phim: Đỗ Duy Hùng, dựng phim: Vũ Lệ Mỹ, viết thuyết minh: Thép Mới.

bị bắt tay vào xây dựng những bộ phim về Bác, một số anh em trong thành phần chủ yếu của tổ làm phim đã sang Liên Xô, vừa để khai thác nguồn phim tư liệu và tài liệu lưu trữ của Liên Xô, vừa để quay những cảnh thực người thực trên đất nước Liên Xô có mối dây liên hệ với Bác. Đó cũng là hai nguồn chất liệu chính để xây dựng phim. Ở trong phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* người xem thấy lại được nhiều hình ảnh quý về Bác chúng ta, không những chứng minh vai trò và tác dụng to lớn của Bác đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà còn thấy rõ cả tâm hồn, tính cách của Bác. Còn trong *Đường về Tổ quốc* có hơi khác. Những hình ảnh về Bác rất ít. Các tác giả đã khéo sử dụng nguồn tư liệu lịch sử của thế giới và trong nước, dùng lối miêu tả gián tiếp thông qua hiện thực lịch sử giúp người xem hiểu được cái vĩ đại cái lớn lao của Bác Hồ. Thậm chí ở đây còn dùng tới cả những bức ảnh, cũng như trong phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* dùng cả tranh, tượng. Nhờ sự nghiên cứu sử dụng đúng lúc đúng chỗ, những hình ảnh đó phát huy được sức mạnh của nó, tạo được hứng thú cho người xem.

Đã có nhiều khán giả bộc lộ niềm sung sướng đối với bộ phim này, từ sự kết hợp giữa hai nguồn chất liệu nói trên, và đến việc đưa một cách khéo léo bối cảnh lịch sử sôi động của thế giới trong thời kỳ đó làm nổi lên chủ đề chính, làm nổi hình ảnh cao đẹp của Hồ Chủ tịch, mà nét đẹp rực rỡ nhất toát ra từ bộ phim là một bài học lớn về ý chí nghị lực của Bác, đã vượt qua ngàn dặm trở về Tổ quốc, lãnh đạo nhân dân ta làm nên những chiến công thần kỳ.

BÁC HỒ VỚI ĐIỆN ẢNH DÂN TỘC

HIẾU TRUNG

Bác Hồ của chúng ta bận việc ngày đêm, nhưng Bác vẫn dành nhiều thời giờ để chăm sóc tới các hoạt động văn nghệ. Đối với điện ảnh, Bác cũng thường chú ý khích lệ cho ngành nghệ thuật đó mau lớn mạnh...

Vào ngày 15-3-1953, trong lúc chúng ta đang ở giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để giành độc lập dân tộc, ở nơi rừng sâu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh Việt Nam.

Với cương vị là Chủ tịch nước không phải Bác chỉ có ký sắc lệnh, mà Bác đã trực tiếp đến thăm các cơ sở làm phim, trường điện ảnh, thường xuyên xem các phim mới sản xuất của ta, gặp gỡ các đạo diễn, diễn viên, v.v.. Chẳng phải chỉ có những người có hình, có tên trên phim, mà cả những người âm thầm làm trong phòng tối cũng được Bác thăm hỏi.

Có một lần vào năm 1960, Bác Hồ tới thăm một cơ sở làm phim. Bác đến đột ngột làm mọi người sửng sốt. Như người trong nhà, Bác đi thăm mọi nơi, vào cả phòng tối nơi in tráng phim. Bác hỏi thăm sức khoẻ mọi người và căn dặn: "Bây giờ nước ta còn nghèo, cho nên cơ sở vật chất của điện ảnh còn thiếu thốn là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nhân dân ta rất giỏi, nghèo nàn mà vẫn làm nên sự nghiệp. Các cô, các chú đã cố gắng từ trước tới nay, bây giờ cố khắc phục khó khăn, đề cao tinh thần trách nhiệm, tự lực cánh sinh và sử dụng tốt những máy móc của anh em giúp ta để đạt những tiến bộ mới...".

Tại Đại hội điện ảnh Á Phi, khi các đại biểu biết câu chuyện trên thì có người kêu lên: "Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tận phòng tôi xem làm phim kia à? Chúng tôi rất thêm cái hạnh phúc đó của các bạn!".

Năm 1960, theo chỉ thị của Trung ương, một số đồng chí điện ảnh được cử làm bộ phim "*Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*" để mừng thọ Bác 70 tuổi. Bác không bao giờ vui lòng cho làm những phim nói về Bác. Nhưng khi thấy các đồng chí điện ảnh tới đây để quay một cảnh về buổi họp của Bộ Chính trị dưới sự chủ tọa của Bác, Bác đã chủ động "đạo diễn" để các đồng chí đó khỏi lúng túng. Chính do Bác rất ân cần và chủ động giúp đỡ như vậy, nên nhiều lúc các đồng chí quay phim đã khỏi lúng túng và ghi được những cảnh tốt.

Các đồng chí quay phim đều ôm ấp niềm hy vọng là được một lần đi quay phim về Bác. Thật là hạnh phúc, nhưng cũng là một trách nhiệm to lớn. Bác đi đâu cũng rất linh hoạt, chủ động nên ghi cho kịp những hình ảnh về Bác là một điều khó. Người làm phim cũng như người quay phim không bao giờ thoả mãn, tất cả đều mong muốn được thấy Bác nhiều hơn, được ghi về Bác nhiều hơn nữa.

Có một đồng chí đi quay phim Bác về nông thôn. Hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu đi giữa một thảm lúa bội thu vàng rục. Bác của chúng ta linh hoạt trong mọi việc, thăm lúa, thăm bà con nông dân. Đồng chí quay phim tất bật. Bỗng Bác dừng lại ở một góc độ thuận lợi cho việc tạo hình, dưới ánh chiều rục rờ, bên một thửa ruộng lúa trĩu hạt. Mắt Bác ngời sáng, rạng rỡ. Có lẽ Bác như thấy trước bữa cơm gạo mới ngọt ngào trong mỗi gia đình... Riêng đồng chí quay phim còn như cảm thấy Bác hiểu nỗi tất bật của người quay phim, nên đã chủ động dừng lại. Không bỏ phí một giây, đồng chí đó bấm máy theo nhịp đập của trái tim mình ghi ngay hình ảnh đó, và lia máy theo bước chân Người tiếp tục đi trên tấm thảm mênh mông của cánh đồng lúa chín.

Mỗi lần anh chị em điện ảnh được gặp Bác là một lần được nghe Bác ân cần nhắc nhở từng ly từng tí. Trà Giang được Bác dặn: "Diễn viên phải đoàn kết thương yêu nhau, phải năng tập thể dục cho khoẻ mạnh". Bác dặn đồng chí thuyết minh phim là nói sao cho rõ ràng, dễ hiểu. Bác căn dặn những người làm phim là: "Phim của các chú tốt, có nhiều phim hay, nhưng có phim còn nhanh, đồng bào xem không hiểu, chưa thấy bổ ích thì không thể gọi là tốt được".

Từ những thước phim đầu tiên ghi được về Bác trong ngày lễ Độc lập 1945, tới những thước phim ghi về Bác ở Việt Bắc trong những ngày đánh Pháp, rồi tới những ngày đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và có lẽ thước phim cuối ghi được về Bác là hôm Bác vui với các cháu thiếu nhi nhân ngày 1-6 năm 1969. Những thước phim đó đã trở thành những hình ảnh lịch sử vô giá, và còn quá ít so với cuộc đời lớn lao của Bác, cũng như so với tấm lòng mong muốn của chúng ta.

Cách mạng đã nhận chìm bằng hết những "hình ảnh An Nam" khổ đau của thời nô lệ xưa cũ. Theo lời căn dặn ân tình của Bác Hồ, những người làm điện ảnh chúng ta đang ra sức làm sáng lên trên màn ảnh, trong tâm trí hàng triệu người xem về hình ảnh Tổ quốc Việt Nam bao la hùng vĩ, và sự nghiệp to lớn của nhân dân ta đang quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà quay phim,
nhiếp ảnh CHDC Đức và Việt Nam (8/2/1955) - Ảnh: BTHCM

NHỚ SINH NHẬT BÁC HỒ

TÔ UYÊN

Ngày 19-5-1999 là ngày sinh nhật lần thứ 103 của Bác Hồ. Hằng năm cứ vào ngày này là cả đất nước đều kỷ niệm ngày sinh nhật của Bác, để nhớ lại những năm tháng Bác Hồ còn sống... Nghĩ đến Bác, lời ca "*Hồ Chí Minh muôn năm, giải phóng cho nhân dân...*" lại vang lên trong tôi.

Riêng tôi, có những điều may mắn được gặp Bác rất nhiều lần. Những lần đón các phái đoàn quốc tế ở Phủ Chủ tịch, ở Câu lạc bộ Thiếu niên, ở các trại hè thiếu nhi chăm ngoan nghe lời cha mẹ; rồi trại "Bồ câu trắng" tổ chức ở Bách Thảo chắc nhiều bạn bây giờ còn nhớ. Bác Hồ và bác Su-các-nô đều ra nhảy múa với các cháu thiếu niên. Những bài "*Kết đoàn, 1-2-3-4-5-6-7, Bạn của tôi nay đang ở đâu?*" vang lên trong tiếng hoan hô.

Năm 1960, tôi đang học lớp 7, thì được đi đóng phim "*Con chim vành khuyên*" do bác Nguyễn Đăng Bẩy quay phim, đạo diễn là chú Nguyễn Văn Thông, chú Trần Vũ tuyển chọn tôi trong vai bé Nga.

Phim "*Con chim vành khuyên*" được đưa lên chiếu cho Bác xem. Bác rất cảm động, thương hai bố con bé Nga (nhân vật phim). Để tan đi không khí im lặng sau buổi chiếu phim, Bác bảo: "Bác sẽ cho cháu dầu con hổ xoa cho sống lại. Nhưng cháu ơi, đó là nhân vật phim, còn cháu vẫn sống ngồi cạnh Bác cơ mà". Thế là cả đoàn phim vui vẻ, vây quanh Bác. Bác khen phim hay. Giữa năm 1972, phim "*Con chim vành khuyên*" được Giải

thường Quốc tế - Giải Đặc biệt của Liên hoan phim Các-lô-vi-va-ri ở Tiệp Khắc.

Rồi những lần tôi được mời đi dự tiệc chiêu đãi Quốc tế, gặp tôi, Bác đứng lại nói chuyện rất lâu, lần nào Bác cũng hỏi han tận tình, từ cha mẹ, anh em, rồi cuộc sống ra sao? Rồi ước mơ gì?...

Bác bảo: Hãy cố gắng đóng nhiều phim và làm những điều có ích cho xã hội, nhất là về mặt văn hoá của người dân Việt Nam sau này, của thế hệ các cháu. Bác mong muốn: Làm việc và văn hoá phải đi đôi với nhau. Nghe theo lời Bác ngày ấy, chúng tôi còn đi vào tuyến lửa, Khu 4 để biểu diễn cho bộ đội, ngày Tổng tiến công năm 1968. Rồi đi biểu diễn cho các bệnh viện, thương binh quân đội từ Vĩnh Linh tới Hà Giang và Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ kịch. Rồi còn biểu diễn vở ca kịch "*Cô Sao*" của Đỗ Nhuận ở Nhà hát lớn thành phố, rồi sau ra chỗ nhà Gương ăn kẹo, uống nước và chụp ảnh với Bác Hồ cùng với các vị quan khách khác.

Đóng xong phim "*Nổi gió*", phim "*Cô giáo vùng cao*" tôi lại phải đi làm tiếp phim khác. Một hôm, cũng có bảy, tám người trong Đoàn kịch Điện ảnh vào biểu diễn cho Bác xem. Bác lại hỏi các anh em trong Đoàn kịch Điện ảnh: "Tổ Uyên đã về xưởng phim chưa hay vẫn ở Trường Múa? Sao hôm nay không lên gặp Bác?". Các chị em trong đoàn trả lời Tổ Uyên đi biểu diễn vắng. Trong trăm công ngàn việc mà Bác vẫn nhớ tới cô bé Nga hồn nhiên, vô tư đã cứu cán bộ và bị địch bắn chết. Các anh chị trong đoàn kể lại: "Hôm nay Bác Hồ hỏi Tổ Uyên đây" làm tôi vô cùng xúc động.

Ba mươi năm đã trôi qua, kể từ ngày Bác Hồ mất, tôi khóc mãi và buồn mãi. Hàng bao nhiêu nghìn người tập trung ở Ba Đình để viếng Bác. Lúc ấy, tôi đi bộ suốt từ nhà lên Ba Đình nhập cùng dòng người để được vào viếng Bác tận nơi... Bác như một người Cha, như một người Mẹ. Không chỉ riêng với những

người làm việc bên Văn hoá mà còn trong các lĩnh vực khác, ở đâu cũng vậy, Bác đều thăm hỏi như một người rất gần gũi ruột thịt với chúng ta. Khi Bác xuống với người nông dân, người công nhân, rồi tầng lớp trí thức, sinh viên, Bác đều căn dặn tận tình: "Hãy làm những điều có ích cho xã hội, chính là làm những điều có ích cho con cháu chúng ta".

Mấy ngày nữa là sinh nhật của Bác, 19 tháng 5, tôi thầm nghĩ ai cũng làm như lời Bác dặn thì Xã hội Việt Nam sẽ có nhiều những điều tốt đẹp và ở nơi Bác Hồ yên nghỉ, Bác cũng rất vui... Bác Hồ ơi, cháu nhớ Bác nhiều...